

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



**BẢN CÁO BẠCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302066222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/08/2000, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/05/2023)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU  
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định ĐKNY số 307/QĐ-SGDHCM  
do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**



Trụ sở chính : 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (028) 38552689 Fax: (028) 38555092  
Website : [www.adongpaint.com.vn](http://www.adongpaint.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**



Trụ sở chính : 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội  
Điện thoại : 19006446 Fax: (024) 3773 9058  
CN TP. HCM : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn  
Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại : 19006446 Fax: (028) 6291 0607  
Website : [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ và tên : Ông Lê Đình Quang Chức vụ : Phó Tổng giám đốc  
Số điện thoại : (028) 3855 2689



**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

## **BẢN CÁO BẠCH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302066222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/08/2000, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/05/2023)*

### **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

#### **TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

*(Quyết định DKNY số..... /SGDHCM- QĐ  
do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ... tháng ... năm 2023)*

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**



#### **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

Trụ sở chính : 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (028) 38552689 Fax: (028) 38555092  
Website : [www.adongpaint.com.vn](http://www.adongpaint.com.vn)



#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Trụ sở chính : 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội  
Điện thoại : 19006446 Fax: (024) 3773 9058  
CN TP. HCM : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn  
Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại : 19006446 Fax: (028) 6291 0607  
Website : [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ và tên : Ông Lê Đình Quang Chức vụ : Phó Tổng giám đốc  
Số điện thoại : (028) 3855 2689



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302066222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/08/2000, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/05/2023)

Trụ sở chính: 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38552689

Fax: (028) 38555092

Email: info@adongpaint.com.vn

Website: [www.adongpaint.com.vn](http://www.adongpaint.com.vn)



## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

## TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: ADP

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số lượng niêm yết: 23.039.850 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 230.398.500.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



Trụ sở chính : 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3820 5944 – 3820 5947 Fax: (028) 3820 5942

Website : [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



Fpt Securities

Trụ sở chính : 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại : 19006446 Fax: (024) 3773 9058

CN Tp. HCM : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 19006446 Fax: (028) 6291 0607

Website : [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>5</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	7
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	10
5. Rủi ro khác.....	11
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>	<b>11</b>
1. Tổ chức niêm yết.....	11
2. Tổ chức tư vấn.....	11
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>12</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>	<b>14</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	14
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	20
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	23
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	24
6. Hoạt động kinh doanh.....	25
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	38
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	41
9. Chính sách đối với người lao động.....	44
10. Chính sách cổ tức.....	47
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	48
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng.....	56
13. Tài sản.....	65
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	66
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	69
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	69
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	69



<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>69</b>
1. Loại chứng khoán: .....	69
2. Mệnh giá: .....	70
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: .....	70
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành: .....	70
5. Xếp hạng tín nhiệm .....	71
6. Phương pháp tính giá .....	71
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	74
8. Các loại thuế có liên quan .....	75
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....</b>	<b>78</b>
1. Tổ chức tư vấn: .....	78
2. Tổ chức kiểm toán: .....	78
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>78</b>

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông là một trong những Công ty uy tín trong lĩnh vực công nghiệp sơn tại Việt Nam. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động của Công ty chịu rủi ro từ các nhân tố sau:

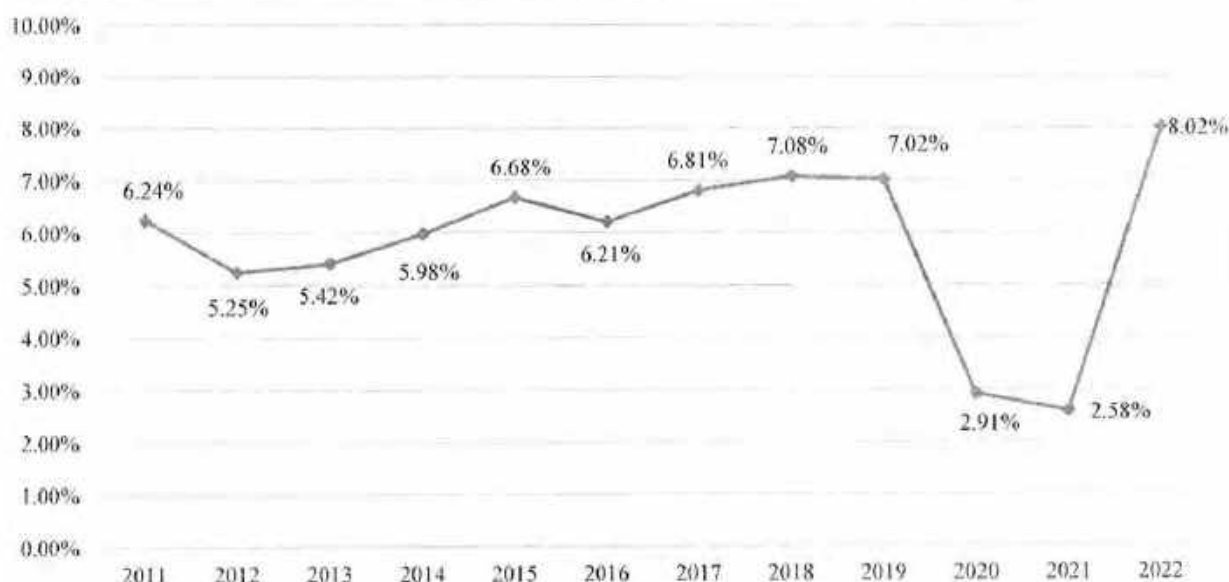
#### 1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố bên trong mà còn chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Sự biến động của các biến số kinh tế như tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, các chính sách kinh tế của Chính phủ,... sẽ tác động một cách hệ thống đến đa số các ngành nghề kinh doanh trong nền kinh tế. Kiểm soát các yếu tố rủi ro nhằm đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và đảm bảo sự vận hành hằng ngày của doanh nghiệp.

##### 1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

**Tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 – 2022**



*Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)*

Năm 2022 là một năm đầy biến động và có nhiều thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung, cũng như Việt Nam nói riêng. Nền kinh tế trong nước tuy phục hồi nhanh hơn so với thế giới nhưng nền tảng phát triển vẫn chưa bền vững do những bất ổn chính trị, dịch bệnh vẫn còn tiềm ẩn với nhiều biến chủng mới.



Theo số liệu từ Tổng Cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế năm 2022 phục hồi tích cực với tốc độ tăng GDP đạt 8,02% cao nhất trong giai đoạn 2011-2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Trên cơ sở các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng bao gồm tiêu dùng nội địa, hồi phục hoạt động sản xuất chế biến chế tạo, các hiệp định thương mại tự do và sự quay lại của dòng vốn FDI, Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu tăng trưởng cho năm 2023 khoảng 6,5%.

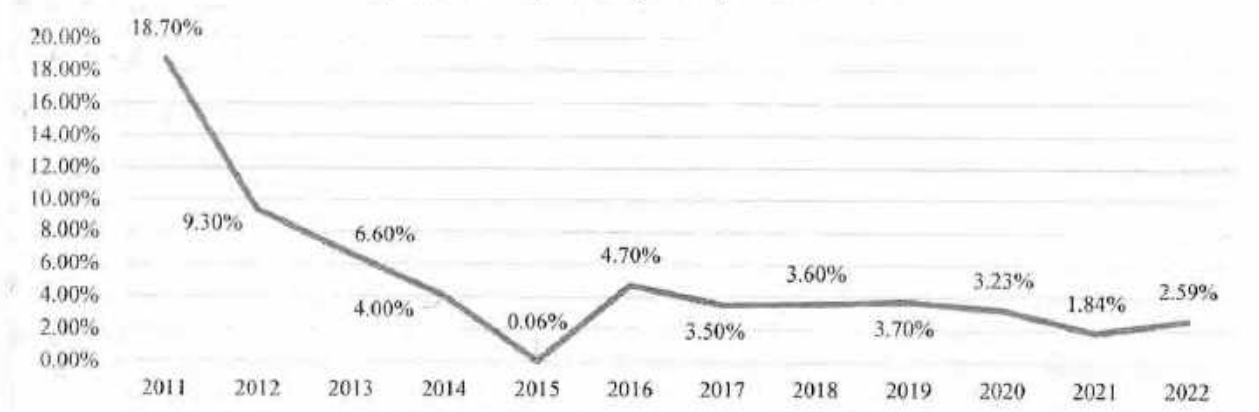
Sự gia tăng thu nhập của người dân và tăng trưởng kinh tế cao góp phần vào sự tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng. Thị trường dự kiến sẽ được thúc đẩy bởi chi tiêu ngày càng tăng cho các hoạt động xây dựng và phục hồi tại các nền kinh tế mới nổi là động lực tăng trưởng cho ngành công nghiệp sơn nói riêng và hoạt động của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông nói chung.

## 1.2. Lạm phát

Từ mức lạm phát hai con số vào những năm 2011 - 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định nền kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát đã giảm ở mức 6,84% năm 2012 xuống còn 0,63% năm 2015, và sau đó giữ dưới mức 5% trong giai đoạn 2016 - 2021. Đây là mức lạm phát phù hợp với nền kinh tế đang trên đà tăng trưởng và là dấu hiệu tích cực trong việc điều hành, triển khai thực hiện những giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường của Nhà nước.

Năm 2022, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 của Việt Nam tăng 3,15% so với năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%).

**Lạm phát Việt Nam giai đoạn 2011 – 2022**



*Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)*

Như vậy, trong năm 2022 mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát, tuy nhiên áp lực lạm phát năm 2023 là rất lớn. Diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang có xu hướng giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại nhưng rủi ro tăng trở lại khá cao do xung đột giữa Nga – Ukraina vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, sự phục hồi kinh tế Trung Quốc có thể kéo nhu cầu năng lượng gia tăng. Kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2023 do tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao. Chính vì vậy, công tác quản lý, điều hành trong thời gian tới Ban lãnh đạo Công ty sẽ cân nhắc thực hiện thận trọng, chủ động và linh hoạt để bảo đảm kiểm soát tốc độ tăng giá tiêu dùng năm 2023.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng như Công ty Cổ phần Sơn Á Đông, trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, cụ thể là nguyên vật liệu. Vì thế Ban điều hành thường xuyên thực hiện việc: (1) xác định, đánh giá các chi phí phát sinh thực tế; (2) lập kế hoạch chi phí phù hợp cho từng chu kỳ; (3) điều chỉnh các chính sách phù hợp với tình hình thực tế nhằm duy trì biên lợi nhuận ở mức hiệu quả và giảm thiểu rủi ro của việc gia tăng lạm phát gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đều phải chịu sự chi phối của pháp luật và Công ty Cổ phần Sơn Á Đông cũng không ngoại lệ. Pháp luật tạo ra hệ thống, cơ sở để thị trường thương mại, kinh doanh hoạt động một cách công bằng, hợp lý và có nguyên tắc. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Sơn Á Đông nói riêng.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM), và đang thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), do đó công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, các Luật thuế, Luật chứng khoán, Luật Hóa chất,... và các quy định riêng tại Sở giao dịch chứng khoán và các quy định khác có liên quan. Ngoài ra, hoạt động sản xuất và kinh doanh sơn cũng chịu ràng buộc và chính sách quy định của pháp luật về an toàn đối với người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Chính vì sự ràng buộc này đã dẫn đến nhiều khó khăn cho Công ty khi Luật áp dụng các quy định khác nhau.

Đến nay, về cơ bản, Nhà nước đã thiết lập tương đối hoàn chỉnh khung pháp lý bao quát được mọi hoạt động kinh tế nhằm đem đến một môi trường kinh doanh thông thoáng, lành mạnh cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong tiến trình hội nhập, hệ thống pháp luật của Việt Nam chắc chắn còn phải tiếp tục hoàn thiện. Trong quá trình đó, việc sửa đổi luật lệ, chính sách của Nhà nước là tất yếu khách quan.



Sự thay đổi của Luật và các văn bản dưới Luật sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động vận hành doanh nghiệp. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 có hiệu lực từ 01/01/2021. Do đó, Công ty luôn tập trung cập nhật những thay đổi này để kịp thời nắm bắt quy định, xây dựng một hệ thống quản trị, kinh doanh hiệu quả và khoa học, phù hợp hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và phát triển tại Việt Nam và quốc tế.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1. Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là loại rủi ro mà doanh nghiệp luôn ở thế bị động và khó có khả năng ứng phó nhất. Rủi ro tỷ giá gây tổn thất cho doanh nghiệp thông qua tác động đến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài trợ. Năm 2022, đồng nội tệ của Việt Nam mất giá so với USD nhưng tăng giá so với nhiều đồng ngoại tệ khác. Theo Tạp chí Ngân hàng, tỷ giá và thị trường ngoại tệ chịu áp lực lớn từ những biến động rất mạnh trên thị trường quốc tế và khó dự đoán do lo ngại bất ổn tình hình kinh tế - chính trị thế giới, tỷ giá USD/VND tăng khoảng 2,95% (từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/12/2022). Ghi nhận tại ngày 16/12/2022, tỷ giá USD/VND chỉ còn dao động quanh mức 23.500 - 23.700 VND/USD.

Hiện nay, Công nghiệp sản xuất sơn Việt Nam hầu như lệ thuộc vào nguồn cung ứng từ nước ngoài, tỉ lệ nguyên liệu nhập khẩu chiếm đến 70% nhu cầu sử dụng của Công ty. Do đó, hoạt động kinh doanh của ADP chịu áp lực từ sự biến động của thị trường tài chính quốc tế. Có thể nói rủi ro tỷ giá là loại rủi ro thường xuyên gặp và đáng lo ngại đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty. Mặc dù, Ngân hàng Nhà nước đã thay đổi chính sách điều hành tiền tệ để giữ tỷ giá luôn ổn định và nỗ lực đàm phán song phương để đưa Việt Nam tránh khỏi rủi ro liên quan đến các cáo buộc thao túng tiền tệ nhưng Công ty vẫn sẽ gặp khó khăn trong việc mất cân bằng về tiềm lực tài chính.

Phòng ngừa rủi ro tỷ giá là một quá trình theo đó Công ty áp dụng các giải pháp để bảo vệ mình khỏi sự tác động của biến động tỷ giá. Công ty đã chủ động theo dõi diễn biến tiền tệ quốc tế để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty đã tham gia các hợp đồng phái sinh để cố định tỷ giá, lập dự phòng tài chính, ...

#### 3.2. Rủi ro cạnh tranh

Thị trường sơn là một bức tranh đa sắc với cơ hội và thách thức đan xen lẫn nhau cho cả doanh nghiệp trong và ngoài nước. Những năm gần đây, mức độ cạnh tranh trên thị trường sơn chưa bao giờ giảm sức nóng. Hầu hết các hãng sơn lớn của thế giới đều xuất hiện ở Việt Nam. Với tiềm lực dồi dào về tài chính, công nghệ và kinh nghiệm, các nhà sản xuất nước ngoài có đầy đủ thế mạnh để đưa sản phẩm

của họ vào cạnh tranh thông qua con đường nhập khẩu thương mại hoặc đầu tư sản xuất tại chỗ. Theo thống kê của Hiệp hội Sơn - Mực in Việt Nam (VPIA), các thương hiệu sơn nước ngoài chiếm thị phần khoảng 65%. Cho dù nắm giữ thị phần lớn, nhưng các doanh nghiệp nước ngoài vẫn đẩy mạnh đầu tư, nhằm bắt kịp tốc độ tăng trưởng và giữ vững vị thế trên thị trường.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sơn trong nước trong đó có ADP vẫn nỗ lực mở rộng sản xuất, đa dạng sản phẩm, nghiên cứu và phát triển tính năng độc đáo để tạo điểm khác biệt như chống thấm, chống trầy xước, chống bám bẩn, chống rỉ,... cho thấy các doanh nghiệp trong nước không hề e ngại việc tiếp cận thị trường. Với ưu thế về giá và kinh nghiệm lâu năm trong ngành, ADP cũng đang có nhiều cơ hội để tăng sản lượng và doanh số.

Các chiến lược, chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định chỗ đứng luôn được ADP chú trọng. Công ty luôn tìm kiếm nguồn nguyên liệu chất lượng với chi phí thấp để tạo sự khác biệt và mang lại hiệu quả bán hàng. Song song đó, Công ty nghiên cứu thị trường, định vị thương hiệu bằng cách đẩy mạnh marketing và mở rộng kênh phân phối nhằm tiếp cận tới nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

### 3.3. Rủi ro nguyên vật liệu

Thành phần chính của sơn là nhựa (polymer), ngoài ra còn có một số chất dung môi, bột màu và phụ gia. Các thành phần này đa số được chiết xuất từ sản phẩm của dầu mỏ nên sự biến động của tình hình kinh tế - xã hội thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu của Công ty.

Năm 2022, Thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế, chính trị. Kinh tế thế giới phục hồi, nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng cao trong khi nguồn cung bị đứt gãy khiến giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng mạnh. Bên cạnh đó, cuộc chiến giữa Nga và Ukraina càng đẩy giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao và thế giới có nguy cơ phải đối diện với một cuộc khủng hoảng toàn cầu.

Gánh nặng ngành Công nghiệp sơn là rất lớn vì giá nguyên vật liệu đầu vào chiếm hơn nửa chi phí. Chi phí cho các thành phần quan trọng như nhựa epoxy đến các dung môi như axeton, n-butyl lần lượt tăng. Song song đó, chi phí nguyên liệu bột màu (bao gồm titan đioxit, oxit sắt đỏ) cũng tăng mạnh. Công ty Cổ phần Sơn Á Đông phải đối mặt với bài toán chi phí vì giá nguyên liệu, vận tải tăng vọt.

Chính vì vậy, ADP đã nỗ lực đàm phán với khách hàng để điều chỉnh giá, cố gắng tiết giảm chi phí trong sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, Ban lãnh đạo công ty đã tham gia các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu để tránh các tổn thất không mong muốn.



### 3.4. Rủi ro cháy nổ

Nhà máy sản xuất sơn là nơi có nguy cơ cháy nổ cực kỳ cao bởi vì nguyên liệu pha chế sơn đều là những hóa chất dễ cháy. Đám cháy tại nhà máy sơn nguy hiểm và khó dập tắt gây thiệt hại rất lớn về người, tài sản và ảnh hưởng đến môi trường.

Việc đảm bảo an toàn PCCC tại cơ sở sản xuất kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của Công ty. Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy. Để tích cực khắc phục hậu quả trong trường hợp có sự cố xảy ra, Công ty đã mua bảo hiểm toàn bộ tài sản, hàng hóa bao gồm cả hàng hóa trên đường vận chuyển của Công ty.

### 3.5. Rủi ro tác động đến môi trường

Bất nhịp xu hướng đô thị hóa, sơn nước là yếu tố cần thiết và phục vụ cho nhiều mục đích trang trí khác nhau như nhà cửa, trạm trường... Nắm bắt nhu cầu đó mà ngày càng có nhiều nhà máy, xưởng sản xuất sơn ra đời. Và đi đôi với sự gia tăng đó là vấn đề ô nhiễm môi trường do ngành sản xuất sơn gây ra. Các tác động cụ thể có thể kể đến như:

- Nước thải: Chủ yếu phát sinh từ công đoạn sản xuất sơn, pha hóa chất, nguyên liệu,.. nước thải này chứa các thành phần ô nhiễm như Biological Oxygen Demand, Chemical Oxygen Demand, Tổng Nitrat nitơ  $\text{NO}_3 - \text{N}$ , Nitrit nitơ  $\text{NO}_2 - \text{N}$ , Amoniac nitơ  $\text{NH}_3 - \text{N}$  và các hữu cơ ngoại quan nitơ, màu, .... Ngoài ra còn có nước thải ngành sơn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của người lao động trong quá trình lau dọn nhà máy. Nếu không được xử lý trước khi xả thải sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người xung quanh.
- Khí thải và bụi: Phát sinh từ các hơi dung môi trong quy trình sản xuất sơn phát tán ra không khí. Các loại khí, bụi này phát tán vào môi trường sẽ gây ô nhiễm không khí và tác động đến sức khỏe con người.
- Chất thải rắn : Phát sinh từ các sản phẩm phụ gia, dung môi, nguyên liệu bị hư hỏng, các thùng nhựa có dính chất sơn...

Hoạt động của công ty cũng đi kèm với các rủi ro nêu trên, vì vậy Công ty đã xây dựng các hệ thống xử lý nước thải, khí thải nhằm hạn chế tối đa các rủi ro do hoạt động sản xuất của Công ty làm ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng định kỳ cung cấp, thay thế đồ bảo hộ lao động cho người lao động trực tiếp làm việc tại xưởng sản xuất và tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ.

## 4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Việc đưa cổ phiếu Công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ mang lại những lợi ích đáng kể cho Công ty và nhà đầu tư như tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu và tăng cường quảng bá thương hiệu cho Công ty, tạo động lực cho Công ty hướng đến hình ảnh quản trị chuẩn

mức cao hơn. Tuy nhiên, giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch không chỉ phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của doanh nghiệp mà còn phụ thuộc vào cung cầu cổ phiếu và liên quan đến tâm lý nhà đầu tư, sự thay đổi tình hình kinh tế và các biến động môi trường kinh doanh. Do vậy, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường là yếu tố nhà đầu tư cần đặc biệt xem xét.

## 5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến đó là: thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh... Để giảm thiểu các thiệt hại khi xảy ra rủi ro bất khả kháng Công ty đã có những phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ...

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

Bà Nguyễn Thị Nhung	Chức vụ: <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>
Bà Dương Thị Thùy Hương	Chức vụ: <b>Tổng Giám đốc</b>
Ông Huỳnh Thanh Tâm	Chức vụ: <b>Kế toán trưởng</b>
Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chức vụ: <b>Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán</b>

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

Ông: **Đình Quang Thuần** Chức vụ: **Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp**

*(Theo Giấy ủy quyền số 108 - 2021/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn số 281 - 2021/TVTC/FPTS-HCM & ADP ký ngày 16/08/2021 với Công ty Cổ phần Sơn Á Đông. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sơn Á Đông cung cấp.



**III. CÁC KHÁI NIỆM**

Công ty/Tổ chức ĐKNY/ADP	:	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông
FPT/Tổ chức tư vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
UBCKNN	:	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HSX/HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
CTCP	:	Công ty cổ phần
BCTC	:	Báo cáo tài chính
DHDCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
TGD	:	Tổng giám đốc
VĐL	:	Vốn điều lệ
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
TNDN	:	(thuế) Thu nhập doanh nghiệp
TNCN	:	(thuế) Thu nhập cá nhân
Thuế GTGT	:	Thuế Giá trị gia tăng
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
TSCĐ	:	Tài sản cố định
DT	:	Doanh thu
DTT	:	Doanh thu thuần
LNG	:	Lợi nhuận gộp
CP	:	Cổ phiếu, cổ phần

ROA	:	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân
ROE	:	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
NSX	:	Nhà sản xuất
NCU	:	Nhà cung ứng
Phòng KHCU	:	Phòng Kế hoạch cung ứng
Phòng TTBH	:	Phòng Tiếp thị bán hàng
Phòng HCQT	:	Phòng Hành chính quản trị
Phòng TCKT	:	Phòng Tài chính Kế toán
Phòng NCPT	:	Phòng Nghiên cứu phát triển
Phòng QLSX (PX)	:	Phòng Quản lý sản xuất
QMR	:	Hệ thống Quản lý chất lượng
HTCL	:	Hệ thống chất lượng
Công ty TNHH	:	Công ty Trách nhiệm hữu hạn




## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

## 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

## 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
- Tên Tiếng Anh: A DONG PAINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: ADP
- Mã cổ phiếu: ADP
- Sàn niêm yết: HOSE
- Trụ sở chính: 1387, Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 18, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 38552689
- Fax: (028) 38555092
- Website: [www.adongpaint.com.vn](http://www.adongpaint.com.vn)
- Logo:
 


  
A DONG PAINT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0302066222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/08/2000, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/05/2023
- Vốn điều lệ: 230.398.500.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Nhung – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít <i>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.</i>	2022
2	Hoạt động thiết kế chuyên dụng <i>Chi tiết: Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn</i>	7410
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.</i>	4663

## 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông là một doanh nghiệp có lịch sử tương đối lâu đời, tiền thân là Công ty Sơn Á Đông được thành lập từ năm 1970 và là một trong hai nhà sản xuất lớn nhất Miền Nam trước năm 1975.

**Năm 1976**, Công ty Sơn Á Đông được quốc hữu hóa với tên gọi Xí nghiệp Sơn Á Đông trực thuộc Công ty Sơn và Mực In - Tổng cục Hóa chất và mở rộng quy mô công suất, chuyên sản xuất các sản phẩm sơn trang trí và xây dựng.

**Năm 1993**, trên cơ sở hợp nhất Công ty Sơn và Mực In và Công ty Bao bì Hóa chất, Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 263/QĐ/TCNSĐT ngày 22/05/1993 thành lập Công ty Sơn Chất dẻo trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam, trong đó Xí nghiệp Sơn Á Đông là đơn vị thành viên hạch toán kinh tế phụ thuộc.

**Đồng thời cũng trong năm 1993**, được sự phê chuẩn của Bộ Công nghiệp nặng, Xí nghiệp hợp tác với Kansai Paint Co. Ltd. (Singapore), một thành viên của Tập đoàn Kansai Paint Nhật Bản), dưới hình thức hợp đồng chuyển giao công nghệ để sản xuất trong nước các sản phẩm Sơn tàu biển và Sơn công nghiệp độ bền cao mang thương hiệu nổi tiếng KANSAI PAINT. Qua đó, Sơn Á Đông là NSX sơn đầu tiên của Việt Nam áp dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại, làm ra các sản phẩm đạt trình độ chất lượng quốc tế.

**Năm 1998**, tiếp tục phát huy thế mạnh công nghệ và đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường Việt Nam, Xí nghiệp đã hợp tác với Sime Coating (Malaysia), nay là Kansai Coating (Malaysia) thuộc Tập đoàn Kansai Paint (Nhật Bản), để sản xuất dòng sản phẩm sơn cho tôn màu và sơn kỹ nghệ khác.

**Năm 2000**, căn cứ Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 của Bộ Công nghiệp, Xí nghiệp Sơn Á Đông được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Sơn Á Đông có Vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng. Sau khi cổ phần hóa, quy mô và hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty đã đạt được những bước tiến đáng kể.

**Năm 2001**, Công ty đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 được chứng nhận bởi Tư vấn và đăng kiểm quốc tế DNV (Na Uy) và hiện nay đã được nâng cấp lên Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015.

**Năm 2005**, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ sản xuất sơn bột tĩnh điện với Powchem Ltd. Co., thành viên của Samhwa Paint Industries Corp (Hàn Quốc). Đồng thời, Công ty tiến hành xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh phân xưởng sơn bột tĩnh điện công suất 900 tấn/năm tại địa chỉ 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, TP.HCM nâng tổng công suất sản xuất của Công ty lên 3.500 tấn/năm.

7053  
GIAO  
ỨNG KH  
ẢNH PH  
CHÍ M  
TP. HỒ



Ngày 24/05/2005, Chủ tịch nước ký Quyết định số 626/QĐ-CTN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Công ty Cổ phần Sơn Á Đông và Huân chương Lao động hạng Ba cho Bà Nguyễn Thị Nhung - Giám đốc Công ty về thành tích xuất sắc trong công tác 2001 - 2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 2010, Công ty Cổ phần Á Đông được Sở Giao dịch giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là ADP.

Năm 2014, Công ty Cổ phần Á Đông được cấp giấy chứng nhận hợp quy số 03-14 do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường 3 cấp cho sản phẩm sơn Alkyd do Công ty sản xuất.

Năm 2015, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 25/04/2015 nâng tổng vốn điều lệ từ 63.999.990.000 đồng lên 95.999.740.000 đồng

Năm 2016, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 ngày 08/08/2016 nâng tổng vốn điều lệ từ 95.999.740.000 đồng lên 153.359.140.000 đồng

Năm 2021, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 20/04/2021 nâng tổng vốn điều lệ từ 95.999.740.000 đồng lên 230.398.500.000 đồng.

Với gần 50 năm kinh nghiệm cộng với trình độ công nghệ tiên tiến có được thông qua quan hệ hợp tác quốc tế với các NSX hàng đầu thế giới trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất sơn, Công ty có khả năng đáp ứng đầy đủ và kịp thời các sản phẩm tiêu chuẩn quốc tế và dịch vụ có chất lượng được đánh giá cao. Hiện nay, Công ty là Nhà cung ứng thường xuyên và tin cậy của Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Công ty Liên doanh Tôn Phương Nam (SSSC)...

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông*

### 1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ thời điểm thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Sơn Á Đông đã trải qua 6 đợt tăng vốn sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

Thời điểm	Giá trị tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ thực góp (Đồng)	Hình thức tăng vốn
2000	Thành lập công ty	10.000.000.000	Góp vốn bằng tiền mặt và tài sản
2004	20.000.000.000	30.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng năm 2003
2006	20.000.000.000	50.000.000.000	Bổ sung góp vốn bằng tiền mặt

2010	13.999.990.000	63.999.990.000	Phát hành cổ phiếu thưởng năm 2009
2015	31.999.750.000	95.999.740.000	Phát hành cổ phiếu thưởng năm 2014
2016	57.599.400.000	153.359.140.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2021	76.799.360.000	230.398.500.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

**❖ Tăng vốn đợt 01 năm 2004**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 30.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 2.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 133 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 133 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2004 ngày 30/11/2004 V/v: Tăng vốn từ 10.000.000.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn tích lũy cho cổ đông hiện hữu

**❖ Tăng vốn đợt 02 năm 2006**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 30.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 50.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 2.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 204 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 204 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006 ngày 04/03/2006 V/v: Tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng.

**❖ Tăng vốn đợt 03 năm 2010**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 63.999.990.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 1.399.990 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 142 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 142 cổ đông

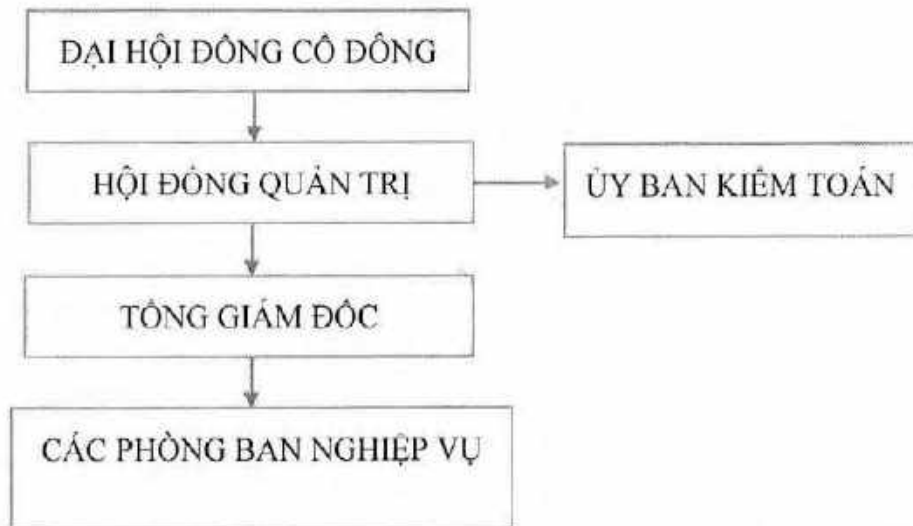


- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Ủy ban chứng khoán nhà nước
- ❖ **Tăng vốn đợt 04 năm 2015**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 63.999.990.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 95.999.740.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 3.199.975 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 133 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 133 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Ủy ban chứng khoán nhà nước
- ❖ **Tăng vốn đợt 05 năm 2016**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 95.999.740.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 153.599.140.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 5.759.940 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 181 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 181 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Ủy ban chứng khoán nhà nước
- ❖ **Tăng vốn đợt 06 năm 2021**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 153.599.140.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 230.398.500.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 7.679.936 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 305 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 305 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Ủy ban chứng khoán nhà nước

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông*

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông:



*Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông*

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

**Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ủy Ban kiểm toán:** Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Ủy Ban Kiểm toán có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty; giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

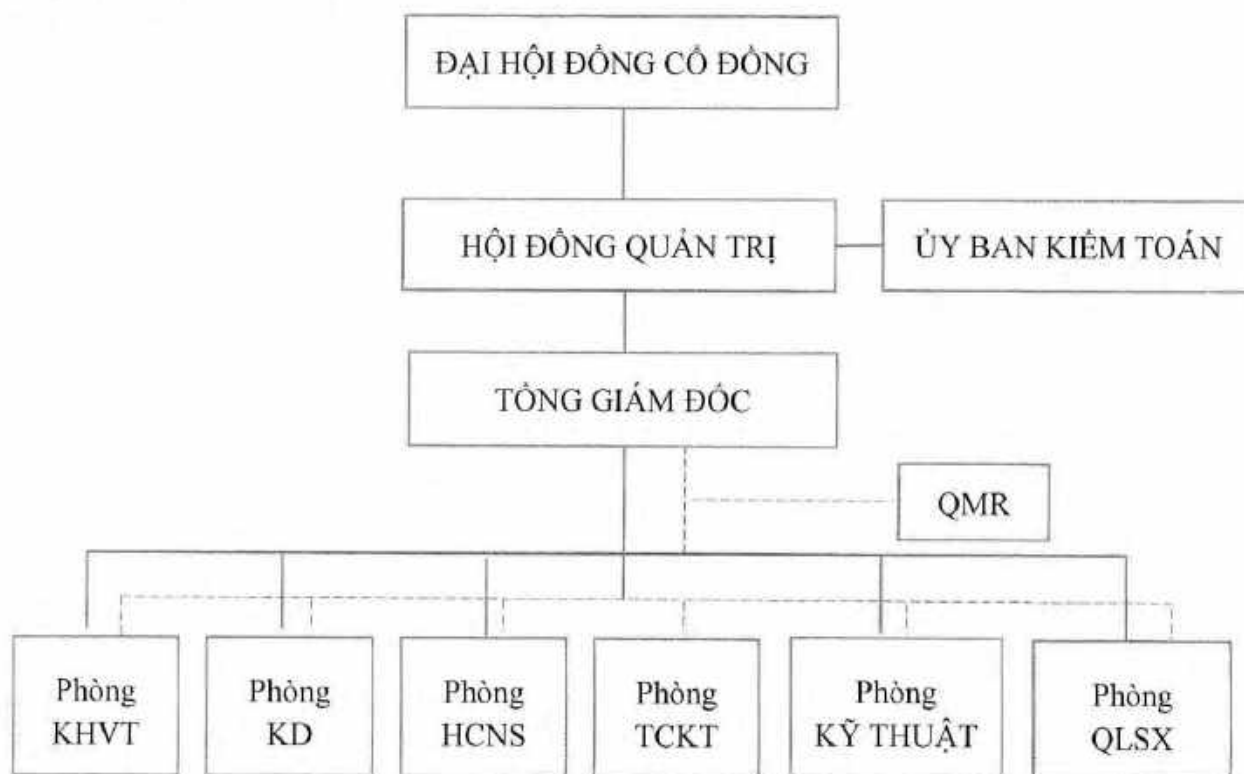
**Tổng Giám đốc:** Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

**Các phòng ban nghiệp vụ:** Có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.



### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông:



———— : Sơ đồ tổ chức

----- :Sơ đồ liên quan HTCL - Phòng TCKT: Chi liên quan một phần đến HTCL

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông*

**Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 07 thành viên:

- |                        |                              |
|------------------------|------------------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Nhung | Chủ tịch Hội đồng quản trị   |
| 2. Ông Võ Hồng Hà      | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 3. Ông Lê Đình Quang   | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 4. Ông Trần Bửu Trí    | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5. Bà Võ Thị Bích Ngọc | Thành viên Hội đồng quản trị |

- |                           |                                      |
|---------------------------|--------------------------------------|
| 6. Bà Nguyễn Thị Minh Sáu | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị |
| 7. Ông Tổng Trường Thịnh  | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị |

**Ủy Ban Kiểm toán:** Là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bầu ra. Ủy Ban Kiểm toán có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty; giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

Ủy Ban Kiểm toán của Công ty hiện nay gồm 02 thành viên:

- |                           |                             |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Minh Sáu | Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán   |
| 2. Ông Tổng Trường Thịnh  | Thành viên Ủy ban kiểm toán |

**Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc chuyên trách, có trách nhiệm lãnh đạo hoạt động toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự quản lý của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh đúng quy trình quy định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

- |                            |                   |
|----------------------------|-------------------|
| 1. Bà Dương Thị Thùy Hương | Tổng Giám đốc     |
| 2. Ông Võ Hồng Hà          | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Lê Đình Quang       | Phó Tổng Giám đốc |

**Kế toán trưởng:** là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của Công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

Kế toán trưởng công ty:

- |                       |                |
|-----------------------|----------------|
| - Ông Huỳnh Thanh Tâm | Kế toán trưởng |
|-----------------------|----------------|

12705  
 ỦY BAN KIỂM TOÁN  
 CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG  
 TP. HỒ CHÍ MINH



**Các đơn vị/bộ phận chuyên môn:** có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc.

**Phòng Kế hoạch vật tư (KHVT):** Có chức năng tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất - kinh doanh của Công ty, tham mưu xây dựng chính sách giá thành và giá bán sản phẩm; phối hợp điều độ kế hoạch sản xuất; tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cung ứng vật tư và công tác xuất nhập khẩu; quản lý và tổ chức việc tiếp nhận, cấp phát, bảo quản nguyên vật liệu và sản phẩm; phối hợp nghiên cứu và tham mưu về xu hướng phát triển thị trường và sản phẩm; tham mưu và xúc tiến các quan hệ hợp tác kinh doanh trong và ngoài nước; chăm sóc các khách hàng trọng điểm.

**Phòng Kinh doanh (KD):** Phòng Kinh doanh có chức năng tổ chức quản lý mạng lưới kinh doanh và phân phối sản phẩm; tiếp nhận và đáp ứng đơn đặt hàng; giao nhận và phân phối sản phẩm; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo về tình hình thị trường.

**Phòng Hành chính nhân sự (HCNS):** Có chức năng tổ chức và quản lý các hoạt động hành chính của Công ty; tham mưu và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý nội bộ và các chính sách đối với người lao động; tổ chức thực hiện việc tuyển dụng lao động, quản lý hồ sơ nhân sự và Hợp đồng lao động; quản lý và lưu trữ các văn bản hành chính; quản lý việc vệ sinh và chỉnh trang cơ sở vật chất chung; tổ chức cung ứng, quản lý sử dụng và bảo trì văn phòng phẩm, các phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và sinh hoạt chung trong Công ty.

**Phòng Tài chính kế toán (TCKT):** Có chức năng ghi chép, cập nhật số liệu kế toán phát sinh; xử lý và cung cấp thông tin về tài chính - kế toán cho Lãnh đạo; phân ánh đầy đủ toàn bộ tài sản, sự vận động của tài sản giúp Lãnh đạo quản lý chặt chẽ tài sản và nâng cao hiệu quả việc sử dụng tài sản đó; phân ánh đầy đủ các yếu tố chi phí trong sản xuất kinh doanh và kết quả mang lại của quá trình đó; tham mưu cho Lãnh đạo và phối hợp với các bộ phận chức năng kiểm soát các chi phí phát sinh; cân đối và lập kế hoạch thu chi; tham mưu cho Lãnh đạo trong việc tuân thủ và vận dụng các quy định pháp luật về kế toán - tài chính.

**Phòng Kỹ thuật:** Có chức năng nghiên cứu ứng dụng nguyên vật liệu mới và phát triển sản phẩm mới; nghiên cứu cải tiến sản phẩm và các giải pháp thị trường; tham mưu xây dựng và phối hợp quản lý các định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật và hệ thống danh mục sản phẩm - nguyên vật liệu; phối hợp với các bộ phận kỹ thuật, sản xuất và kinh doanh trong việc ứng dụng sản phẩm mới, vật liệu mới và đáp ứng các dịch vụ kỹ thuật bán hàng và hậu mãi.

- Ngoài ra có chức năng kiểm tra, giám sát quy trình công nghệ sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, bán thành phẩm, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất và kinh doanh; huấn luyện và đào tạo kỹ thuật; quản lý hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và nguyên vật liệu; phối hợp với Bộ

kinh doanh cung ứng các giải pháp ứng dụng sản phẩm, dịch vụ bán hàng và hậu mãi; phối hợp với Phòng NCPT trong nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp cải tiến công nghệ sản xuất và chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới sử dụng vật liệu mới và phát triển các giải pháp dịch vụ kỹ thuật trong kinh doanh.

**Phòng Quản lý sản xuất (QLSX):** Có chức năng tổ chức và thực hiện kế hoạch sản xuất; trực tiếp điều hành các phân xưởng và bộ phận sản xuất; quản lý vận hành máy móc thiết bị và nhà xưởng sản xuất; quản lý và duy trì các điều kiện về vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động trong quá trình sản xuất theo quy định.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

**4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/VDL (%)
1	Nguyễn Thị Nhung	Y7 Đường Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10 Tp.HCM	087141000026	2.318.269	10,06%
2	Trần Bửu Trí	67 Đường 13 KDC Bình Trị Đông, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Tp.HCM	024335180	2.616.568	11,36%
3	Lê Đình Quang	48 Nguyễn Trọng Trí, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, Tp.HCM	048063000110	2.124.000	9,22%
4	Đỗ Thụy Thúy Vy	Y7 Đường Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10 Tp.HCM	023864141	1.642.924	7,13%
5	Võ Hồng Hà	Y7 Đường Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10 Tp.HCM	001060019652	2.534.400	11,00%

*Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 18/05/2023 của CTCP Sơn Á Đông*

31-C...  
 3-DIC...  
 KHOA...  
 PHO...  
 MINH...  
 0 CHI...



#### 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông được Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302066222 lần đầu ngày 13/08/2000. Từ thời điểm thành lập Công ty đến hiện tại đã được hơn 3 năm, căn cứ Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, cổ đông sáng lập của Công ty được tự do chuyển nhượng cổ phiếu.

#### 4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/05/2023 của ADP

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị theo mệnh giá (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>287</b>	<b>22.850.810</b>	<b>228.508.100.000</b>	<b>99,18%</b>
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0,00 %
2	Cổ đông cá nhân	287	22.850.810	228.508.100.000	99,18%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>9</b>	<b>189.040</b>	<b>1.890.400.000</b>	<b>0,82%</b>
1	Cổ đông tổ chức	2	1.590	15.900.000	0,01%
2	Cổ đông cá nhân	7	187.450	1.874.500.000	0,81%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>296</b>	<b>23.039.850</b>	<b>230.398.500.000</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam*

#### 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

- **Danh sách công ty mẹ của CTCP Sơn Á Đông:**

Không có

- **Danh sách Công ty con của CTCP Sơn Á Đông:**

Không có

- **Danh sách những Công ty mà CTCP Sơn Á Đông đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

Không có

- **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Sơn Á Đông:**

Không có

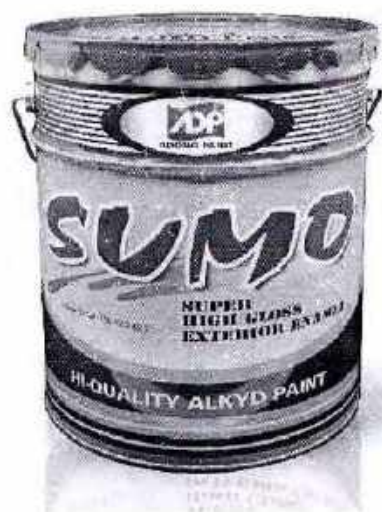
## 6. Hoạt động kinh doanh

## 6.1. Sản phẩm kinh doanh

## SƠN XÂY DỰNG, TRANG TRÍ

Với nhiều chủng loại và màu sắc phong phú để lựa chọn, giúp mang lại sự vui thích hài lòng qua tính thẩm mỹ, tính bảo vệ bền vững lâu dài của màng sơn. Các sản phẩm Sơn xây dựng, trang trí bao gồm:

- Sản phẩm sơn dung môi dùng cho các loại cửa, hàng rào; các hạng mục xây dựng và vật dụng khác có bề mặt kim loại, gỗ...
- Thành phần: nhựa Alkyd, dung môi, bột màu, bột độn và các phụ gia.
- Ưu điểm: sử dụng ngoài trời lẫn trong nhà. Màng sơn dẻo dai, độ bóng và che phủ cao, chịu đựng tốt với thời tiết và dễ dàng sử dụng,...



Sơn Alkyd Á Đông Sumo AC



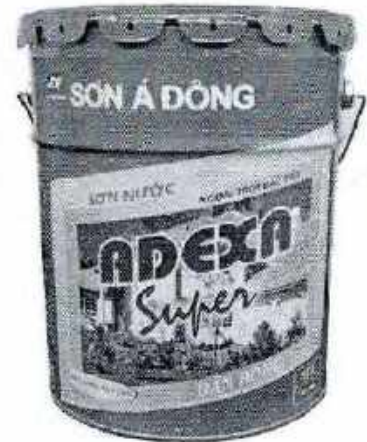
Sơn Alkyd Á Đông White Horse

- Sản phẩm sơn nước dùng rộng rãi cho tường, trần bên trong nhà, ngoài trời và sơn sàn cho công trình kiến trúc xây dựng như nhà riêng lẻ, nhà cao tầng...
- Thành phần: Nhựa nhũ phân tán trong nước như nhựa Acrylic, Styren Acylic, ...chất tạo màng, bột màu, dung môi và một số hợp chất phụ gia khác
- Ưu điểm: sử dụng ngoài trời lẫn trong nhà, sử dụng dễ dàng, sơn khô nhanh tạo một màng sơn phẳng láng có độ bám tốt, bền thời tiết cao, khả năng chịu rửa nước và chống nấm mốc rong rêu tốt.



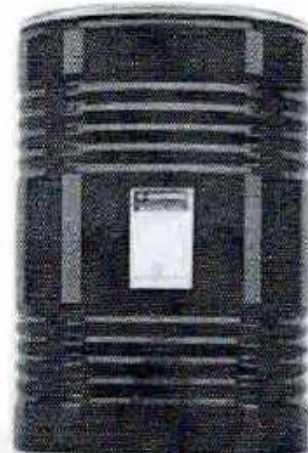


Sơn nước trong nhà



Sơn nước ngoài trời

SƠN KỸ NGHỆ



Sơn Bình GAS – Cơ khí – Thùng Phuy	Sơn Tôn cuộn màu
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sản phẩm Alkyd – Amino – Epoxy dùng cho dây chuyền sơn hấp thùng phuy, bình gas, bao bì kim loại, sản phẩm cơ khí và dụng cụ gia dụng khác trước khi xuất xưởng.</li> <li>▪ Ưu điểm: Màng sơn bóng đẹp, độ cứng cao, màu sắc phong phú theo yêu cầu khách hàng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế (ASTM, JIS), dùng cho dây chuyền sơn cuộn để sản xuất tôn mạ màu làm tấm lợp, vách ngăn, tường rào, cửa mảnh, mái hiên và thiết bị dụng cụ gia dụng.</li> <li>▪ Ưu điểm: Màng sơn có tính năng mềm dẻo tốt, giữ được độ bóng lâu dài, bền màu và bền thời tiết cao.</li> </ul>

### SƠN TÀU BIỂN CÔNG TRÌNH

Với tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng các yêu cầu công nghiệp chuyên biệt, Sơn Á Đông mang lại sự thoải mái qua tính năng bảo vệ chống ăn mòn vượt trội, chịu đựng các môi trường khắc nghiệt như nước biển, hoá chất, nhiệt độ cao, độ ẩm, nhiễm bẩn, khói bụi ... Sản phẩm theo công nghệ Nhật Bản với đầy đủ chủng loại dùng trong nhiều lĩnh vực

Sơn mới và sơn sửa chữa cho tất cả hạng mục của con tàu. Đặc biệt sơn chống hà thân thiện môi trường không chứa độc tố thiếc theo công ước quốc tế IAFS về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu.

Sơn được sử dụng cho các Công trình:

- Công trình dầu khí;
- Công trình nhà máy, nhà xưởng, công trình công nghiệp;
- Công trình điện - thủy điện;
- Công trình giao thông: cầu, cảng;
- Công trình viễn thông;
- Công trình đường ống, bồn bể;
- Sản phẩm cơ khí, máy móc, thiết bị, dụng cụ kim loại;
- Thành phần: Được sản xuất trên cơ sở nhựa Epoxy, dung môi, bột màu, bột độn và các phụ gia.
- Ưu điểm: Sản phẩm chịu đựng tốt với nước biển, dầu và hóa chất. Màng sơn dẻo dai, chịu va đập và mài mòn tốt, tương thích với các hệ sơn Epoxy chống ăn mòn, dễ dàng sử dụng.



	
Sơn Epoxy	Sơn tàu biển
	
Sơn Poly Urethane	Sơn công trình kết cấu

## 6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng cơ cấu Doanh thu (DT) qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2021		Năm 2022		Quý I/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
DT bán hàng hóa	32	0,01%	78	0,01%	10	0,01%
DT bán thành phẩm	416.322	99,99%	589.042	99,99%	108.998	99,99%
<b>Tổng cộng</b>	<b>416.354</b>	<b>100%</b>	<b>589.120</b>	<b>100,00%</b>	<b>109.008</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông

Tổng quan năm 2022, doanh thu của Công ty đạt 589,12 tỷ đồng tăng hơn 172,77 tỷ đồng, tương đương tăng 41,49% so với năm 2021; trong đó doanh thu bán sơn thành phẩm tăng 172,72 tỷ đồng (tương ứng tăng 41,49% so với năm 2021), doanh thu bán hàng hóa tăng 46 triệu đồng (tương ứng tăng 142,53% so với năm 2021). Doanh thu năm 2022 tăng trưởng so với năm 2021 do các yếu tố chủ yếu sau: (i) Tình hình dịch bệnh được kiểm soát, kinh tế trong nước dần hồi phục, hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp phía Nam hoạt động trở lại; (ii) Thị trường bất động sản đang phục hồi, nhu cầu về sơn trang trí, sơn kiến trúc tiếp tục tăng theo; (iii) Điều chỉnh giá bán sản phẩm hợp lý trong thời gian thị trường biến động và đứt gãy chuỗi cung ứng trên thế giới; (iv) Lĩnh vực sơn công nghiệp tàu biển, giàn khoan dần phục hồi trong năm 2022. Tính đến hết quý I năm 2023, doanh thu của Công ty đạt 109,01 tỷ đồng giảm 26,27% so với cùng kỳ, trong đó chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu vẫn là sơn thành phẩm, chiếm 99,99% cơ cấu doanh thu.

**Bảng cơ cấu Lợi nhuận gộp (LNG) qua các năm**
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2021		Năm 2022		Quý I/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
LNG từ bán hàng hóa	-1.078	-	-1.719	-	-615	-
LNG từ bán thành phẩm	92.738	22,27%	90.870	15,47%	19.376	17,88%
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.660</b>	<b>22,01%</b>	<b>89.151</b>	<b>15,18%</b>	<b>18.761</b>	<b>17,31%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông*

Năm 2022, thị trường Sơn có dấu hiệu khởi sắc trở lại khi kinh tế hồi phục trở lại sau thời gian dài giãn cách xã hội để chống dịch. Theo đó, doanh thu thuần năm 2022 tăng 41,66% so với năm 2021. Tuy nhiên, do suy giảm kinh tế toàn cầu vì đại dịch Covid-19, đứt gãy chuỗi cung ứng dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh làm cho lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2022 giảm 2,74% so với cùng kỳ, đạt 89,15 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp năm 2022 đạt 15,18%. Trong đó lợi nhuận gộp của Công ty đến từ bán hàng thành phẩm là chủ yếu, sản phẩm là thành phẩm của Công ty chủ yếu có ba dòng chính bao gồm: Sơn kỹ nghệ, Sơn công nghiệp độ bền cao, Sơn xây dựng và trang trí.

Theo Tổng cục thống kê, tình hình Kinh tế – xã hội 3 tháng đầu năm 2023 của trong nước diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn. Lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu nhiều ảnh hưởng bởi biến động của nền kinh tế,



cụ thể doanh thu thuần quý I năm 2023 Công ty đạt 108,39 tỷ đồng giảm 26,44% so với cùng kỳ. Giá vốn của công ty trong quý I năm 2023 so với quý I năm 2022 giảm 29,09%, do tốc độ giảm của doanh thu thuần thấp hơn tốc độ giảm giá vốn hàng bán, dẫn đến biên lợi nhuận gộp đạt 17,31% tăng so với mức 14,21% cùng kỳ năm 2022.

### 6.3. Nguyên vật liệu

#### 6.3.1. Nguồn nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động phần lớn trong lĩnh vực sản xuất sơn, nguồn nguyên liệu đầu vào của ADP chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Hầu hết các loại sơn đều có các thành phần sau:

- **Chất tạo màng sơn (nhựa):** Là thành phần chính của sơn, có tác dụng liên kết các thành phần chính trong sơn với nhau, qua đó tạo cho sơn một độ bám dính của màng sơn lên bề mặt vật liệu. Ngoài ra, chất tạo màng giúp tạo nên những đặc tính của màng sơn như cơ lý, hóa học, khả năng chịu thời tiết, chống gi, chịu nhiệt. Thông thường Polyme được sử dụng làm chất tạo màng trong sơn nhiều nhất là: nhựa acrylic, nhựa vinyl, nhựa epoxy...
- **Dung môi:** Là thành phần có tác dụng làm cho nhựa và bột màu hòa tan. Loại dung môi được sử dụng sẽ phụ thuộc vào đặc tính nhựa trong sơn.
- **Bột màu:** có thành phần chính là các hợp chất hóa học như oxit, muối,... Bột màu đóng vai trò tạo màu, độ bền và độ cứng của màng sơn.
- **Phụ gia:** Là thành phần giữ tỉ trọng nhỏ nhất, nhưng vai trò của chất phụ gia lại rất quan trọng. Đây là các chất tăng độ bền cho sơn và tạo nên sự khác biệt giữa các loại sơn.
- **Chất kết dính:** Là chất có tác dụng kết dính tất cả các loại màu sơn và màng bám dính trên bề mặt vật chất.

❖ **Một số đối tác thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty:**

STT	Đối tác	Quốc gia	Hàng hóa
1	Arkema Coating Rensin. LTD	Malaysia	Nhựa các loại
2	Macro Polymers LTD	Ấn Độ	Polyester Resin
3	Aditya Birla Chemicals LTD	Thái Lan	Epoxy Rensin
4	Công ty TNHH Bình Phú	Việt Nam	Dung môi
5	Công ty TNHH Nam Đan	Việt Nam	Titan
6	Công ty Cổ phần Hc Ma Ha	Việt Nam	Crayvallac 6010

### 6.3.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào với chất lượng cao nhất cũng như đảm bảo việc chủ động được nguồn nguyên liệu đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu. Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp nguyên vật liệu lâu năm cho Công ty, Công ty luôn tích cực tìm kiếm, hợp tác với các nhà cung cấp có năng lực và uy tín cả trong và ngoài nước. Thường xuyên tổ chức các Hội nghị gặp gỡ thường niên nhà cung cấp để tạo mối quan hệ và cập nhật thông tin tình hình diễn biến của giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Do đó, trong hoạt động sản xuất của Công ty không xảy ra tình trạng bị đình trệ do thiếu nguyên liệu đầu vào.

### 6.3.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Việc đánh giá tác động của nguyên vật liệu đầu vào rất cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất, trong đó có Công ty Cổ phần Sơn Á Đông. Do nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm, nên việc thay đổi giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đa số các thành phần nguyên liệu đầu vào của Công ty được chiết xuất từ sản phẩm của dầu mỏ - là hàng hóa nhạy cảm với tình hình biến động kinh tế - xã hội thế giới. Thời gian gần đây, giá nguyên vật liệu có xu hướng tăng mạnh, Công ty đang phải đối mặt với bài toán chi phí ngày càng tăng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn theo dõi chặt chẽ, phân tích đánh giá tình hình thị trường nguyên vật liệu, lựa chọn thời điểm thích hợp để thương lượng và chốt giá hợp lý tối đa hóa lợi ích cho Công ty.

### 6.4. Chi phí sản xuất, tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

KHOẢN MỤC	NĂM 2021		NĂM 2022		Quý I/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	322.982	77,89%	498.239	84,82%	89.631	82,69%
Chi phí tài chính	23	0,01%	565	0,10%	-	-
Chi phí bán hàng	17.989	4,34%	22.949	3,91%	3.919	3,62%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.517	4,22%	23.817	4,05%	4.309	3,98%
Chi phí khác	182	0,04%	81	0,01%	-	-



KHOẢN MỤC	NĂM 2021		NĂM 2022		Quý I/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
<b>Tổng chi phí</b>	<b>358.693</b>	<b>86,51%</b>	<b>545.650</b>	<b>92,89%</b>	<b>97.859</b>	<b>90,28%</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>414.642</b>		<b>587.390</b>		<b>108.392</b>	

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông*

Với đặc thù là Công ty sản xuất, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Trong năm 2022, do đứt gãy chuỗi cung ứng và ảnh hưởng bởi giá dầu tăng cao dẫn đến chi phí giá vốn trong năm tăng mạnh, theo đó giá vốn hàng bán trong năm 2022 đạt 498,24 tỷ đồng tăng 54,26% so với năm 2021. Ngoài ra Công ty ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu thuần khi kinh tế dần phục hồi trở lại sau dịch bệnh trong năm 2022, theo đó doanh thu thuần đạt 587,39 tỷ đồng, tăng 41,66% so với năm 2021, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần của Công ty đạt 84,82% tăng so với mức 77,89% năm 2021.

Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu thuần trong năm 2022 của Công ty là 3,91% chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 xét trong tổng chi phí. Về chi phí bán hàng của Công ty năm 2022 là 22,95 tỷ đồng, tăng 27,58% so với năm 2021, chi phí bán hàng tăng liên quan đến việc mở rộng thị trường, tăng cường marketing, bán hàng, và phân phối sản phẩm, ngoài ra gia tăng chi phí vận chuyển cũng tác động trực tiếp vào chi phí bán hàng của Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp chủ yếu là chi phí tiền lương, phụ cấp của đội ngũ nhân sự; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế..... Trong năm, việc đầu tư vào quản trị nguồn nhân lực, đầu tư vào hệ thống quản lý doanh nghiệp làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận tăng 35,96% so với năm 2021, ở mức 23,82 tỷ đồng.

Trong quý I năm 2023, doanh thu thuần đạt 108,39 tỷ đồng giảm 26,44% so với cùng kỳ năm 2022, giá vốn hàng bán đạt hơn 89,63 tỷ đồng giảm 29,09% so với cùng kỳ. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là 02 loại chi phí chiếm tỷ trọng cao sau giá vốn hàng bán. Chi phí bán hàng quý I năm 2023 đạt 3,92 tỷ đồng giảm 29,55% so với cùng kỳ tương ứng với mức giảm doanh thu thuần và chiếm 3,62% trên doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp trong quý I năm 2023 đạt 4,31 tỷ đồng giảm 11,59% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 3,98% trên doanh thu thuần, nguyên nhân chủ yếu do công ty đã thực hiện xây dựng lại bộ máy quản trị, nhằm mang lại hiệu quả trong công tác quản trị Công ty.

### 6.5. Trình độ công nghệ

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, công nghệ đang trở thành một động lực của phát triển kinh tế trong nước. Nhận thấy tầm quan trọng trong việc phát triển công nghệ, Công ty Cổ phần Sơn Á Đông đã hợp tác với các tập đoàn sơn nước ngoài để sản xuất nhiều dòng sản phẩm khác nhau phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng như hợp tác với Kansai Paint Co. Ltd. (Singapore) dưới hình thức chuyển giao công nghệ để sản xuất tại chỗ các sản phẩm sơn tàu biển và sơn độ bền cao theo công nghệ KANSAI PAINT (Nhật Bản) đạt trình độ chất lượng quốc tế; hợp tác với Kansai Coating (Malaysia) để sản xuất sơn cho tôn màu và sơn kỹ nghệ khác; hợp tác Powchem Ltd. Co. thành viên tập đoàn Samhwa Paint Industries Corp (Hàn Quốc) để chuyển giao công nghệ sản xuất sơn bột tinh điện,...

Bên cạnh đó, ADP luôn cố gắng thiết kế, xây dựng nhà xưởng, nhà máy đạt chuẩn để đáp ứng được những yêu cầu của xu thế công nghệ. Đồng thời, Công ty chủ động tìm kiếm và chiêu mộ các nhân tài trong ngành, tích cực hỗ trợ đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, kỹ năng cho nhân viên các khối, phòng ban. Việc áp dụng các ứng dụng, phần mềm trong quản lý giúp ADP dễ dàng hơn trong việc lưu trữ, quản lý hệ thống thông tin, dữ liệu của khách hàng, cũng như quản lý nhân viên bán hàng; kết xuất các dữ liệu phân tích và báo cáo dễ dàng, nhanh chóng.

### 6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Theo định hướng phát triển đã đề ra và dựa trên nền tảng các mối quan hệ hợp tác quốc tế sẵn có về chuyển giao công nghệ, Công ty dự kiến phát hành nhiều dòng sản phẩm mới trong thời gian tới, chuẩn bị để đón đầu nhu cầu thị trường trong nước và nhắm đến thị trường xuất khẩu. Theo tính toán, các sản phẩm mới sẽ đóng góp thêm 10-15% giá trị doanh thu trong giai đoạn 2022 - 2026.

### 6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

#### ❖ Chính sách chất lượng:

- Khách hàng trước hết
- Chất lượng toàn diện
- Cải tiến không ngừng

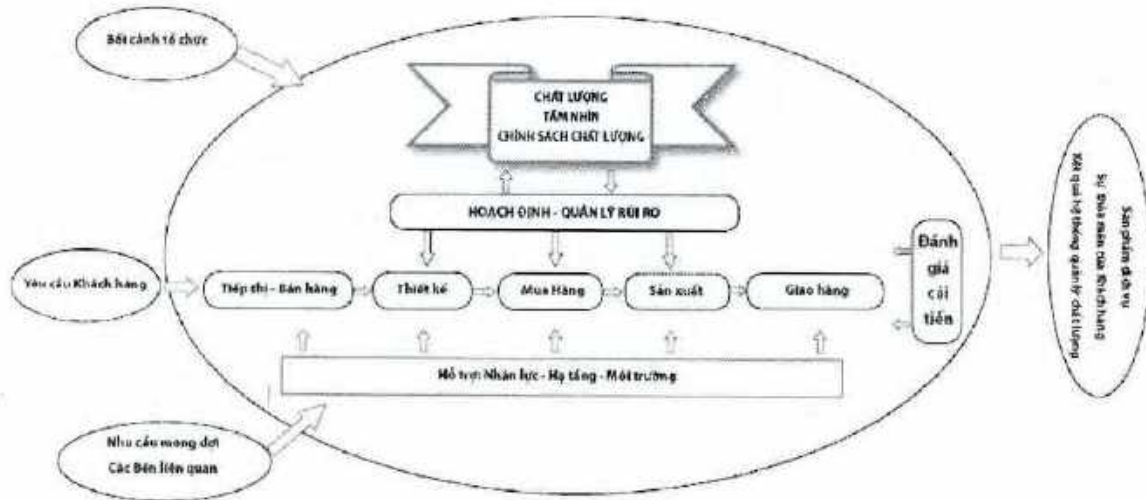
#### ❖ Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Hiện nay, Công ty Cổ phần Sơn Á Đông đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 do tổ chức Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT chứng nhận. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 được Công ty thực hiện một cách nghiêm ngặt, thống nhất. Toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh của Công ty được quản lý chặt chẽ từ lúc đưa nguyên vật liệu vào sản xuất đến khi ra thành phẩm và cung ứng cho người tiêu dùng. Tất cả cán bộ công nhân viên của Công



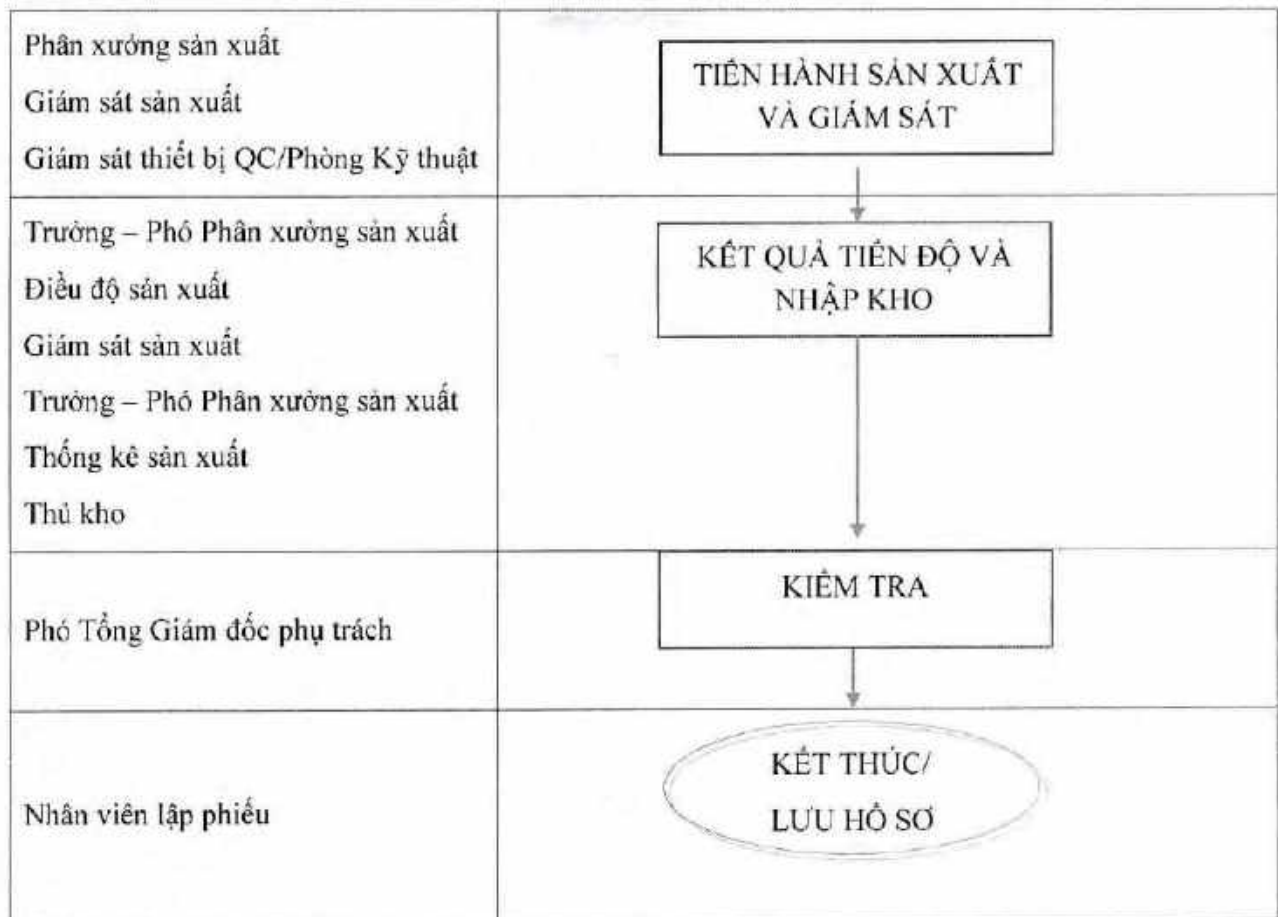
ty chịu trách nhiệm đối với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, thoả mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông xác định các quá trình cần thiết và mối tương tác giữa các quá trình này thông qua biểu đồ:



❖ Quy trình triển khai và giám sát hoạt động sản xuất sơn:

Trách nhiệm	Tiến trình
Phòng KHCU	PHIẾU YÊU CẦU SẢN XUẤT
Nhân viên lập phiếu	LẬP PHIẾU CÔNG THỨC SẢN XUẤT
Phó Tổng Giám đốc phụ trách/ Trưởng phó phòng Quản lý sản xuất	Duyệt (Đạt / Không Đạt)
Điều độ sản xuất	THEO DÕI TIẾN ĐỘ SẢN XUẤT
Trưởng – Phó Phân xưởng sản xuất – Người được phân công. Thủ kho Thống kê sản xuất	PHÂN CÔNG SẢN XUẤT LẬP PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ CHUNG



**❖ Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:**

Kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ luôn được ADP đặc biệt chú trọng, được thể hiện qua các sản phẩm của 3 mảng chính: Sơn kỹ nghệ, Sơn công nghiệp và Sơn xây dựng trang trí. Việc giám sát, kiểm tra quy trình công nghệ sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, bán thành phẩm, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất và kinh doanh được thực hiện bởi Phòng Kỹ thuật. Phòng Nghiên cứu phát triển quản lý các định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật và hệ thống danh mục sản phẩm – nguyên vật liệu.

**6.8. Hoạt động Marketing**

Hiện nay, công tác quảng bá tiếp thị được ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm. Các chương trình khuyến mãi, quảng cáo trên các phương tiện vận chuyển, quảng cáo sản phẩm, nhãn hàng trên các pano ngoài trời tại các cửa ngõ ra vào thành phố được thực hiện thường xuyên. Công ty luôn đầu tư hệ thống phân phối, đại lý và hoàn thiện chính sách bán hàng, phương thức giao dịch khách hàng từng bước chuyên nghiệp. Các thị trường trọng điểm, các thị trường mới nổi và xu hướng tiêu dùng để phát triển sản phẩm mới phù hợp luôn được Công ty chú trọng.

Các hoạt động Marketing hiện đang được triển khai cụ thể như sau:

27053  
 Ở GIA HỮNG THÀNH HỒ CH  
 1 - TP.



- Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu trong nước. Phát huy thế mạnh là thương hiệu lâu năm Công ty đã xây dựng quy chuẩn logo và bảng hiệu nhằm đảm bảo nhất quán về nhận diện thương hiệu;
- Tổ chức các buổi giới thiệu sản phẩm, gặp gỡ các đại lý và nhà cung cấp nhằm duy trì mối quan hệ và nâng cao giá trị hợp tác với các đối tác;

Ngoài ra, Công ty còn tham gia nhiều hoạt động từ thiện hàng năm, đóng góp cho cộng đồng như tham gia các chương trình công cộng xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, hỗ trợ các chương trình về nguồn khám chữa bệnh cho người nghèo, hỗ trợ các chương trình trẻ em nghèo hiếu học, hiến máu nhân đạo, cứu trợ miền Trung lũ lụt,....

#### 6.9. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Thương hiệu hình ảnh của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông bao gồm:

Chữ viết tắt: **ADP**

Logo công ty:



#### 6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết của ADP:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Số 22/2018/HĐĐL/AD	Công ty TNHH Vinh Phú	Sơn Trang Trí	25.000	Năm 2018
2	Số 001/ADP-HP/2018	Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát	Sơn Kỹ Nghệ	7.000	Năm 2019
3	Số 001/ADP-HP/2018	Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát	Sơn Kỹ Nghệ	7.000	Năm 2019
4	Số 0402/20/T-N5/VSP-ADP	Liên doanh Việt- Nga Vietsovetro	Sơn Tàu biển	5.600	Năm 2020
5	Số 027/2020/ADP-NPP	Công ty TNHH Phú Huỳnh	Sơn Trang Trí	20.000	Năm 2020

STT	Tên hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
6	Số 0412/20/T-N3/XL-ADP	Liên doanh Việt- Nga Vietsovpetro	Sơn Tàu biển	3.900	Năm 2020
7	Số 008/ADP/2021	Công ty Tôn Phương Nam	Sơn Kỹ nghệ	250.000	Năm 2021
8	Số 001/ADP/2021	Công ty CP Tôn Mạ VNSteel Thăng Long	Sơn Kỹ nghệ	70.000	Năm 2021
9	Số 002/ADP/2021	Công ty TNHH Grief Việt Nam	Sơn Kỹ nghệ	3.000	Năm 2021
10	Số 003/ADP/2021	Công ty TNHH AK Vina	Sơn Kỹ nghệ	2.500	Năm 2021
11	Số 004/ADP/2021	Công ty CP SX Nắp Nút Việt Nam	Sơn Kỹ nghệ	6.500	Năm 2021
12	Số 005/ADP/2021	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xăng dầu Đồng Nai	Sơn Kỹ nghệ	5.000	Năm 2021
13	Số 33/2021/HĐNT/DDC1-ADP	Công ty Cp Cơ Khí Kỹ Thuật Cao Đại Dũng I	Sơn công trình/kết cấu	500	Năm 2021
14	Số 34/2021/HĐNT/DDC MT-ADP	Công ty CP Kết Cấu Thép Đại Dũng Miền Trung	Sơn công trình/kết cấu	1.000	Năm 2021
15	Số 40/2021/HĐNT/DDC-ADP	Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Thương Mại Đại Dũng	Sơn công trình/kết cấu	500	Năm 2021
16	Số 0307/21/T-N3XL-ADP	Liên doanh Việt- Nga Vietsovpetro	Sơn Tàu biển	4.000	Năm 2021
17	Số 005/ADP-2022	Công ty cổ phần SX Nắp Nút Việt Nam	Sơn Kỹ nghệ	2.630	Năm 2022
18	Số 0605/22/T-N5/VSP.22	Công ty Liên doanh Việt- Nga	Sơn Tàu biển	27.871	Năm 2022
19	Số 008/ADP/2022	Công ty Tôn Phương Nam	Sơn Kỹ nghệ	320.000	Năm 2022



STT	Tên hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
20	Số 001/ADP/2022	CTCP Tôn Mạ VNSteel Thăng Long	Sơn Kỹ nghệ	70.000	Năm 2022
21	Số 002/ADP/2022	Công ty TNHH Grief Việt Nam	Sơn Kỹ nghệ	2.407	Năm 2022
22	Số 004/ADP/2022	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xăng dầu Đồng Nai	Sơn Kỹ nghệ	5.119	Năm 2022
23	Số 025/ADP/2023	DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến Nhật – Việt	Sơn Kỹ nghệ	60.000	Năm 2023
24	Số 032/ADP/2023	Công ty Tôn Phương Nam	Sơn Kỹ nghệ	350.000	Năm 2023
25	Số 033/ADP/2023	CTCP Tôn Mạ VNSteel Thăng Long	Sơn Kỹ nghệ	80.000	Năm 2023

Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất

#### Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm năm 2022 so với 2021	Quý I/2023
Tổng giá trị tài sản	330.930	358.503	8,33%	331.699
Vốn chủ sở hữu	278.066	274.336	-1,34%	269.775
Doanh thu thuần	414.642	587.390	41,66%	108.392
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	62.288	50.408	-19,07%	11.579
Lợi nhuận khác	-182,10	-70	-	0,07
Lợi nhuận trước thuế	62.106	50.338	-18,95%	11.579
Lợi nhuận sau thuế	49.584	40.046	-19,24%	9.263

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm năm 2022 so với 2021	Quý I/2023
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	18,66%	17,00%	-8,90%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	17,83%	14,50%	-	3,33%

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông*

Năm 2022, ngành công nghiệp sơn đối mặt với nhiều thách thức toàn cầu từ biến động giá dầu mỏ, chiến tranh Ukraine – Nga, đứt gãy chuỗi cung ứng, sự hỗn loạn hệ thống logistics, cuộc chiến thuế quan Mỹ – Trung chưa có hồi kết, lạm phát đang ở mức cao đã làm ảnh hưởng ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực mà Công ty đang cung cấp. Tuy nhiên với những chính sách, giải pháp hợp lý Công ty đã linh hoạt nắm bắt, tận dụng nhiều biện pháp để sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả tối đa.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu thuần khi kinh tế dần phục hồi trở lại sau dịch bệnh, theo đó doanh thu thuần đạt 587,39 tỷ đồng, tăng 41,66% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu sơn trang trí dành cho nhà ở tăng và Công ty duy trì thế mạnh về sản phẩm sơn công nghiệp với độ bền cao đảm bảo cung ứng sản phẩm ổn định cho các đối tác khi tình hình vận tải hàng hóa quốc tế vẫn còn bị gián đoạn.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2022 đạt 50,41 tỷ đồng giảm 19,07% so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng từ chiến sự giữa Ukraina và Nga dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty tăng mạnh khiến cho giá vốn hàng bán tăng 54,26% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt 40,05 tỷ đồng giảm 19,24% so với cùng kỳ năm 2021 và hoàn thành được 83,43% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Năm 2023, trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp và bất ổn khi giá năng lượng thế giới tăng cao; chiến sự giữa Ukraina và Nga kéo dài, sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng, theo đó kết quả kinh doanh trong quý I năm 2023 của Công ty cũng gặp nhiều biến động, cụ thể quý I năm 2023 doanh thu thuần Công ty được ghi nhận 108,39 tỷ đồng giảm 26,44% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt khoảng 21,68% kế hoạch doanh thu thuần của năm 2023. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong quý I năm 2023 đạt 11,58 tỷ đồng tăng 5,31% so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do nền kinh tế toàn cầu dần phục hồi, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng được cải thiện, từ đó tác động đến giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty được cải thiện, làm cho giá vốn hàng bán giảm 29,09% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý I năm 2023 đạt 9,26 tỷ đồng tăng 5,23% so với cùng kỳ năm 2022 và hoàn thành 25,73% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023.



- **Ý kiến kiểm toán thực hiện bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 kết thúc ngày 31/12/2021:**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- **Ý kiến kiểm toán thực hiện bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam tại Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2022 kết thúc ngày 31/12/2022:**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

### ▪ Thuận lợi:

- Kinh tế trong nước phát triển ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt, tốc độ tăng trưởng các ngành sử dụng Sơn phủ, ngành xây dựng tuy gặp khó khăn nhưng đều tăng trưởng;
- Nền tảng hợp tác quốc tế sẵn có về chuyển giao công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất các sản phẩm tiêu chuẩn quốc tế và dịch vụ chất lượng cao;
- Cán bộ, công nhân viên được đào tạo kỹ năng và chuyên môn bài bản, đặc biệt là chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật và vận hành sản xuất;
- Nhà máy Sơn Á Đông – Long An đã xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động sản xuất cho ra sản phẩm có công suất thiết kế 10.000 tấn/năm các sản phẩm sơn gốc dầu (chủ yếu sơn kỹ nghệ và sơn tàu biển & công nghiệp độ bền cao) và dự phòng có thể nhanh chóng mở rộng sản xuất trong tương lai.

### ▪ Khó khăn:

- Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và khó lường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và Khách hàng;
- Gián đoạn thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu của Công ty;
- Mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các nhà sản xuất, phân phối sản phẩm. Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Sơn và mực in Việt Nam cho thấy, Việt Nam có khoảng 600 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sơn, trong đó, các công ty sơn nước ngoài chiếm giữ tới 65% thị phần, tập trung chủ yếu ở phân khúc sơn cao cấp.

- Lĩnh vực Sơn công nghiệp tàu biển vẫn chưa phục hồi như thời điểm trước dịch bệnh, nhu cầu khách hàng có nhiều thay đổi trong tình hình khó khăn của thiên tai và dịch bệnh.

## 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông là Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sơn, được thành lập từ năm 1970. CTCP Sơn Á Đông là một trong những nhà sản xuất lớn nhất Miền Nam và cả nước, hoạt động trong lĩnh vực ngành Sơn với hơn 50 năm kinh nghiệm, Sơn Á Đông đã để lại uy tín và sự ưu tiên ưa chuộng đối với người tiêu dùng trong nước.

Nhận thức được tầm quan trọng trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới gia tăng lợi thế cạnh tranh, từ rất sớm khi đất nước bắt đầu mở cửa giao thương với các nước trên thế giới ADP là doanh nghiệp đầu tiên của ngành sơn Việt Nam đã áp dụng công nghệ mới từ các nước có nền sản xuất tiên tiến, cụ thể là hợp đồng chuyển giao công nghệ với Kansai Paint (Nhật bản), một tên tuổi lớn trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất sơn của thế giới. Với công nghệ hiện đại được chuyển giao, ADP trở thành Nhà sản xuất trong nước đầu tiên đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng quốc tế cho ngành dầu khí và được Liên doanh dầu khí Vietsovpetro chấp nhận đưa vào sử dụng thường xuyên thay thế sơn nhập khẩu cho đến nay. Phát huy thành tựu ứng dụng công nghệ, năm 1997 Công ty hợp tác với Sime Coatings (Malaysia) sản xuất sơn kỹ nghệ và là nhà sản xuất tiên phong sản phẩm sơn tôn cuộn (PCM) tại Việt Nam.

Với đặc điểm tập trung nhất quán theo 3 mảng sản phẩm chính là Sơn kỹ nghệ, Sơn công nghiệp độ bền cao, Sơn xây dựng và trang trí, Sơn Á Đông có một danh sách khách hàng khá ổn định với lượng tiêu thụ lớn, chủng loại tập trung và khả năng thanh toán ổn định, trong đó có những khách hàng tiêu thụ sơn hàng năm vào hàng lớn nhất tại Việt nam như Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro, Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Công ty Liên doanh Tôn Phương Nam (SSSC),...

Đặc biệt công ty đã di chuyển hầu hết toàn bộ khâu sản xuất về nhà máy sản xuất mới tại Khu Công nghiệp Hải Sơn tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Nhà máy đến nay đã xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động có công suất thiết kế 10.000 tấn/năm các sản phẩm gốc dầu (chủ yếu sơn kỹ nghệ và sơn tàu biển & công nghiệp độ bền cao) và có thể nhanh chóng mở rộng sản xuất trong tương lai.

### 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo quy hoạch phát triển, ngành công nghiệp sơn – mực in Việt Nam đang được phát triển theo hướng từng bước loại bỏ các công nghệ, thiết bị lạc hậu thay bằng các công nghệ, thiết bị tiên tiến, hạn chế sử dụng các nguyên liệu, hóa chất nguy hại tới môi trường sinh thái và sức khỏe con người, tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt và giá trị cao. Ngoài ra, ngành sơn – mực in tập trung đầu tư vào các nhóm sản



phẩm có giá trị sử dụng cao, đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển sản xuất các loại nhựa tạo màng, bột màu, hóa chất, phụ gia cho ngành.

Ngành sơn – mực in là một ngành hỗ trợ cho nhiều lĩnh vực khác. Sự tăng trưởng kinh tế ổn định của đất nước và sự phát triển của các lĩnh vực xây dựng và bất động sản cũng như sự gia tăng các dự án cơ sở hạ tầng được kỳ vọng sẽ giúp ngành này mở rộng. Nhu cầu về sơn của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng theo đà phát triển kinh tế của đất nước trong những năm tới. Tăng trưởng của ngành sơn Việt Nam là một xu thế đã được khẳng định.

Bên cạnh đó, phù hợp với đặc điểm của kinh tế toàn cầu ngày nay, công nghiệp thế giới nói chung và khu vực nói riêng đang trong xu hướng dịch chuyển và Việt Nam đang nổi lên như là một trong những quốc gia phù hợp để tham gia vào quá trình phân công quốc tế đó nhờ vào sự ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế tương đối bền vững, cơ sở hạ tầng được quan tâm hoàn thiện và nguồn nhân lực dồi dào, năng động. Qua đó, tiềm năng đưa sản phẩm sơn Việt Nam ra thế giới là hiện thực với quy mô triển vọng và có thể nhận định rằng công nghiệp sơn Việt Nam sẽ có những bước phát triển ngoạn mục trong một tương lai không xa.

### 8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong cùng ngành

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CTCP Sơn Đồng Nai	CTCP Hãng sơn Đông Á	CTCP Tập đoàn sơn Đại Việt	CTCP Sơn Á Đông
Mã Chứng khoán	SDN	HDA	DVG	ADP
Vốn điều lệ	15.182	276.000	280.000	230.399
Vốn chủ sở hữu	56.436	325.595	298.760	274.336
Tổng tài sản	105.855	486.524	306.290	358.503
Doanh thu thuần	128.757	243.492	126.908	587.390
LNST	15.726	2.915	1.936	40.046
ROA (%)	17,65%	0,67%	0,60%	11,62%
ROE (%)	30,00%	1,06%	0,65%	14,50%

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022 của SDN, HDA, DVG và ADP*

ADP là một Công ty có ngành nghề kinh doanh chính ở lĩnh vực kinh doanh, sản xuất sơn ở Việt Nam, do đó các công ty được lựa chọn để so sánh về hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính với ADP trong năm 2022 là những doanh nghiệp có thương hiệu trong ngành, nghề tương ứng.

#### 8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

##### **Định hướng phát triển ngành Sơn Việt Nam:**

Sự tăng trưởng kinh tế ổn định của đất nước và sự phát triển của các lĩnh vực xây dựng và bất động sản cũng như sự gia tăng các dự án cơ sở hạ tầng được kỳ vọng sẽ giúp ngành Sơn Việt Nam tăng trưởng và mở rộng.

Theo Quy hoạch phát triển ngành sơn, tầm nhìn đến năm 2030, ngành sẽ từng bước thay thế công nghệ, thiết bị lạc hậu bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến, hạn chế tối đa việc sử dụng nguyên liệu, hóa chất độc hại để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường, giá thành hợp lý.

Một số mục tiêu cụ thể được đặt ra theo Quyết định số 1008/QĐ-BTC ngày 08/2/2014 của Bộ Công thương về quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sơn - mực in Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được thay thế bởi Quyết định số 4977/QĐ-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Công thương về việc bãi bỏ các quy hoạch hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể theo quy định tại điểm d, khoản 1, điều 59, luật quy hoạch thuộc thẩm quyền của bộ trưởng bộ công thương:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp ngành công nghiệp sơn - mực in (giai đoạn 2021 - 2030 đạt 14%);
- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp sơn - mực in (giai đoạn 2021 - 2030 đạt 14%);
- Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của ngành công nghiệp sơn - mực in trong toàn ngành công nghiệp hóa chất (đạt 12% vào năm 2030);
- Đến năm 2030, nguồn nguyên liệu trong nước có khả năng đáp ứng được 75% về giá trị tổng nhu cầu của toàn ngành.

##### **Chính sách nhà nước liên quan đến ngành:**

Để đáp ứng được mọi nhu cầu bảo vệ, trang trí... công trình của xã hội trong sản xuất và đời sống hàng ngày, các sản phẩm ngành sơn ngày càng phong phú và đa dạng phù hợp các mục đích sử dụng khác nhau. Do vậy, tùy thuộc điều kiện thực tế về năng lực, kinh nghiệm và quan điểm phát triển, mỗi nhà sản xuất đều phải lựa chọn ra hướng đi đặc thù riêng cho mình.

Ngoài ra, trong chiến lược phát triển ngành sơn, nhà nước cũng đã ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất như giảm, miễn thuế, phí bảo vệ môi trường,....

##### **Định hướng phát triển của Công ty:**

Xuất phát từ nhận định rằng dưới tác động tích cực của chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa và phát triển kinh tế biển của Nhà nước Việt Nam và phù hợp với xu thế phát triển kinh tế, sự gia tăng mạnh



mẽ nhu cầu sơn kỹ nghệ, sơn tàu biển và công nghiệp độ bền cao, sơn xây dựng và trang trí tại Việt Nam là tất yếu và là lĩnh vực đáng được quan tâm để đầu tư. Công ty đã kiên trì tập trung chuyên sâu hơn vào sản phẩm sơn có hàm lượng giá trị công nghệ cao để phục vụ cho các đối tượng công nghiệp bao gồm công trình công nghiệp, công trình biển và sản phẩm kỹ nghệ...

Đồng thời, xu hướng phát triển của thế giới ngày nay là hướng tới các mục tiêu thân thiện môi trường và nâng cao hơn nữa tính năng và hiệu quả sử dụng vật liệu, nhất là các vật liệu có nguồn gốc hữu cơ như sản phẩm sơn... Sự phát triển của ngành sơn Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Vì vậy, với nền tảng công nghệ sẵn có, Công ty có điều kiện thuận lợi để sẵn sàng ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, kịp thời thích nghi với trình độ phát triển tiêu dùng ngày càng cao. Điều này cho phép ADP nhắm đến mục tiêu xa hơn trong tương lai là các thị trường ngoài nước vốn đòi hỏi những chuẩn mực nghiêm ngặt đối với sản phẩm hàng hóa.

## 9. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

### 9.1. Số lượng người lao động trong công ty

#### Bảng Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2022 là 146 người với cơ cấu như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>146</b>	<b>100,00 %</b>
1	Trình độ đại học	46	31,51%
2	Trình độ Cao đẳng	4	2,74%
3	Trình độ trung cấp, trung cấp nghề	6	4,11%
4	Lao động phổ thông	90	61,64%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>146</b>	<b>100,00 %</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	94	64,38%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	48	32,88%
3	Lưu dụng	4	2,74%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>146</b>	<b>100,00 %</b>

1	Nam	106	72,60%
2	Nữ	40	27,40%

*Nguồn: CTCP Sơn Á Đông*

## 9.2. Chính sách đối với người lao động

### 9.2.1. Chính sách đào tạo

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Hàng năm, Công ty đều có chương trình đào tạo huấn luyện để củng cố và nâng cao kỹ năng cho đội ngũ lao động, bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

- Đào tạo nội bộ: Công ty thường xuyên tổ chức những khóa đào tạo tại chỗ cho cán bộ nhân viên của Công ty với khả năng và phương tiện sẵn có. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng đào tạo, Công ty cũng thường xuyên mời thêm các giảng viên bên ngoài về giảng dạy tại Công ty.
- Đào tạo bên ngoài: Gửi người tham dự các giáo trình do các cơ quan, tổ chức bên ngoài tổ chức thực hiện. Đặc biệt, trong khuôn khổ các Hợp đồng chuyển giao công nghệ, các cán bộ, nhân viên phù hợp với yêu cầu đều được Công ty gửi đi đào tạo huấn luyện tại nước ngoài.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức huấn luyện đào tạo cho cán bộ công nhân viên trong các trường hợp sau:

- Khi áp dụng công nghệ hay thiết bị mới.
- Khi sản xuất sản phẩm mới.
- Khi có sự kiện xảy ra do người thực hiện thiếu kiến thức và kỹ năng chuyên môn.
- Khi tuyển dụng lao động mới.

### 9.2.2. Chính sách tuyển dụng

Để đảm bảo đáp ứng nhân lực một cách kịp thời và đầy đủ, Công ty có chính sách tuyển dụng thỏa đáng, phù hợp với mặt bằng kinh tế - xã hội, đặc điểm ngành nghề và nhu cầu nhân lực. Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo kế hoạch thường niên và đột xuất, dựa trên:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tình hình thực tế về nhân lực tại các bộ phận;
- Nhu cầu thay thế lao động thôi việc hoặc hưu trí;
- Chính sách nhân sự, chính sách lao động-tiền lương và định hướng phát triển của Công ty.



Đối với kế hoạch tuyển dụng thường niên, song song với việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, Phòng HCQT tập hợp đề xuất nhu cầu tuyển dụng lao động của các Phòng, Ban để trình Lãnh đạo Công ty xét duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

### 9.2.3. Môi trường làm việc

Môi trường làm việc tốt sẽ phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo của nhân viên, góp phần nâng cao năng suất lao động. Hiểu được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty.

Công ty bố trí văn phòng làm việc cho CBCNV khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

### 9.2.4. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động ngoài việc đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước.

Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết: CBCNV được nghỉ Lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Những CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm và cứ 05 năm làm việc tại Công ty được tăng thêm 01 ngày phép trong năm, những CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Nghỉ ốm đau, thai sản: CBCNV Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (6 tháng) người lao động được nhận trợ cấp thai sản do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định.

### 9.2.5. Chính sách lương, thưởng

Quan tâm đặc biệt đến đời sống CBCNV, Ban lãnh đạo đã thực hiện các chính sách phúc lợi, lương thưởng đã cam kết với người lao động. Đây cũng là một trong những thành công trong việc giữ chân nhân sự. Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của CBCNV nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích CBCNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động trong Công ty đi an dưỡng tập thể với chi phí do Công ty đài thọ. Người lao động trong Công ty được đảm bảo đầy đủ và thỏa đáng các chế độ phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, độc hại...tùy theo vị trí và đặc điểm công việc. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng chế độ phụ cấp trình độ học vấn nhằm khuyến khích người lao động quan tâm học tập để trau dồi nâng cao kiến thức.

Ngược lại, Công ty cũng đòi hỏi ở người lao động những phẩm chất và năng lực đáp ứng phù hợp. Việc đánh giá phẩm chất và năng lực người lao động trong Công ty được căn cứ trên các tiêu chí, chuẩn mực sau đây:

- Ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật lao động của Công ty;
- Thái độ và tác phong lao động;
- Quá trình tham gia lao động và thâm niên kinh nghiệm;
- Kết quả hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Năng động trong công việc; có đóng góp ý tưởng cải tiến công việc một cách hiệu quả.

#### **10. Chính sách cổ tức**

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.

Tỷ lệ cổ tức và các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức trong 03 năm gần nhất:

STT	Năm	Tỷ lệ	Giá trị	Hình thức chi trả
1	2020	30%	46.079.742.000	Tiền mặt
2	2021	18,66%	43.007.734.000	Tiền mặt
3	2022	17%	39.167.745.000	Tiền mặt

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông*



**11. Tình hình hoạt động tài chính**
**11.1. Các chỉ tiêu cơ bản**
**11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh đối với TSCĐ có liên quan đến sản xuất kinh doanh. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như Tài sản cố định, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 06 - 07 năm
- Máy móc và thiết bị: 05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 năm
- Thiết bị văn phòng: 04 - 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác: 05 - 06 năm
- Tài sản vô hình: 03 - 05 năm
- Tài sản vô hình và tài sản khác: 50 năm

**11.1.2. Mức lương bình quân**

Thu nhập của bình quân của người lao động là 17.947.000 đồng/người/tháng, tương ứng với 146 lao động tính đến thời điểm 31/12/2022. Đây là mức lương trung bình với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn.

**Bảng mức lương bình quân 03 năm gần nhất**

STT	Năm	Số lượng lao động (Người)	Mức lương bình quân (Đồng/tháng)
1	2019	184	13.567.000
2	2020	170	15.405.000
3	2021	154	11.096.000
4	2022	147	17.947.000

*Nguồn: Công ty cổ phần Sơn Á Đông*

**11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2021 và 31/12/2022 và kết thúc quý I năm 2023 ngày 31/03/2023, Công ty cổ phần Sơn Á Đông không có bất kỳ các khoản nợ quá hạn. Công ty thực hiện tốt việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ đến hạn.

**11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc hạch toán đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp đối với các khoản Thuế giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện thanh toán các khoản thuế phải nộp đúng thời hạn. Các khoản thuế, phí phải nộp theo luật định đến ngày 31/03/2023 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

KHOẢN MỤC	Số đầu năm (01/01/2023)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ 31/03/2023
Thuế giá trị gia tăng	2.539	10.839	13.027	352
+ <i>Thực nộp bằng tiền</i>	2.539	1.065	3.253	352
+ <i>Được khấu trừ</i>	0	9.774	9.774	0
Thuế môn bài	0	4	4	0
Thuế TNDN	4.816	2.316	4.891	2.240
Thuế TNCN	0	709	52	657
Tiền thuê đất	0	13	13	0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.355</b>	<b>13.881</b>	<b>17.987</b>	<b>3.249</b>

*Nguồn: BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông*

Góp phần đáp ứng nhu cầu cho các ngành công nghiệp, ngoài việc tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty, tạo công ăn việc làm và cải thiện thu nhập cho cộng đồng địa phương, bảo đảm lợi ích cho Cổ đông và các bên liên quan; việc làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước cũng được Ban lãnh đạo ADP xem là một trong những sứ mệnh quan trọng của tầng trưởng bền vững. Hoàn thành các nghĩa vụ về Thuế không đơn thuần là tuân thủ pháp luật mà còn là một trong những đóng góp có ý nghĩa to lớn cho sự phát triển của đất nước nói chung và những địa phương nơi ADP đang hoạt động sản xuất cũng như cung cấp dịch vụ nói riêng.



**11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định**
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
1	Quỹ đầu tư phát triển	0	7.235	7.235
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	51	51	51
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51</b>	<b>7.286</b>	<b>7.286</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông*

Theo Báo cáo tài chính năm 2021, năm 2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính quý I năm 2023, Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của Pháp luật hiện hành.

**11.1.6. Tổng dư nợ vay**
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
I	Vay ngắn hạn	-	-	-
II	Vay dài hạn	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông*

Công ty không sử dụng nợ vay dài hạn, cơ cấu nợ vay của Công ty chỉ bao gồm các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Tính đến 31/03/2023, Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ vay đến hạn.

**11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay**
**a) Tình hình công nợ phải thu**
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	58.521	82.360	57.197
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	57.382	80.291	56.152
-	Phải thu đối tượng khác	4.398	2.006	6.379
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	-

STT	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
4	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	1.375	2.102	1.079
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-236	-34	-34
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.521</b>	<b>82.360</b>	<b>57.197</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông

Tình hình nợ xấu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Chi tiết:	236	-	34	-	34	-
Công Ty TNHH SX TM Và DV Vương Thái Bình	71	-	-	-	-	-
Công Ty TNHH Thanh Bình	49	-	-	-	-	-
Công Ty CP Sản Phẩm Thép Nam Phát	36	-	-	-	-	-
Công Ty CP TM DV&SX Lâm Hiệp Hưng	80	-	-	-	-	-



Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	-	-	17	-	17	-
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	-	-	13	-	13	-
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh Điện Sơn Hải Thịnh	-	-	4	-	4	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>236</b>	<b>-</b>	<b>34</b>	<b>-</b>	<b>34</b>	<b>-</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông

**Nợ khó đòi đã xử lý:**

Đối tượng	VNĐ	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Tân Thế Giới	1.018.419.042	31/12/2019	Không thể thu hồi
Công ty TNHH CK Đông Tàu Hà Đức	88.214.440	31/12/2019	Không thể thu hồi
CTCP VTB Trái Thiên	255.256.150	31/12/2019	Không thể thu hồi
CTCP Nước & Môi Trường	373.137.515	31/12/2019	Không thể thu hồi
Công ty TNHH TM Tiến Minh	871.909.625	31/12/2019	Không thể thu hồi
Công ty TNHH Minh Thành	84.564.000	31/12/2019	Không thể thu hồi
Công ty TNHH Ánh Tiên	84.314.779	31/12/2019	Không thể thu hồi
Công ty TNHH Sơn Thuần Anh	331.736.273	31/12/2020	Không thể thu hồi
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.107.551.824</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 và Báo cáo tài chính quý I năm 2023, đến ngày 31/03/2023 Công ty có khoản nợ xấu khó thu hồi 33.570.457 đồng đến từ Công ty TNHH TM DV Phát Phúc, Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường và Công ty TNHH Gia công Sơn Tĩnh Điện Sơn Hải Thịnh.

Căn cứ theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Theo đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giá trị các khoản nợ xấu nêu trên. Công ty đang quyết liệt áp dụng các biện pháp để thu hồi tất cả các khoản nợ này.

**b) Tình hình công nợ phải trả**
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
<b>I</b>	<b>NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>52.865</b>	<b>84.167</b>	<b>61.923</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	36.611	60.650	47.163
-	<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>13.145</i>	<i>25.251</i>	<i>15.953</i>
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	98	61	68
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.262	7.355	3.249
4	Phải trả người lao động	5.406	15.005	10.720
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	436	1.045	672
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	51	51	51
<b>II</b>	<b>NỢ DÀI HẠN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>52.865</b>	<b>84.167</b>	<b>61.923</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông*



**11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>	Lần	5,12	3,66
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn</i>	Lần	3,77	2,78
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	15,97	23,48
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	19,01	30,68
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,26	1,70
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	4,07	6,83
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,96	6,82
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	18,15	14,50
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	15,01	11,62
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,02	8,58

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021 và năm 2022 Công ty Cổ phần Sơn Á Đông*

**❖ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

Các hệ số thanh toán của Công ty sụt giảm trong năm qua. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt ở mức 3,66 và 2,78 năm 2022. Sự gia tăng các khoản phải thu do nói lỏng chính sách thu tiền người mua là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm trên. Trong năm do giá nguyên vật liệu tăng cao nên Công ty ưu tiên sử dụng hàng tồn kho đã dự trữ và lựa chọn thời điểm phù hợp để tích trữ hàng tồn kho duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh nên hàng tồn kho của Công ty trong năm không biến động nhiều. Nhìn chung, các chỉ số về thanh toán của công ty vẫn được đảm bảo

ổn định, công ty hoàn toàn có đủ nguồn lực để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ tới hạn trong tương lai.

#### ❖ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tính an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng. Do đó, cơ cấu nợ phải trả luôn được giữ ở tỷ trọng thấp qua các năm. Năm 2022, tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản đạt 23,48%, tỷ lệ này tăng so với mức 15,97% năm 2021.

Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2022 đạt 358,50 tỷ đồng tăng 8,33% so với cùng kỳ năm 2021, đóng góp vào mức tăng tổng tài sản chủ yếu đến từ việc tăng tài sản ngắn hạn, cụ thể là các khoản tiền phải thu của khách hàng.

Các khoản phải trả ngắn hạn tính đến 31/12/2022 tăng 65,66% so với cùng kỳ, đây là khoản thanh toán cho nhà cung cấp phát sinh trong quý IV năm 2022 để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh giai đoạn cuối năm. Điều này làm cho tổng nợ phải trả của Công ty thời điểm cuối năm 2022 đạt 84,17 tỷ đồng tăng 59,21% so với cùng kỳ năm 2021.

Ngoài ra, Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có không sử dụng nợ vay tài chính. Trong điều kiện thị trường còn nhiều rủi ro tiềm ẩn việc chủ yếu sử dụng vốn tự có sẽ giúp Công ty giảm được áp lực thanh toán nợ vay.

#### ❖ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và doanh thu, cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua. Điều này dẫn đến vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng từ 1,26 lần năm 2021 lên 1,70 lần trong năm 2022. Việc tiếp tục duy trì xu hướng tích cực trong những năm qua đã thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả của Công ty.

Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2022 đạt 6,83 vòng, tăng so với mức 4,07 vòng của cùng kỳ do Công ty đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn quý IV năm 2022 để phục vụ kịp thời cho công tác sản xuất kinh doanh năm 2022, đồng thời do biến động khó lường của thị trường tác động trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã cân đối tích trữ nguồn nguyên vật liệu đầu vào phù hợp, theo đó hàng tồn kho trong năm không biến động nhiều.

#### ❖ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm giảm mạnh so với năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh, bất ổn chính trị tác động đến nền kinh tế tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2022, lợi nhuận sau thuế đạt 40,05 tỷ đồng giảm 19,24% so với năm 2021, nguyên nhân



chủ yếu do kinh tế phục hồi sau đại dịch còn gặp nhiều khó khăn, bất ổn chính trị giữa Nga – Ukraina đã ảnh hưởng đến giá dầu làm cho giá nguyên liệu đầu vào của Công ty tăng cao, dẫn đến chi phí sản xuất tăng mạnh trong năm. Theo đó, chỉ tiêu ROE và ROA giảm so với năm 2021 tuy nhiên vẫn duy trì ở mức cao lần lượt đạt 14,5% và 11,62%.

## 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng

### 12.1. Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ (*)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	2.318.269	10,06 %
2	Ông Trần Bửu Trí	Thành viên HĐQT	2.616.568	11,36 %
3	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT	2.124.000	9,22 %
4	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT	2.534.400	11,00 %
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	637.696	2,77 %
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên độc lập HĐQT	0	0,00 %
7	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên độc lập HĐQT	103.500	0,45%

(\*) Số lượng cổ phần năm giữ tính đến ngày 18/05/2023

#### **BÀ NGUYỄN THỊ NHUNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nhung
- Giới tính: Nữ                      Ngày sinh: 01/05/1941                      Nơi sinh: Đồng Tháp
- CCCD: 087141000026                      Ngày cấp: 24/09/2018                      Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Bộ CA
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- Địa chỉ thường trú: Y7 Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - + 1960 – 1966                      : Công tác tại Nhà máy Cao su Sao vàng Hà Nội
  - + 1966 – 1972                      : Thực tập sinh Nước CHXHCN Tiệp Khắc

- + 1972 – 1976 : Công tác tại Nhà máy Sơn Tổng Hợp Hà Nội
  - + 1976 – 1980 : Tiếp quản Nhà máy Sơn Á Đông
  - + 1980 – 2000 : Công tác tại công ty Sơn Chất Dẻo – XN Sơn Á Đông
  - + 2000 – 04/2022 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sơn Á Đông
  - + 04/2022 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Sơn Á Đông
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:
    - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % VDL
    - + Cá nhân sở hữu: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm: 10,06 % VDL
  - Các khoản nợ đối với ADP: Không có
  - Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu:
    - + Võ Thị Bích Ngọc (Con gái) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ : 2,77 % VDL
    - + Võ Thị Mai Hương (Con gái) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ :1,15 % VDL
    - + Võ Hồng Hà (Con trai) nắm giữ: 2.534.400 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ : 11,00 %VDL
    - + Ông Trần Bửu Trí (con rể) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 11,36 % VDL
  - Thủ lao nhận được: Được ĐHCĐ quyết định
  - Thu nhập: Không có
  - Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có
  - Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

#### **ÔNG LÊ ĐÌNH QUANG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PHÓ TGD**

- Họ và tên: Lê Đình Quang
- Giới tính: Nam                      Ngày sinh: 30/10/1963                      Nơi sinh: Đà Nẵng
- CCCD: 048063000110                      Ngày cấp: 14/12/2019                      Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH - Bộ CA
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành Tài chính – kế toán
  - + Cử nhân luật, Chuyên ngành Thương mại
- Địa chỉ thường trú: 48 Nguyễn Trọng Trí, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:



- + 1985 – 1994 : Công tác tại phòng kế toán Công ty Thương nghiệp Huyện Bình Chánh, TP.HCM
  - + 1994 – 2000 : Phụ trách kế toán Xí nghiệp Sơn Á Đông
  - + 2000 – 2022 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc/Kế toán trưởng CTCP Sơn Á Đông
  - + 2022 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Sơn Á Đông
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:
    - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
    - + Cá nhân sở hữu: 2.124.000 cổ phiếu, chiếm 9,22 % VDL
  - Các khoản nợ đối với ADP: Không có
  - Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu:
    - + Vương Thị Huyền Trang (Vợ) nắm giữ: 964.974 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,19% VDL
  - Thù lao nhận được: Được ĐHCĐ quyết định
  - Thu nhập: Không có
  - Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có
  - Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

#### **ÔNG TRẦN BỬU TRÍ – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG ĐIỀU HÀNH**

- Họ và tên: Trần Bửu Trí
- Giới tính: Nam                      Ngày sinh: 14/03/1977                      Nơi sinh: Bến Tre
- CMND: 024335180                      Ngày cấp: 25/03/2005                      Nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
- Địa chỉ thường trú: 67 Đường 13, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - + 2000 – 2001 : Công tác kỹ thuật bán hàng tại Công ty TNHH Long Thành
  - + 2001 – 04/2022 : Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Sơn Á Đông
  - + 04/2022 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Sơn Á Đông
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % VDL
- + Cá nhân sở hữu: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm 11,36 % VDL
- Các khoản nợ đối với ADP: Không có
- Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu:
  - + Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ vợ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,06 % VDL
  - + Võ Thị Bích Ngọc (Vợ) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 2,77 % VDL
- Thủ lao nhận được: Được ĐHDCD quyết định
- Thu nhập: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

### ÔNG VÕ HỒNG HÀ – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TGD

- Họ và tên: Võ Hồng Hà
- Giới tính: Nam                      Ngày sinh: 03/04/1960                      Nơi sinh: Tp. Hà Nội
- CCCD: 0011060019652              Ngày cấp: 05/12/2019                      Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH-Bộ CA
- Quốc tịch: Việt Nam              Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn              Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ thường trú: Y7 Đường Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - + 1992 - 2019                      : Kinh doanh nhà hàng tại Đan Mạch
  - + 2019 - 2021                      : Trợ lý Phó Tổng Giám Đốc
  - + 2022 - 04/2022                      : Trưởng phòng Kế hoạch cung ứng vật tư CTCP Sơn Á Đông
  - + 05/2022 – 01/2023                      : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc CTCP Sơn Á Đông
  - + 01/2023 đến nay                      : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc CTCP Sơn Á Đông
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % VDL
  - + Cá nhân sở hữu: 2.534.400 cổ phiếu, chiếm 11,00 % VDL
- Các khoản nợ đối với ADP: Không có
- Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu:



- + Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,06 % VDL
- + Ông Trần Bửu Trí (Em rể) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 11,36 % VDL
- + Bà Võ Thị Mai Hương (Em ruột) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,15 % VDL
- + Võ Thị Bích Ngọc (Em ruột) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 2,77 % VDL
- Thù lao nhận được: Được ĐHCĐ quyết định
- Thu nhập: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

**BÀ VÕ THỊ BÍCH NGỌC – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG ĐIỀU HÀNH**

- Họ và tên: Võ Thị Bích Ngọc
- Giới tính: Nữ                      Ngày sinh: 30/12/1977                      Nơi sinh: Bến Tre
- CMND: 023323533                      Ngày cấp: 04/04/2012                      Nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ thường trú: 126 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Thành viên Hội đồng quản trị
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - + 2000 – 04/2022 : Công tác tại Công ty cổ phần Sơn Á Đông
  - + 04/2022 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Sơn Á Đông
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % VDL
  - + Cá nhân sở hữu: 637.696 cổ phiếu, chiếm 2,77 % VDL
- Các khoản nợ đối với ADP: Không có
- Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu:
  - + Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,06 % VDL
  - + Ông Trần Bửu Trí (Chồng) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 11,36 % VDL
  - + Ông Võ Hồng Hà (Anh ruột) nắm giữ: 2.534.400 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 11,00 % VDL
  - + Bà Võ Thị Mai Hương (Chị ruột) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,15 % VDL
- Thù lao nhận được: Được ĐHCĐ quyết định
- Thu nhập: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

**BÀ NGUYỄN THỊ MINH SÁU – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Sáu
- Giới tính: Nữ                      Ngày sinh: 10/08/1957                      Nơi sinh: Tp. Hà Nội
- CCCD: 0011570019821                      Ngày cấp: 19/04/2021                      Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH-Bộ CA
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn                      Tiến Sỹ kinh tế QTKD
- Địa chỉ thường trú: 226 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - + 1978 - 1996                      :    Làm việc tại Tập đoàn dầu khí Việt Nam
  - + 1997 - 2012                      :    Làm việc tại Tập đoàn dầu khí Đa quốc gia Shell Việt Nam
  - + 2012 - 04/2022                      :    Nghỉ hưu theo chế độ và tham gia giảng dạy tại các trường đại học về quản trị kinh doanh
  - + 04/2022 đến nay                      :    Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán CTCP Sơn Á Đông
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% VDL
- Các khoản nợ đối với ADP: Không có
- Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu:
  - + Ông Nguyễn Tài Thảo (Chồng) nắm giữ: 972.258 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,22% VDL
  - + Bà Nguyễn Thị Lan Hương (Con) nắm giữ: 20.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,09% VDL
- Thủ lao nhận được: Được ĐHCĐ quyết định
- Thu nhập: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

**ÔNG TÔNG TRƯỜNG THỊNH – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP**

- Họ và tên: Tông Trường Thịnh



- Giới tính: Nam      Ngày sinh: 17/08/1990      Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- CCCD: 079090026239      Ngày cấp: 19/04/2021      Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH-Bộ CA
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn      Thạc sỹ hóa
- Địa chỉ thường trú: Số 6 Đường số 10, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Thành viên UBKT
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - + 2013 - 2015      : Công tác tại Công ty TNHH Dệt may Thành công Việt Nam
  - + 2015 - 2017      : Công tác tại Công ty TNHH DKSH Việt Nam
  - + 2017 - 04/2022      : Công ty TNHH TMDV SX Bình Phú
  - + 04/2022 đến nay      : Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên Ủy Ban kiểm toán CTCP Sơn Á Đông
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % VDL
  - + Cá nhân sở hữu: 103.500 cổ phiếu, chiếm 0,45 % VDL
- Các khoản nợ đối với ADP: Không có
- Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu:
  - + Ông Tống Quốc Minh (Cha) nắm giữ: 1.148.250 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,98% VDL
  - + Bà Ngũ Thị Kim Lệ (Mẹ) nắm giữ: 597.150 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 2,59% VDL
  - + Bà Tống Trường Lộc (Chị) nắm giữ: 103.025 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,45% VDL
- Thủ lao nhận được: Được ĐHCĐ quyết định
- Thu nhập: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

**12.2. Ủy Ban Kiểm toán**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ (*)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	0	0,00%

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ (*)	TỶ LỆ SỞ HỮU
2	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	103.500	0,45%

(\*) Số lượng cổ phần năm giữ tính đến ngày 18/05/2023

Sơ yếu lý lịch của Ủy Ban kiểm toán xem phần Sơ yếu lý lịch của HĐQT

### 12.3. Ban Tổng Giám đốc

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ (*)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Bà Dương Thị Thùy Hương	Tổng Giám đốc	3.697	0,02%
2	Ông Võ Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc	2.534.400	11,00%
3	Ông Lê Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc	2.124.000	9,22%

(\*) Số lượng cổ phần năm giữ tính đến ngày 18/05/2023

Sơ yếu lý lịch của Ông Võ Hồng Hà và Ông Lê Đình Quang xem phần Sơ yếu lý lịch của HĐQT

#### BÀ DƯƠNG THỊ THÙY HƯƠNG – TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Dương Thị Thùy Hương
- Giới tính: Nữ      Ngày sinh: 09/03/1962      Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- CCCD: 079162029934      Ngày cấp: 10/05/2021      Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa
- Địa chỉ thường trú: 179/6 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - + 10/1988 - 05/1990 : Công tác tại Viện Dầu khí
  - + 06/1990 - 09/2010 : Làm việc Công ty Cổ phần Sơn Á Đông
  - + 10/2010 - 08/2016 : Làm việc Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex
  - + 10/2016 - 05/2021 : Làm việc Công ty TNHH TM&SX Sơn Đông Nam Á



- + 06/2022 – 12/2022 : Làm việc Công ty Cổ phần Sơn Á Đông
- + 01/2023 - đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Á Đông
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% VDL
  - + Cá nhân sở hữu: 3.697 cổ phiếu, chiếm 0,02% VDL
- Các khoản nợ đối với ADP: Không có
- Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Thù lao nhận được: Được ĐHCĐ quyết định
- Thu nhập: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

#### 12.4. Kế toán trưởng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ (*)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Huỳnh Thanh Tâm	Kế toán trưởng	4.372	0,02 %

(\*) Số lượng cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2023

#### ÔNG HUỖNH THANH TÂM – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Họ và tên: Huỳnh Thanh Tâm
- Giới tính: Nam      Ngày sinh: 24/11/1979      Nơi sinh: Tỉnh Trà Vinh
- CCCD: 084079000176      Ngày cấp: 04/02/2020      Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH-Bộ CA
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn      Cử nhân kinh tế
- Địa chỉ thường trú: 19 Đinh An Tài, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
- Các chức vụ công tác hiện nay tại ADP: Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - + 2006 - 04/2022 : Phòng kế toán Công ty Cổ phần Sơn Á Đông
  - + 04/2022 đến nay : Kế toán trưởng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty
- Số CP ADP nắm giữ tại ngày 18/05/2023:

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% VDL
- + Cá nhân sở hữu: 4.372 cổ phiếu, chiếm 0,02% VDL
- Các khoản nợ đối với ADP: Không có
- Danh sách người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Thù lao nhận được: Được ĐHCĐ quyết định
- Thu nhập: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với ADP: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với ADP: Không có

**13. Tài sản****Tình hình Tài sản cố định (TSCĐ)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>141.179</b>	<b>42.762</b>	<b>139.531</b>	<b>33.412</b>	<b>139.531</b>	<b>30.526</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	66.371	34.562	66.371	28.881	66.371	26.978
2	Máy móc và thiết bị	55.509	5.250	53.366	915	53.366	662
3	Phương tiện vận tải	9.593	1.668	10.807	2.324	10.807	2.148
4	Thiết bị văn phòng	2.885	311	2.846	441	2.846	354
5	TSCĐ hữu hình khác	6.822	970	6.141	851	6.141	384
<b>II</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>24.248</b>	<b>17.459</b>	<b>24.248</b>	<b>16.974</b>	<b>24.248</b>	<b>16.852</b>
1	Quyền sử dụng đất	24.248	17.459	24.248	16.974	24.248	16.852
2	Quyền phát hành	-	-	-	-	0	0
3	Bản quyền, bằng sáng chế	-	-	-	-	0	0
4	Phần mềm máy tính	-	-	-	-	0	0



STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
5	TSCĐ vô hình khác	-	-	-	-	0	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>165.427</b>	<b>60.221</b>	<b>163.779</b>	<b>50.385</b>	<b>163.779</b>	<b>47.378</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC quý I năm 2023 CTCP Sơn Á Đông

**Những tài sản, bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty:**

Chỉ tiêu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian đã sử dụng (năm)	Thời hạn sử dụng (năm)	Nguồn gốc sử dụng
Tên Khu đất: Đất khu công nghiệp Hải Sơn Địa chỉ: Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa Tỉnh Long An	42.000 m <sup>2</sup>	16 năm	50 năm	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
Tên Khu đất: Công ty cổ phần Sơn Á Đông Địa chỉ: 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp.HCM	7.554 m <sup>2</sup>	22 năm	46 năm	Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê hằng năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo**

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện Năm 2022		Kế hoạch Năm 2023		Kế hoạch Năm 2024 (*)	
	Giá trị, %	% tăng giảm so với TH năm 2021	Giá trị, %	% tăng giảm so với TH năm 2022	Giá trị, %	% tăng giảm so với KH năm 2023
Doanh thu thuần	587.390	41,66%	500.000	-14,88%	650.000	8,33%
Lợi nhuận sau thuế	40.046	-19,24%	36.000	-10,10%	50.000	4,17%
Vốn chủ sở hữu	274.336	-1,34%	288.053	5,00%	302.455	5,00%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,82%	-	7,20%	-	7,69%	-

CHỈ TIÊU	Thực hiện Năm 2022		Kế hoạch Năm 2023		Kế hoạch Năm 2024 (*)	
	Giá trị, %	% tăng giảm so với TH năm 2021	Giá trị, %	% tăng giảm so với TH năm 2022	Giá trị, %	% tăng giảm so với KH năm 2023
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	14,60%	-	12,50%	-	16,53%	-
Cổ tức	17,00%	-8,90%	12,00%	-29,41%	12,00%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

(\*) Kế hoạch do HĐQT Công ty xây dựng và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện trong năm 2022, Công ty ước lượng và đã thực hiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua mức sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2023 là 6.500 tấn với doanh thu 500 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty đã chuyển toàn bộ khâu sản xuất về Nhà máy sản xuất ở khu công nghiệp Hải Sơn tại Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An còn mặt bằng hiện hữu tại Quận 8 - TP.HCM vẫn tiếp tục sử dụng làm văn phòng làm việc và cho các mục đích khác có hiệu quả hơn trong tương lai.

Trước bối cảnh dự báo kinh tế Việt Nam năm 2023, lạm phát được kiểm soát ở mức 4,5%, mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% so với năm 2022. Tận dụng sự ổn định của kinh tế vĩ mô, ngành công nghiệp, xây dựng tăng trưởng trở lại khi kinh tế phục hồi sau dịch bệnh. Bên cạnh đó là dự báo về sự phục hồi các gián đoạn nguồn cung từ Châu Âu sang Châu Á. Do đó, Công ty đã đưa ra các biện pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2023 như sau:

❖ **Về hoạt động kinh doanh:**

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có biện pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với các biến động của thị trường.
- Duy trì và phát triển vững chắc thị trường chiến lược, thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng thị trường tiêu thụ trong nước và ngoài nước.
- Nghiên cứu ban hành và thực thi các cơ chế chính sách kinh doanh mới phù hợp tình hình thị trường. Tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách nhằm mục tiêu phát triển thị trường mới để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2023 mà ĐHĐCĐ thông qua.
- Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng nhằm giải quyết hài hòa lợi ích và thắt chặt mối quan hệ giữa Công ty với khách hàng, đại lý, nhà phân phối và người trực tiếp sử dụng sản phẩm của Công ty.



- Đặc biệt tập trung tuyển dụng, đưa đi đào tạo các khóa chuyên sâu về kinh doanh và marketing bổ sung cho đội ngũ kinh doanh.
- ❖ **Về hoạt động Marketing:**
  - Tập trung vào việc củng cố và phát triển thị trường mục tiêu, có chính sách hợp lý để phát triển thị trường mới nơi chưa có kênh phân phối và chú trọng giữ vững thị trường hiện đang có.
  - Nghiên cứu, thực thi các cơ chế chính sách thị trường, phân khúc thị trường, xác định nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng để sản xuất cho ra những dòng sản phẩm mà xã hội cần.
- ❖ **Về quản lý sản xuất:**
  - Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng lẫn hình thức mẫu mã bao bì.
  - Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực quản lý sản xuất, chú trọng công tác hợp lý hóa các khâu sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.
- ❖ **Về chiến lược sản phẩm:**
  - Chú trọng phát triển các dòng sản phẩm trong tương lai là các sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường.
  - Ngoài các sản phẩm thế mạnh hiện nay. Công ty sẽ xem xét đưa vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mới mà Công ty đã tự nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong thời gian vừa qua.
  - Tăng cường hoạt động tư vấn, khuyến cáo với khách hàng để nâng cao giá trị sử dụng sản phẩm, tiếp tục cải tiến và hoàn thiện mẫu mã bao bì để tạo tính đồng bộ và nâng cao giá trị thương hiệu.
- ❖ **Về khoa học, công nghệ môi trường:**
  - Tiếp tục cải tiến công nghệ, đổi mới và bố trí hợp lý thiết bị nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất và chi phí quản lý để giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
  - Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.
- ❖ **Về công tác tài chính:**
  - Tiếp tục quản lý kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản chi tiêu nội bộ, rà soát và cắt giảm các khoản chi phí không hợp lý nhằm hạn chế mua sắm, sửa chữa trang thiết bị chưa cần thiết trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Chú trọng công tác kiểm soát thường xuyên các khoản nợ phải thu không để phát sinh nợ xấu.
- ❖ **Về tổ chức bộ máy quản lý:**

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới, tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.
- Bố trí sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý để tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động nhằm tăng thu nhập cho người lao động.

Dựa trên những yếu tố trên, Công ty đánh giá kế hoạch về lợi nhuận, dòng tiền và cổ tức trong năm 2023 là thực tế và khả thi.

#### **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông cũng như lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Sơn Á Đông có vị thế hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm 2023 là có tính khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có.

#### **17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

### **V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

#### **1. Loại chứng khoán:**

Cổ phần phổ thông



**2. Mệnh giá:**

10.000 đồng

**3. Tổng số chứng khoán niêm yết:**

23.039.850 Cổ phiếu

**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”

Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết như sau:

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Đối tượng	Số cổ phiếu cam kết nắm giữ trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Số cổ phiếu cam kết nắm giữ trong 12 tháng kể từ ngày niêm yết
1.	Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	2.318.269	1.159.134
2.	Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	2.534.400	1.267.200
3.	Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	2.124.000	1.062.000
4.	Trần Bửu Trí	Thành viên HĐQT	2.616.568	1.308.284
5.	Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	637.696	318.848
6.	Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
7.	Tổng Trường Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	103.500	51.750
8.	Dương Thị Thủy Hương	Tổng Giám đốc	3.697	1.848

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Đối tượng	Số cổ phiếu cam kết nắm giữ trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Số cổ phiếu cam kết nắm giữ trong 12 tháng kể từ ngày niêm yết
9.	Huỳnh Thanh Tâm	Kế Toán Trưởng	4.372	2.186

Nguồn: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

### 5. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

### 6. Phương pháp tính giá

Căn cứ Điều 5 Quy chế niêm yết chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định 85/QĐSGDHCM ngày 19 tháng 03 năm 2018 của Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh như sau: “Trường hợp chứng khoán Niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Hà Nội chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán không phải xác định giá dự kiến niêm yết cho ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK trước khi SGDCK cấp quyết định Niêm yết. Phương pháp tính giá trong Bảng cáo bạch niêm yết tối thiểu phải có hai phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp bình quân giá tham chiếu của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội”

#### 6.1. Giá trị sổ sách của ADP tại ngày 31/12/2022:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông thiểu số} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân ADP:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân} = 23.039.850 \text{ cổ phiếu}$$

Giá trị sổ sách của ADP tại thời điểm 31/12/2022 theo BCTC kiểm toán năm 2022:

Chỉ tiêu	Ghi chú	31/12/2022
Vốn chủ sở hữu (Đồng)	(1)	274.335.986.648
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2)	0
Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân (Cổ phiếu)	(3)	23.039.850
Giá trị sổ sách (Đồng/cổ phiếu)	(4) = [(1) - (2)]/(3)	11.907

#### 6.2. Phương pháp hệ số P/B



Hệ số P/B thể hiện số tiền nhà đầu tư sẵn sàng trả cho một đồng giá trị sổ sách (BV) của vốn cổ đông. P/B là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị sổ sách của cổ phiếu đó. Tỷ lệ này được tính toán bằng cách lấy giá của cổ phiếu chia cho giá trị ghi sổ tại năm/quý gần nhất của cổ phiếu đó.

Hệ số P/B thể hiện số tiền nhà đầu tư sẵn sàng trả cho một đồng giá trị sổ sách (BV) của vốn cổ đông. P/B là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị sổ sách của cổ phiếu đó. Tỷ lệ này được tính toán bằng cách lấy giá của cổ phiếu chia cho giá trị ghi sổ tại năm/quý gần nhất của cổ phiếu đó.

$$P/B = \frac{\text{Giá trị vốn hóa}}{\text{Giá trị sổ sách}}$$

Khi sử dụng phương thức so sánh tương quan, Giá trị 1 cổ phiếu của công ty được tính bằng công thức sau:

$$P = BVPS * P/B_{bq}$$

Trong đó:

- P: giá trị của cổ phiếu đó tính theo phương pháp P/B.
- BVPS: giá trị của cổ phiếu đó tính theo giá trị sổ sách.
- P/B<sub>bq</sub>: Tỷ lệ giá cổ phiếu giao dịch trên giá trị sổ sách được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong lĩnh vực có sự tương đồng nhất với Công ty đang niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Để tính P/B bình quân ngành, Công ty sẽ căn cứ vào P/B của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, có đặc điểm kinh doanh tương tự với CTCP Sơn Á Đông đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán tại thời điểm 31/12/2022:

STT	Tên công ty	Mã CK	Vốn chủ sở hữu (31/12/2022)	Số cổ phần bình quân trong kỳ	Giá đóng cửa (19/06/2023)	P/B
1	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	SDN	56.435.736.324	1.518.218	49.500	1,33
2	Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	HPP	439.480.942.298	8.007.177	55.700	1,01
3	Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội	HSP	186.746.009.162	12.027.086	12.000	0,77
	<b>P/B<sub>bq</sub></b>					<b>1,04</b>

- Theo đó, Giá cổ phiếu của Công ty theo phương pháp so sánh P/B với các doanh nghiệp khác cùng ngành là:

$$P = BVPS * P/B_{bq} = 11.907 * 1,04 = 12.383 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

### 6.3. Phương pháp hệ số P/E

Hệ số P/E thể hiện số tiền nhà đầu tư sẵn sàng trả cho một đồng lợi nhuận doanh nghiệp làm ra. Xác định giá cổ phiếu dựa trên hệ số P/E là phương pháp phân tích cơ bản thuộc nhóm phương pháp dựa vào các hệ số. Là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với thu nhập mà cổ phiếu có thể tạo ra.

$$P/E = \frac{\text{Giá trị vốn hóa}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}}$$

Khi sử dụng phương thức so sánh tương quan, giá trị 1 cổ phiếu của công ty được tính bằng công thức sau:

$$P = EPS * P/E_{bq}$$

Trong đó:

- P: giá trị cổ phiếu đó, tính theo phương pháp P/E
- EPS: lãi cơ bản trên cổ phiếu trong 12 tháng gần nhất của cổ phiếu đó
- P/E<sub>bq</sub>: hệ số giá/thu nhập của một số công ty trong lĩnh vực có sự tương đồng với Công ty, hiện đang niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Để tính P/E bình quân ngành, Công ty sẽ căn cứ vào P/E của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, có đặc điểm kinh doanh tương tự với CTCP Sơn Á Đông đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán tại thời điểm 31/12/2022:

STT	Tên công ty	Mã CK	EPS 4 Quý gần nhất tính đến 31/12/2022	Giá đóng cửa (19/06/2023)	P/E
1	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	SDN	8.289	49.500	5,97
2	Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	HPP	4.113	55.700	13,54
3	Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội	HSP	1.019	12.000	11,78
	<b>P/E<sub>bq</sub></b>				<b>10,43</b>



EPS bình quân trong 04 quý gần nhất của Công ty là 1.738 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Giá cổ phiếu của Công ty theo phương pháp so sánh P/E với các doanh nghiệp khác cùng ngành là:

$$P = EPS * P/E_{bqñ} = 1.738 * 10,43 = 18.127 \text{ đồng/Cổ phiếu}$$

#### 6.4. Phương pháp giá theo thị trường

Phương pháp giá theo thị trường được xác định dựa trên các dữ liệu giao dịch của cổ phiếu ADP trên sàn UPCOM được công bố trên trang web của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Giá cổ phiếu ADP theo phương pháp thị trường là bình quân giá tham chiếu của 30 phiên giao dịch. Theo đó, đến ngày 19/06/2023, bình quân giá tham chiếu của ba mươi (30) phiên giao dịch liên tiếp gần nhất (từ ngày 09/05/2023 đến ngày 19/06/2023) của cổ phiếu ADP là 20.053 đồng/cổ phiếu.

#### 6.5. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh:

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE được xác định trên cơ sở hướng dẫn theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Công ty quyết định về nguyên tắc xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE theo Nghị quyết HĐQT số 11/2022/NQ/HĐQT/ADP ngày 28/09/2022, theo đó bình quân giá tham chiếu của ba mươi (30) phiên giao dịch liên tiếp gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là phương pháp tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ADP trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi được Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp quyết định niêm yết và ADP hủy đăng ký giao dịch trên SGDK Hà Nội, ADP sẽ tính toán giá tham chiếu và ban hành Nghị quyết HĐQT về giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ADP và báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền, công bố thông tin theo quy định.

#### 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ các Điều ước quốc tế có liên quan và căn cứ vào các quy định của pháp luật Việt Nam về các ngành nghề mà Công ty đã đăng ký, giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Sơn Á Đông ở thời điểm hiện tại cho từng ngành nghề như sau:

*(\*) CPC là Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm của Liên hợp quốc. Mỗi ngành / phân ngành dịch vụ trong WTO tương ứng với một mã CPC nhất định.*

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Cơ sở pháp lý
2022	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.	Không hạn chế	Pháp luật Việt Nam không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu đối với NĐTNN
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn	Không hạn chế	Pháp luật Việt Nam không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu đối với NĐTNN
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.	Không hạn chế	Pháp luật Việt Nam không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu đối với NĐTNN

*Nguồn: Cổng thông tin Quốc gia về đầu tư (FIA Vietnam)*

Theo công văn số 2239/UBCK-PTTT ngày 25/05/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Sơn Á Đông là 100%.

## 8. Các loại thuế có liên quan

Trong hoạt động, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... phụ thuộc các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ. Cụ thể như sau:

### 8.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi thành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 18/06/2014. Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch.

### 8.2. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Theo quy định của Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008, Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty đang áp dụng mức thuế suất 10%.



### 8.3. Thuế thu nhập cá nhân

#### *Đối với nhà đầu tư cá nhân*

**Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ cổ tức:** Theo quy định trong Thông tư số 111/2013/TT-BTC “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân”, ban hành ngày 15/8/2013, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức.

Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

*Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Cổ tức nhận được x Thuế suất 5%*

- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

**Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:** Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo quy định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

*Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%*

- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

*Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%*

- Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%.

### 8.4. Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán đối với Nhà đầu tư tổ chức

- **Tổ chức trong nước:** Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

*Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất*

Trong đó:

- + Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu;
- + Thuế suất: bằng 20%.
- **Tổ chức nước ngoài:** tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

*Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất*

Trong đó:

- + Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng;
- + Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

#### 8.5. Các ưu đãi thuế mà công ty đang được áp dụng

Không có

#### 8.6. Các loại thuế khác

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

Quyết toán thuế chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.





## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

## 1. Tổ chức tư vấn:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính : 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại : 19006446 Fax: (024) 3773 9058

CN TP. HCM : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 19006446 Fax: (028) 6291 0607

Website : [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

## 2. Tổ chức kiểm toán:



## CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Trụ sở chính : 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3820 5944 – 3820 5947 Fax: (028) 3820 5942

Website : [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)

## VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021, năm 2022 và Báo cáo tài chính quý I năm 2023;
4. **Phụ lục IV:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;
5. **Các phụ lục khác**

Người chịu trách nhiệm nội dung Bản cáo bạch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2023

**TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN THỊ NHUNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**DƯƠNG THỊ THỦY HƯƠNG**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN**

**NGUYỄN THỊ MINH SÁU**

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

**HUỖNH THANH TÂM**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CHI NHÁNH TP. HCM**

**GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**



**ĐÌNH QUANG THUẬN**

12270531-C  
SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
TP. HỒ CHÍ MINH





**SAO Y BẢN CHÍNH**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG NĂM 2021**

Thông qua các báo cáo và tờ trình tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên  
Chủ tịch HĐQT  
lần thứ 20 năm 2021)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

*Nguyễn Tài Chảo*

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Sơn Á Đông đã được ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 19 thông qua ngày 20/06/2020;
- Căn cứ các kết quả biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị Công ty về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.

Trong đó : - Tổng doanh thu năm 2020 : 572.338.787.422 đ  
- Lợi nhuận trước thuế : 98.106.186.220 đ  
- Lợi nhuận sau thuế : 78.398.729.204 đ (\*)  
(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 2.** Thông qua Đề án Kế hoạch SX-KD năm 2021:

Trong đó : - Tổng doanh thu theo kế hoạch năm 2021 : 595.000.000.000đ  
- Lợi nhuận trước thuế : 70.000.000.000đ  
- Lợi nhuận sau thuế : 56.000.000.000đ  
(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2020 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).  
(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).  
(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

**Điều 5.** Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 bao gồm:
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 chuyển sang: 9.000.000.000đ
  - Lợi nhuận sau thuế năm 2020: 78.398.729.204đ
  - Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS): 5.104đ
  - \* Lợi nhuận sau thuế được phân phối: 87.398.729.204đ

Trong đó:

- Chi trả cổ tức năm 2020 (30%/VĐL) : 46.079.742.000đ
- Chi đợt 1/2020 ( ngày 24/07/2020): 15.359.914.000đ (Tỷ lệ 10%/VĐL )
- Chi đợt 2/2020 ( ngày 19/10/2020): 7.679.957.000đ (Tỷ lệ 5%/VĐL )
- Chi đợt 3/2020 ( ngày 18/12/2020): 7.679.957.000đ (Tỷ lệ 5%/VĐL )
- Chi đợt 4/2020 ( ngày 02/04/2021): 15.359.914.000đ (Tỷ lệ 10%/VĐL )



- Lập quỹ Quỹ đầu tư phát triển: Không lập quỹ vì dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành cổ phiếu thưởng năm 2021 cho cổ đông hiện hữu.

- Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau: 41.318.987.204đ

## 2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021:

Kế hoạch tài chính năm 2021 của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông như sau:

- Doanh thu:	595.000.000.000đ
- Chi phí:	525.000.000.000đ
- Lợi nhuận trước thuế:	70.000.000.000đ
- Lợi nhuận sau thuế:	56.000.000.000đ
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS):	2.430đ

+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu: 12%/VDL

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

## Điều 6. Thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu thưởng năm 2021 như sau:

### 1. Phương án phát hành:

- Tên chứng khoán : Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu thưởng
- Tỷ lệ phát hành : 2:1 tương đương 50 % vốn điều lệ
- Khối lượng phát hành : 7.679.957 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành : 76.799.570.000 đồng
- Nguồn vốn hợp pháp để thực hiện: Nguồn vốn tích lũy trước ngày 31/12/2020 (Số liệu đã được kiểm toán)
- Thời gian phát hành : Quý 2 năm 2021
- Đối tượng phân phối : Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Cổ đông có tên tại ngày chốt danh sách cuối cùng sẽ được nhận cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 2:1 (tương đương 50 % vốn điều lệ); cứ mỗi cổ đông đang sở hữu 02 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách sẽ được quyền nhận thêm 01 cổ phiếu thưởng, số cổ phiếu mà cổ đông nhận được làm tròn số đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ được hủy bỏ

- Thời gian phân phối cổ phiếu : Ngay sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN
- Các hạn chế liên quan : Cổ phiếu phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng

### 2. Mục đích phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ :

Tái cơ cấu lại nguồn vốn để tăng vốn điều lệ từ **153.599.140.000 đồng** (Một trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng) lên **230.398.710.000 đồng** (Hai trăm ba mươi tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm mười ngàn đồng) nhằm phù hợp với quy mô phát triển của Công ty trong thời gian tới.

### 3. Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung chứng khoán :

Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo phương án nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sàn UPCOM sau khi kết thúc đợt phát hành.

### 4. Sửa đổi điều lệ Công ty để ghi nhận vốn mới của Công ty và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh :

Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (Quy định về vốn và số cổ phần đang lưu hành) dựa vào số cổ phần phát hành để trả cổ tức.

5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị :

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành sao có lợi nhất cho Công ty và Cổ đông.
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phương án phát hành như trên.
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM sau khi có báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.
- Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết chứng khoán sau khi kết thúc đợt phát hành
- Các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành.

*(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)*

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình về tiền thù lao HĐQT & BKS và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

**I. Tiền thù lao Hội Đồng Quản trị & Ban kiểm soát năm 2020:**

1. Thù lao Hội đồng Quản trị:	72.500.000 đồng/tháng (07 người)
Trong đó:	
- Chủ tịch:	14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch:	11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác:	9.500.000 đồng/tháng
2. Thù lao Ban kiểm soát:	18.500.000 đồng/tháng (03 người)
Trong đó:	
- Trưởng ban:	7.500.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác:	5.500.000 đồng/tháng
Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKS năm 2020 là:	1.092.000.000 đồng (Một tỷ chín mươi hai triệu đồng chẵn).

**II. Tiền thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2020:**

Với số tiền thưởng 2% lợi nhuận sau thuế sau hoàn thành kế hoạch:

1. Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2020:	48.000.000.000 đồng
2. Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020:	78.398.729.204 đồng
3. Phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch:	30.398.729.204 đồng

- Thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2020:

$$78.398.729.204đ \times 2\% = 1.568.000.000 \text{ đồng (làm tròn)}$$

- Thưởng vượt kế hoạch năm 2020:

$$30.398.729.204đ \times 2\% = 608.000.000 \text{ đồng (làm tròn)}$$

- Tổng cộng tiền thưởng hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020:

$$1.568.000.000đ + 608.000.000đ = 2.176.000.000 \text{ đồng}$$

*( Hai tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn)*

**III. Tiền thù lao Hội Đồng Quản trị & Ban kiểm soát và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2021:**

1. Thù lao Hội đồng Quản trị :	72.500.000 đồng/tháng (07 người)
Trong đó:	
- Chủ tịch:	14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch:	11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác:	9.500.000 đồng/tháng
2. Thù lao Ban kiểm soát:	18.500.000 đồng/tháng (03 người)
- Trưởng ban:	7.500.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác:	5.500.000 đồng/tháng
Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKS năm 2021 là:	1.092.000.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn).



3. Tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh: Với số tiền thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, và nếu vượt kế hoạch sẽ được thưởng bổ sung 3% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

*(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết).*

**Điều 08.** Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2021. Chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

*(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)*

**Điều 09.** Thông qua Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán UPCOM sang niêm yết cổ phiếu tại sàn chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sơn Á Đông kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chuyển sàn giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Sơn Á Đông (Mã chứng khoán : ADP) từ sàn đăng ký giao dịch UPCOM sang niêm yết tại Sàn giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh(HOSE), cụ thể như sau :

- Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu ADP tại UPCOM và chuyển sang đăng ký niêm yết Sàn giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)
- Mã chứng khoán : ADP
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết : Bằng tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chứng khoán được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận tại thời điểm đăng ký niêm yết *(Đã bao gồm số cổ phiếu thưởng phát hành cho cổ đông hiện hữu năm 2021).*
- Thời điểm dự kiến nộp hồ sơ đăng ký niêm yết : Sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị :
  - + Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan để thực hiện chuyển sàn giao dịch
  - + Lựa chọn thời điểm triển khai thực hiện chuyển sàn phù hợp
  - + Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan

*(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)*

**Điều 10.** Nghị quyết này được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên lần thứ 20 của Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2021.

- Nơi nhận :
- Cổ đông Công ty
  - HĐQT – BKS.
  - Ban TGD
  - Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 20 - NĂM 2021**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Địa chỉ trụ sở chính: 1387 Bến Bình Đông – Phường 15 – Quận 8 – TPHCM

Số giấy CNĐKDN: 0302066222, (đăng ký thay đổi lại lần thứ 8)

Ngày cấp giấy CNĐKDN: 16-11-2020

Nơi đăng ký: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM

◇ Thời gian – địa điểm : 09h15 ngày 20 tháng 04 năm 2021 tại Hội trường Nhà máy Công ty Cổ phần Sơn Á Đông - KCN Hải Sơn, Ấp Bình Tiến 2, xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

**A. Thành phần tham dự :**

Tất cả cổ đông của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông được quyền tham dự theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

**B. Nội dung :**

Xem xét, thảo luận và biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

Sau phần nghi thức khai mạc. Thay mặt Ban tổ chức, Ông Phan Hoàng Bảo tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời, đồng thời thông qua biên bản của Ban kiểm tra tư cách cổ đông như sau :

Tổng số cổ đông nắm giữ **12.393.652 cổ phần**, bao gồm sở hữu cá nhân và được ủy quyền, chiếm tỷ lệ **82,93%**. (Lúc 09.15h tại thời điểm khai mạc Đại Hội, căn cứ biên bản của Ban kiểm tra tư cách cổ đông)

*(Danh sách cổ đông tham dự Đại hội đính kèm)*

Căn cứ vào khoản 1 điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông “ Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm ( 51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết”.

Ban tổ chức tuyên bố ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đủ điều kiện tiến hành.

■ **Chủ tọa đoàn của Đại hội bao gồm:**

- |                        |                        |             |
|------------------------|------------------------|-------------|
| 1. Ông Nguyễn Tài Thảo | – Chủ tịch HĐQT        | Chủ tọa     |
| 2. Bà Nguyễn Thị Nhung | – Phó Chủ Tịch HĐQT -  | Thành viên  |
| 3. Bà Nguyễn Thị Cần   | – Trưởng ban Kiểm soát | Thành viên. |

Chủ tọa đoàn đề cử Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu và được Đại hội thông qua với thành phần như sau:

■ **Thư ký đoàn :**

- |                        |                 |
|------------------------|-----------------|
| 1. Ông Huỳnh Thanh Tâm | Thư ký Công ty  |
| 2. Bà Phạm Thị Như Ý   | Thành viên HĐQT |





▪ **Ban kiểm phiếu :**

- |                        |            |
|------------------------|------------|
| 1. Phan Hoàng Bảo      | Trưởng Ban |
| 2. Nguyễn Thị Cẩm Loan | Thành viên |
| 3. Nguyễn Thục Thanh   | Thành viên |

❖ **TRÌNH BÀY NỘI DUNG – THẢO LUẬN.**

**I. Trình bày nội dung:**

**1. Ông Trần Hữu Trí** – Thành viên HĐQT thay mặt Chủ tọa đoàn báo cáo:

- Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động & kết quả SX – KD năm 2020 (*Tài liệu đính kèm*).

- Đề án Kế hoạch SX-KD năm 2021 (*Tài liệu đính kèm*).

**2. Bà Nguyễn Thị Cẩm** – Trưởng Ban kiểm soát (BKS):

- Đọc Báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2020 (*Tài liệu đính kèm*).

**3. Ông Lê Đình Quang** - Thành viên HĐQT thay mặt Chủ tọa đoàn đọc:

- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 (*Tài liệu đính kèm*);

- Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu thưởng năm 2021 (*Tài liệu đính kèm*);

- Tờ trình về tiến thù lao HĐQT & BKS và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. (*Tài liệu đính kèm*);

- Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2021.

(*Tài liệu đính kèm*);

- Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán UPCOM sang niêm yết cổ phiếu tại sàn chứng khoán TP HCM ( HOSE) (*Tài liệu đính kèm*).

**II. Phân phát biểu, đóng góp ý kiến của cổ đông và trả lời của Chủ Tọa đoàn (thảo luận):**

**1. Phát biểu đóng góp ý kiến của cổ đông và trả lời của Chủ tọa đoàn:**

- Không có

**III. Phân biểu quyết các báo cáo và tờ trình:**

Ông Phan Hoàng Bảo Trưởng ban kiểm phiếu phổ biến thể thức ghi thể biểu quyết, để biểu quyết 8 vấn đề theo nội dung được nêu tại thể biểu quyết và được các cổ đông bỏ phiếu kín.

(Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết – Nghỉ giải lao – Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết)

❖ **Kết quả biểu quyết:**

Công bố kết quả biểu quyết: Vào lúc 11h 00, **Tổng cộng 12.710.515. CP trên 15.359.914CP có mặt tại thời điểm biểu quyết chiếm tỷ lệ 82.75%.**

*Cổ đông đồng ý thông qua các nội dung sau:*

*(Đính kèm biên bản kiểm phiếu)*

**1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.**

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết).





**2. Đề án kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2021.**

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**3. Báo cáo kiểm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2020.**

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**4. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.**

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**5. Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu thưởng năm 2021.**

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**6. Tờ trình về tiền thù lao HĐQT & BKS và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.**

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**7. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2021, chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.**

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**8. Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán UPCOM sang niêm yết cổ phiếu tại sàn chứng khoán TP HCM ( HOSE)**

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

- Ông Nguyễn Tài Thảo – đại diện Chủ tọa đoàn xin ý kiến Đại hội về Báo cáo tài chính năm 2020 đã được điểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán phía Nam (AASCs).

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**C. Phần thông qua dự thảo Nghị quyết Đại Hội:**

Ông Huỳnh Thanh Tâm, thay mặt Thư ký đoàn đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết trước Đại Hội và đã được Đại Hội Đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Đại Hội kết thúc và bế mạc lúc 11h45p cùng ngày./

Thư ký đoàn

Huỳnh Thanh Tâm

Phạm Thị Như Ý

TM. ĐHQH & TCTP Sơn Á Đông



Nguyễn Tài Thảo



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH

### **Chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCOM sang niêm yết cổ phiếu tại sàn chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)**

#### **Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được quốc hội thông qua vào ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 có sửa đổi được quốc hội thông qua ngày 26/11/2019
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán
- Căn cứ quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán ban hành kèm theo quyết định số 04/QĐ-VSD ngày 02/01/2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- Căn cứ quyết định số 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/03/2018 về việc ban hành quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông sửa đổi lần thứ 11 được ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 12 thông qua ngày 20/06/2020
- Căn cứ nghị quyết số 001/NQ-HĐQT của Hội Đồng Quản Trị ngày 21/01/2021
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sơn Á Đông kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chuyển sàn giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Sơn Á Đông (Mã chứng khoán : ADP) từ sàn đăng ký giao dịch UPCOM sang niêm yết tại sàn giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh(HOSE), cụ thể như sau :

- Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu ADP tại UPCOM và chuyển sang đăng ký niêm yết tại sàn giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh(HOSE)
- Mã chứng khoán : ADP
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết : Bằng tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chứng khoán được Trung tâm lưu ký Việt Nam cấp giấy chứng nhận tại thời điểm đăng ký niêm yết (Đã bao gồm số cổ phiếu thường phát hành cho cổ đông hiện hữu năm 2021)

- Thời điểm dự kiến nộp hồ sơ đăng ký niêm yết : Sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị :
- Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan để thực hiện chuyển sàn giao dịch
- Lựa chọn thời điểm triển khai thực hiện chuyển sàn phù hợp
- Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt .

Hội đồng quản trị  
Chủ tịch  
  
Nguyễn Tài Thảo



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG NĂM 2022**

(V/v: Thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên  
lần thứ 21 năm 2022)



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông đã được sửa đổi, bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2022 thông qua ngày 22/04/2022;  
- Căn cứ các kết quả biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 22 tháng 04 năm 2022.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị Công ty về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và giai đoạn 2017-2021 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm) .

Trong đó : - Tổng doanh thu năm 2021 : 414.641.967.106 đ  
- Lợi nhuận trước thuế : 62.105.545.548 đ  
- Lợi nhuận sau thuế : 49.583.636.438 đ

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 2.** Thông qua Đề án Kế hoạch SX-KD năm 2022 và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022-2026 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm)

Trong đó : - Tổng doanh thu theo kế hoạch năm 2022 : 550.000.000.000đ  
- Lợi nhuận trước thuế : 60.000.000.000đ  
- Lợi nhuận sau thuế : 48.000.000.000đ

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2021 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm) .

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

**Điều 5.** Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 chuyển sang: 22.659.278.531đ  
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021: 49.583.636.438đ  
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS): 2.575đ  
\* Lợi nhuận sau thuế được phân phối: 72.242.914.969đ

Trong đó:

- Chi trả cổ tức năm 2021 là 18.66%/VĐL : 43.007.734.000đ  
Chi đợt 1/2021 ( ngày 16/06/2021): 15.359.914.000đ (Tỷ lệ 06.66%/VĐL )  
Chi đợt 2/2021 ( ngày 03/12/2021): 9.215.940.000đ (Tỷ lệ 04.00%/VĐL )  
Chi đợt 3/2021 ( ngày 20/04/2021): 18.431.880.000đ (Tỷ lệ 08.00%/VĐL )



- Lập quỹ Quỹ đầu tư phát triển: 7.235.180.969đ tương đương 14,59% (\*)
- Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau: 22.000.000.000đ

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022:

Kế hoạch tài chính năm 2022 của CTCP Sơn Á Đông như sau:

- Doanh thu: 550.000.000.000đ
- Chi phí: 490.000.000.000đ
- Lợi nhuận trước thuế: 60.000.000.000đ
- Lợi nhuận sau thuế: 48.000.000.000đ
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS): 2.083đ

+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu: 12%/VĐL

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình về tiền thù lao HĐQT & BKS và tiền thưởng cho HĐQT, Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

I. Tiền thù lao Hội Đồng Quản trị & Ban kiểm soát năm 2021:

1. Thù lao Hội đồng Quản trị: 72.500.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch: 14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch: 11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác: 9.500.000 đồng/tháng

2. Thù lao Ban kiểm soát: 18.500.000 đồng/tháng (03 người)

Trong đó:

- Trưởng ban: 7.500.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác: 5.500.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKS năm 2021 là: 1.092.000.000 đồng (Một tỷ chín mươi hai triệu đồng chẵn)

II. Tiền thù lao Hội Đồng Quản trị và tiền thưởng cho HĐQT, Ban điều hành hoàn thành kế hoạch năm 2022:

1. Thù lao Hội đồng Quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch: 14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch: 11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác: 9.500.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT năm 2022 là: 870.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

2. Tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh: Với số tiền thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, và nếu vượt kế hoạch sẽ được thưởng bổ sung 3% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm) .

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 8.** Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2022. Chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

2066  
 VG T  
 PHÂN  
 ĐN  
 ÔNG  
 TỔ CHỈ



**Điều 9.** Thông qua Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026  
(Danh sách trúng cử và biên bản kiểm phiếu đính kèm)

Thành phần Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026 gồm 7 người, theo danh sách như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung	Tỷ lệ: 146,86%	
2. Ông Trần Bửu Trí	Tỷ lệ: 110,86%	
3. Ông Lê Đình Quang	Tỷ lệ: 102,08%	
4. Ông Võ Hồng Hà	Tỷ lệ: 84,17%	
5. Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Tỷ lệ: 76,43%	Trúng cử thành viên HĐQT độc lập
6. Ông Tống Trường Thịnh	Tỷ lệ: 68,26%	Trúng cử thành viên HĐQT độc lập
7. Bà Võ Thị Bích Ngọc	Tỷ lệ: 64,76%	

**Điều 10:** Thông qua việc tiếp tục triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu ADP tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); Giao và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn thiện hồ sơ và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch tại sàn Chứng khoán UPCOM sang đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 10.** Nghị quyết này được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên lần thứ 21 năm 2022 Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2022.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG



Nguyễn Tài Thảo

Nơi nhận :

- Cổ đông Công ty
- HĐQT
- Ban TGD
- Lưu.

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 21 - NĂM 2022**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Địa chỉ trụ sở chính: 1387 Bến Bình Đông – Phường 15 – Quận 8 – TPHCM

Số giấy CNĐKDN: 0302066222, (đăng ký thay đổi lại lần thứ 9)

Ngày cấp giấy CNĐKDN: 06-08-2021

Nơi đăng ký: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM

◇**Thời gian – địa điểm** : 08h15 ngày 22 tháng 04 năm 2022 tại Hội trường Nhà máy Công ty Cổ phần Sơn Á Đông - KCN Hải Sơn, Ấp Bình Tiến 2, xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

**A. Thành phần tham dự :**

Tất cả cổ đông của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông được quyền tham dự theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

**B. Nội dung cuộc họp:**

- Xem xét, thảo luận và biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.
- Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026.

**\* Nội dung chi tiết cuộc họp:**

Sau phần nghi thức khai mạc. Thay mặt Ban tổ chức, Ông Phan Hoàng Bảo tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời, đồng thời thông qua biên bản của Ban kiểm tra tư cách cổ đông như sau :

Tổng số cổ đông nắm giữ **22.401.353 cổ phần**, bao gồm sở hữu cá nhân và được ủy quyền, chiếm tỷ lệ **97,23%**. (Lúc 08.15h tại thời điểm khai mạc Đại Hội, căn cứ biên bản của Ban kiểm tra tư cách cổ đông)

*(Danh sách cổ đông tham dự Đại hội đính kèm)*

Căn cứ vào khoản 1 điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông “ *Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm ( 51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết*”. Ban tổ chức tuyên bố ĐHCĐ thường niên năm 2022 đủ điều kiện tiến hành.

**■ Chủ tọa đoàn của Đại hội bao gồm:**

- |                        |                        |             |
|------------------------|------------------------|-------------|
| 1. Ông Nguyễn Tài Thảo | – Chủ tịch HĐQT        | Chủ tọa     |
| 2. Bà Nguyễn Thị Nhung | – Phó Chủ Tịch HĐQT    | Thành viên  |
| 3. Bà Nguyễn Thị Cần   | – Trưởng ban Kiểm soát | Thành viên. |

Chủ tọa đoàn đề cử Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu và được Đại hội thông qua với thành phần như sau:

**■ Thư ký đoàn :**

- |                        |                 |
|------------------------|-----------------|
| 1. Ông Huỳnh Thanh Tâm | Thư ký Công ty  |
| 2. Bà Phạm Thị Như Ý   | Thành viên HĐQT |



6  
G  
H  
J  
K  
L  
M  
N  
O  
P  
Q  
R  
S  
T  
U  
V  
W  
X  
Y  
Z



## ■ Ban kiểm phiếu :

- |                           |            |
|---------------------------|------------|
| 1. Ông Phan Hoàng Bảo     | Trưởng Ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan | Thành viên |
| 3. Ông Trương Văn Thọ     | Thành viên |
| 4. Bà Đỗ Thị Thanh Thảo   | Thành viên |
| 5. Bà Nguyễn Thục Thanh   | Thành viên |

## I. Trình bày nội dung các Báo cáo và Tờ trình Đại hội:

### **1. Ông Trần Bửu Trí** – Thành viên HĐQT thay mặt Chủ tọa đoàn báo cáo:

- Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động & kết quả SX – KD năm 2021 và kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2017-2021 (*Tài liệu đính kèm*).

- Đề án Kế hoạch SX-KD năm 2022 và Định hướng phát triển kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026 (*Tài liệu đính kèm*).

### **2. Bà Nguyễn Thị Cần** – Trưởng Ban kiểm soát (BKS):

- Đọc Báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2021.

(*Tài liệu đính kèm*).

### **3. Ông Lê Đình Quang** - Thành viên HĐQT thay mặt Chủ tọa đoàn đọc:

- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 (*Tài liệu đính kèm*);

- Tờ trình về tiền thù lao HĐQT & BKS và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. (*Tài liệu đính kèm*);

- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT; Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán theo Luật doanh nghiệp 2020. (*Tài liệu đính kèm*)

- Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2022.

(*Tài liệu đính kèm*)

## II. Phần bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026:

Ông Phan Hoàng Bảo Trưởng ban kiểm phiếu phổ biến phương thức bầu cử theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026 đã gửi trước cho cổ đông và sau đó tiến hành bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026.

(Cổ đông bỏ phiếu bầu cử thành viên HĐQT – Ban kiểm phiếu kiểm phiếu bầu cử).

## III. Phần phát biểu, đóng góp ý kiến của cổ đông và trả lời của Chủ Tọa đoàn (thảo luận):

### 1. Phát biểu đóng góp ý kiến của cổ đông và trả lời của Chủ tọa đoàn:

- Cổ đông Phạm Hiệp: Năm 2022 là một năm chưa tiên đoán được những vấn đề về kinh tế, lại thay đổi cách làm việc của HĐQT và không còn BKS và chuyển sang UBKT nội bộ nên sẽ phát sinh rất nhiều vấn đề, đòi hỏi sự đoàn kết nhất trí trong BTGD và HĐQT, phải có thống nhất trong việc đề ra các chủ trương của công ty. Còn các vấn đề khác đều đã khá ổn định.

- Cổ đông Nguyễn Nhật Huy: Tôi rất là vinh dự được tham gia ĐHĐCĐ năm nay, do bận công việc nên các lần trước tôi không tham gia, nhưng tôi không có ý kiến gì hết.



- Ông Lê Đình Quang – UV HĐQT: Xin trả lời cổ đông Phạm Hiệp - Hiện nay cty SAD là cty đại chúng, cần phải tuân thủ theo Luật và các quy định về chứng khoán của UBCKNN đưa ra. Xét thấy, vì bắt buộc phải có 1/3 TVHĐQT không được phép điều hành (trong khi AD đa phần là kiêm nhiệm, nên hiện nay Luật bắt buộc 1/3 không còn điều hành). Việc thay đổi mô hình là tái sắp xếp, tạo điều kiện cho các thành viên không điều hành tham gia vào UBKT để nắm tình hình hoạt động của cty. Công ty ghi nhận những đóng góp của BKS trong 22 năm qua, nhưng thay đổi hiện nay giúp cho bộ máy công ty gọn nhẹ hơn.

- Cổ đông Phạm Hiệp: Cty luôn làm đúng theo pháp luật, nhưng ý tôi muốn nói pháp luật được hiểu theo khía cạnh nào, nên sẽ có sự tranh luận, mất sự đoàn kết. Năm nay là năm đầu tiên thực hiện Điều lệ mới, sẽ gặp nhiều khó khăn trong mối quan hệ với lãnh đạo. Bên cạnh đó, việc tìm ra nguồn nguyên liệu cho sản xuất cũng không hề dễ dàng, nên cần có sự đoàn kết, thống nhất để công việc sẽ tốt hơn lên.

#### **IV. Phần biểu quyết các báo cáo và tờ trình:**

Ông Phan Hoàng Bảo Trưởng ban kiểm phiếu phổ biến thể thức ghi thể biểu quyết, để biểu quyết 9 vấn đề theo nội dung được nêu tại thể biểu quyết và được các cổ đông bỏ phiếu kín.

(Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết – Nghỉ giải lao – Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết)

#### **V. Kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026**

##### **\* Kết quả biểu quyết các báo cáo và Tờ trình:**

Công bố kết quả biểu quyết: Vào lúc 10h45 **Tổng cộng 21.228.567CP trên 21.228.567 CP có mặt tại thời điểm biểu quyết chiếm tỷ lệ 100%.**

*Cổ đông đồng ý thông qua các nội dung sau:  
(Đính kèm biên bản kiểm phiếu)*

- 1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và thực hiện giai đoạn 2017-2021.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 2. Đề án kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2022.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 3. Định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2022-2026.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 4. Báo cáo tài chính năm 2021 ( đã được kiểm toán).**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 5. Báo cáo kiểm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2021 và nhiệm kỳ 2017-2021.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 6. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)



7. Tờ trình về tiền thù lao HĐQT & BKS và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

8. Tờ trình về việc chuyển sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT; Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

9. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2022, chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

(Đại hội đồng ý với tỉ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

- Ông Lê Đình Quang – Ủy viên HĐQT báo cáo việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán UPCOM, sang niêm yết cổ phiếu tại sàn chứng khoán TP HCM ( HOSE) hiện tại chưa hoàn thành, vì lý do chưa hoàn thiện các hồ sơ như: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT.

- Ông Nguyễn Tài Thảo – đại diện Chủ tọa đoàn xin ý kiến Đại hội về việc tiếp tục triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu ADP tại sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ( HOSE); Giao và Ủy Quyền cho HĐQT hoàn thiện hồ sơ và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch tại sàn Chứng khoán UPCOM sang đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu tại SGD Chứng khoán TP HCM( HOSE).

(100 % cổ đông có mặt tại ĐH biểu quyết chấp thuận ý kiến như trên )

**\*\* Kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026:**

Ông Phan Hoàng Bảo đọc *Biên bản kiểm phiếu kết quả bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026*, kết quả đắc cử gồm các thành viên cụ thể theo danh sách sau:

(biên bản kiểm phiếu đính kèm)

**Thành phần Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026:** ( 7 người tính trên số phiếu bầu từ cao đến thấp)

1.	Nguyễn Thị Nhung	Tỷ lệ	146,86%
2.	Trần Bửu Trí	Tỷ lệ	110,58%
3.	Lê Đình Quang	Tỷ lệ	102,08%
4.	Võ Hồng Hà	Tỷ lệ	84,17%
5.	Nguyễn Thị Minh Sáu	Tỷ lệ	76,43% Trúng cử Thành viên HĐQT độc lập
6.	Tống Trường Thịnh	Tỷ lệ	68,26% Trúng cử Thành viên HĐQT độc lập
7.	Võ Thị Bích Ngọc	Tỷ lệ	64,76%


**C. Phần thông qua dự thảo Nghị quyết Đại Hội:**

Ông Huỳnh Thanh Tâm, thay mặt Thư ký đoàn đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết trước Đại Hội và đã được Đại Hội Đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Đại Hội kết thúc và bế mạc lúc 11h45 cùng ngày./

Thư ký đoàn

Huỳnh Thanh Tâm 

Phạm Thị Như Ý 

TM. ĐHQH-SCTCP Sơn Á Đông



Nguyễn Tài Thảo







**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**  
1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (028) 38552689 - Fax: (028) 38555092  
Website: [www.adongpaint.com.vn](http://www.adongpaint.com.vn); Email: [info@adongpaint.com.vn](mailto:info@adongpaint.com.vn)  
**ISO 9001:2015**

Số: 11/TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2022

## **TỜ TRÌNH**

**“Về việc Tiếp tục triển khai đăng ký niêm yết tại  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)”**

**Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Sơn Á Đông**

### **Căn cứ:**

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sơn Á Đông;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021 thông qua việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu sang đăng ký niêm yết cổ phiếu;
- Căn cứ Công văn số 21/SGDHCM-NY ngày 06/01/2022 về việc chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua:

- Tiếp tục triển khai thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu ADP tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) sau khi kiện toàn hồ sơ đáp ứng điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.
- Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị hoàn thiện hồ sơ và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG NĂM 2023

(V/v: Thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên  
lần thứ 22 năm 2023)

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông đã được sửa đổi, bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2022 thông qua ngày 22/04/2022;
- Căn cứ các kết quả biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 22 tháng 04 năm 2023.

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị Công ty về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).

Trong đó : - Tổng doanh thu năm 2022 : 587.390.224.936 đ  
- Lợi nhuận trước thuế : 50.337.527.224 đ  
- Lợi nhuận sau thuế : 40.046.140.679 đ

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 2.** Thông qua Đề án Kế hoạch SX-KD năm 2023 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm)

Trong đó : - Tổng doanh thu theo kế hoạch năm 2023 : 500.000.000.000đ  
- Lợi nhuận trước thuế : 45.000.000.000đ  
- Lợi nhuận sau thuế : 36.000.000.000đ

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 99,99% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo-hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết).

**Điều 5.** Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 chuyển sang: 22.000.000.000đ  
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022: 40.046.140.679đ  
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS): 1.738đ  
\* Lợi nhuận sau thuế được phân phối: 62.046.140.679đ

Trong đó:

- Chi trả cổ tức năm 2022 là 17.00%/VĐL : 39.167.745.000đ  
Chi đợt 1/2022 ( ngày 20/06/2022): 11.519.925.000đ (Tỷ lệ 05.00%/VĐL )  
Chi đợt 2/2022 ( ngày 14/11/2022): 13.823.910.000đ (Tỷ lệ 06.00%/VĐL )  
Chi đợt 3/2022 ( ngày 15/03/2023): 13.823.910.000đ (Tỷ lệ 06.00%/VĐL )  
- Lập quỹ Quỹ đầu tư phát triển: Không lập quỹ.  
- Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau: 22.878.395.679đ





2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023:

Kế hoạch tài chính năm 2023 của CTCP Sơn Á Đông như sau:

- Doanh thu:	500.000.000.000đ
- Chi phí:	455.000.000.000đ
- Lợi nhuận trước thuế:	45.000.000.000đ
- Lợi nhuận sau thuế:	36.000.000.000đ
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS):	1.563đ
+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu:	20%/VDL

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình về tiền thù lao HĐQT và tiền thưởng cho HĐQT, Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

I. Tiền thù lao Hội Đồng Quản trị năm 2022:

Thù lao Hội đồng Quản trị: 71.000.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch: 14.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác: 9.500.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT năm 2022 là: 852.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn)

II. Tiền thù lao Hội Đồng Quản trị và tiền thưởng cho HĐQT, Ban điều hành hoàn thành kế hoạch năm 2023:

1. Thù lao Hội đồng Quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch: 14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch: 11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác: 9.500.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT năm 2023 là: 870.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

2. Tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh: Với số tiền thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, và nếu vượt kế hoạch sẽ được thưởng bổ sung 3% lợi nhuận sau thuế phân vượt kế hoạch.

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 100 % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 83,97 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 8.** Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2023. Chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ 89,08 % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**Điều 09.** Nghị quyết này được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên lần thứ 22 năm 2023 Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2023.

Nơi nhận :

- Cổ đông Công ty
- HĐQT, UBKT
- Ban TGD
- Lưu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG  
Chủ tọa Đại Hội



Nguyễn Thị Nhung



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 22 - NĂM 2023**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Địa chỉ trụ sở chính: 1387 Bến Bình Đông – Phường 15 – Quận 8 – TPHCM

Số giấy CNĐKDN: 0302066222, (đăng ký thay đổi lại lần thứ 10).

Ngày cấp giấy CNĐKDN: 18-05-2022

Nơi đăng ký: Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM

◇ Thời gian – địa điểm : 09h15 ngày 22 tháng 04 năm 2023 tại Hội trường Nhà máy Công ty Cổ phần Sơn Á Đông – KCN Hải Sơn, Ấp Bình Tiến 2, xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

**A. Thành phần tham dự :**

Tất cả cổ đông của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông được quyền tham dự theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

**B. Nội dung :**

Xem xét, thảo luận và biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình tại Đại Hội .

Sau phần nghi thức khai mạc. Thay mặt Ban tổ chức, Ông Phan Hoàng Bảo tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời, đồng thời thông qua biên bản của Ban kiểm tra tư cách cổ đông như sau :

Tổng số cổ đông nắm giữ **18.506.984 cổ phần**, bao gồm sở hữu cá nhân và được ủy quyền, chiếm tỷ lệ **80,33%**. (Lúc 08.00h; tại thời điểm khai mạc Đại Hội, căn cứ biên bản của Ban kiểm tra tư cách cổ đông).

*(Danh sách cổ đông tham dự Đại hội đính kèm)*

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sơn Á Đông “ Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết”. Ban tổ chức tuyên bố ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 22 năm 2023 đủ điều kiện tiến hành.

■ **Chủ tọa đoàn của Đại hội bao gồm:**

- |                           |                       |             |
|---------------------------|-----------------------|-------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Nhung    | – Chủ tịch HĐQT       | Chủ tọa     |
| 2. Ông Trần Bửu Trí       | – Phó Chủ Tịch HĐQT   | Thành viên  |
| 3. Bà Nguyễn Thị Minh Sáu | – CT Ủy ban kiểm toán | Thành viên. |

Chủ tọa đoàn đề cử Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu và được Đại hội thông qua với thành phần như sau:

■ **Thư ký đoàn :**

1. Ông Huỳnh Thanh Tâm - Thư ký Công ty
2. Ông Ngô Lương Trọng Hiếu - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ



■ Ban kiểm phiếu :

- |                           |             |
|---------------------------|-------------|
| 1. Ông Phan Hoàng Bảo     | Trưởng Ban  |
| 2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan | Thành viên  |
| 3. Bà Đỗ Thị Thanh Thảo   | Thành viên  |
| 4. Bà Nguyễn Thục Thanh   | Thành viên  |
| 5. Bà Lâm Nhã Uyên        | Thành viên. |

❖ TRÌNH BÀY NỘI DUNG – THẢO LUẬN.

I. Trình bày nội dung:

1. Ông Trần Hữu Trí – Phó Chủ tịch HĐQT thay mặt Chủ tọa đoàn báo cáo:

- Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động & kết quả SX – KD năm 2022 (Tài liệu đính kèm).

- Đề án Kế hoạch SX-KD năm 2023 (Tài liệu đính kèm).

2. Bà Nguyễn Thị Minh Sáu – Thành viên HĐQT độc lập báo cáo:

- Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập trong UBKT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

(Tài liệu đính kèm).

3. Ông Lê Đình Quang - Thành viên HĐQT thay mặt Chủ tọa đoàn đọc:

- Tờ trình Đại hội Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

(Tài liệu đính kèm);

- Tờ trình về tiền thù lao HĐQT và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

( Tài liệu đính kèm);

- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

(Tài liệu đính kèm);

4. Bà Nguyễn Thị Minh Sáu – Thành viên HĐQT độc lập đọc:

- Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2023.

(Tài liệu đính kèm)

**II. Phần phát biểu, đóng góp ý kiến của cổ đông và trả lời của Chủ Tọa đoàn (thảo luận):**

**1. Phát biểu đóng góp ý kiến của cổ đông và trả lời của Chủ tọa Đoàn:**

- Cổ đông Dương Thị Thùy Hương: ý kiến phản ánh về các mối quan hệ trong điều hành hàng ngày tại Công ty trong thời gian qua ( có bản phản ánh gửi đến Đại hội ).

- Ông Trí : Thay mặt Chủ tọa đoàn ghi nhận ý kiến của Bà Hương và sẽ xem xét lại việc này.

- Cổ đông Nguyễn Thị Cần: Qua tài liệu báo cáo năm 2022, Tôi thấy đáng mừng trong bối cảnh khó khăn hiện nay, điều đó cho thấy chúng ta đã cùng nhau vượt qua khó khăn để có kết quả như vậy.

Cho Tôi hỏi là việc chuyển sản giao dịch từ sản UPCOM sang sản HOSE hiện nay đã thực hiện đến đâu rồi!

Trên báo cáo Tài chính có khoản gửi tiết kiệm 140 tỷ, mà Tôi thấy Đề án kế hoạch kinh doanh năm 2023 không có mở rộng kinh doanh, theo ý kiến của Tôi thì (1) chia cổ tức cho cổ đông (2) tăng vốn điều lệ.

- Ông Quang – Thành viên HĐQT(TVHĐQT): Thay mặt cho HĐQT Tôi xin trả lời ý kiến của cổ đông Nguyễn Thị Cần



Về việc chuyển sàn giao dịch từ sàn UPCOM sang sàn HOSE, trong quá trình làm hồ sơ để chuyển sang sàn HOSE đang bị vướng mắc ở chỗ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty chưa thay đổi, hồ sơ chưa đủ do chỗ Ban điều hành liên quan đến Thành viên HĐQT. Sau Đại hội này sẽ tiếp tục triển khai và sẽ nhanh chóng hoàn tất.

Về khoảng gọi tiết kiệm 140 tỷ, số tiền này là do mình tích lũy trước đây từ việc chia cổ phiếu thưởng, quá trình đầu tư Nhà máy khấu hao, quản lý tồn kho, quản lý công nợ.

- Cổ đông Phạm Hiệp: Vấn đề điều hành của Công ty làm việc rất đầy đủ, báo cáo rất rõ ràng. Tôi tin tưởng toàn bộ lãnh đạo của chúng ta.

- Cổ đông Nguyễn Thị Cẩm Lệ: Theo báo cáo thì Tôi thấy tiền nhàn rỗi, Tôi cũng đồng ý với ý kiến là nên chia cổ tức cho cổ đông.

- Ông Quang: Về việc chi tạm ứng cổ tức năm 2023, HĐQT chúng tôi cũng đã bàn bạc nhiều và cũng đưa ra chủ trương là sắp tới đây lợi nhuận làm ra bao nhiêu thì chia bấy nhiêu, sẽ không tích lũy như trước đây.

- Cổ đông Nguyễn Nhật Huy: Trong năm vừa qua thì chúng ta cũng đã nghe nhiều về trực trặc của các Ngân hàng, việc gọi số tiền tiết kiệm lớn như vậy thì Ban điều hành có nghĩ tới rủi ro không?

Về việc chuyển qua sàn HOSE cho Tôi hỏi là khi nào chúng ta niêm yết? ai sẽ là người chịu trách nhiệm việc này? Và ai sẽ là người giải trình.

- Ô. Quang: Về thủ tục lên sàn HOSE chỉ còn thiếu đăng ký kinh doanh, do liên quan đến Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, và sau Đại hội sẽ thông qua việc sửa đổi Điều lệ chắc chắn sẽ hoàn tất.

Còn về việc lựa chọn Ngân hàng để gọi Tiết kiệm, Ban điều hành của chúng tôi cũng đã cân nhắc rất kỹ cho việc này, chúng tôi chọn ngân hàng Sacombank vì hiện nay Ngân hàng này rất uy tín và được niêm yết trên sàn HOSE, nên Quý cổ đông an tâm về việc này.

- Cổ đông Nguyễn Nhật Huy: Tôi đề nghị giải thích về số tiền gọi tiết kiệm 140 tỷ và mức chi cổ tức tối thiểu năm 2023 Tôi đề nghị phải hơn 12%.

- Bà Sáu – Thành viên HĐQT độc lập: Việc giải trình số tiền tiết kiệm 140 tỷ thì sau cuộc họp này UBKT sẽ làm rõ ràng và sẽ giải trình khi có yêu cầu.

- Ông Trí: Tôi đề nghị mức chi cổ tức là chi hết không giữ lại.

- Ông Quang: Tôi đề nghị mức chi cổ tức tối thiểu năm 2023 là 20%/ vốn góp.

- Ông Trí: Đề nghị ĐHĐCĐ cho ý kiến biểu quyết về việc sửa đổi lại mức chi cổ tức tối thiểu năm 2023 là 20%/ vốn góp.

Căn cứ vào kết quả biểu quyết, 100% cổ đông tham dự đồng ý với ý kiến trên.

### **III. Phần biểu quyết các báo cáo và tờ trình:**

Ông Phan Hoàng Bảo Trưởng ban kiểm phiếu phổ biến thể thức ghi thẻ biểu quyết, để biểu quyết 8 vấn đề theo nội dung được nêu tại thẻ biểu quyết và được các cổ đông bỏ phiếu kín.

(Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết – Nghỉ giải lao – Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết)

0662  
IG TY  
HÀM  
IN  
NG  
6 CH



❖ **Kết quả biểu quyết:**

Công bố kết quả biểu quyết: Vào lúc 11h55, **Tổng cộng 19.418.257 CP trên 23.039.850CP có mặt tại thời điểm biểu quyết chiếm tỷ lệ 84,28%.**

*Cổ đông đồng ý thông qua các nội dung sau:*

*(Đính kèm biên bản kiểm phiếu)*

- 1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết).
- 2. Đề án kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2023.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 99,99% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 3. Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập trong UBKT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán .**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 5. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 6. Tờ trình về tiền thù lao HĐQT và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 7. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 83,97% trên tổng số cổ phần biểu quyết)
- 8. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2023, chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.**  
(Đại hội đồng ý với tỷ lệ 89,08% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

**C. Phần thông qua dự thảo Nghị quyết Đại Hội:**

Ông Huỳnh Thanh Tâm, thay mặt Thư ký đoàn đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết trước Đại Hội và đã được Đại Hội Đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Đại Hội kết thúc và bế mạc lúc 12h30p cùng ngày./

Thư ký đoàn

Huỳnh Thanh Tâm

Ngô Lương Trọng Hiếu

TM. ĐHĐCĐ CTCP Sơn Á Đông



Nguyễn Thị Nhung



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

#### I. TÌNH HÌNH – ĐẶC ĐIỂM:

Năm 2022 là một năm đầy biến động và có nhiều thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung, cũng như Việt Nam nói riêng. Nền kinh tế trong nước tuy phục hồi nhanh hơn so với thế giới nhưng nền tảng phát triển vẫn chưa bền vững do những bất ổn về kinh tế chính trị xã hội.

Theo số liệu từ Tổng Cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế năm 2022 phục hồi tích cực với tốc độ tăng GDP đạt 8,02% cao nhất trong giai đoạn 2011-2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Trên cơ sở các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng bao gồm tiêu dùng nội địa, hồi phục hoạt động sản xuất chế biến chế tạo, các hiệp định thương mại tự do và sự quay lại của dòng vốn FDI, Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu tăng trưởng cho năm 2023 khoảng 6,5%.

Năm 2022, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 của Việt Nam tăng 3,15% so với năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%).

Tỷ giá, mặt bằng lãi suất biến động rất lớn so với các năm, tuy vậy lạm phát được kiểm soát, thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng diễn biến tích cực.

Ngành công nghiệp và xây dựng đang có dấu hiệu phục hồi, làm động lực tăng trưởng cho nền kinh tế trong thời gian tới.

Với những cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, được sự chỉ đạo hợp lý và kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty, đã góp phần tác động tích cực và mang đến kết quả SXKD cũng như sự phát triển của Công ty trong năm 2022.

#### II. CÁC BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRONG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2022:

Để thực hiện kế hoạch năm 2022 Công ty đề ra các biện pháp và tổ chức thực hiện như sau:

1. Rà soát và ban hành lại chính sách bán hàng đối với hệ thống đại lý và nhà phân phối để phù hợp với tình hình hiện nay của Công ty.



2. Phân chia lại thị trường khu vực tiêu thụ sản phẩm cho hệ thống đại lý và nhà phân phối nhằm khắc phục tình trạng mua bán chồng lấn phá giá lẫn nhau gây rối loạn thị trường kinh doanh
3. Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm tìm kiếm các khách hàng mới để tăng doanh thu bán hàng cho Công ty.
4. Tiếp tục sản xuất kinh doanh sản phẩm truyền thống theo hướng chất lượng cao có giá bán cạnh tranh mà các năm trước đã thực hiện.
5. Duy trì và thường xuyên việc chăm sóc khách hàng, có chính sách khuyến khích, ưu đãi hợp lý đối với những khách hàng lâu năm cũng như các khách hàng mới.
6. Thực hiện chương trình quảng cáo theo kế hoạch hàng năm để quảng bá thương hiệu các sản phẩm của Công ty ở các cửa ngõ ra vào thành phố và các tỉnh lân cận.
7. Chú trọng về công tác tuyển dụng, đào tạo đội ngũ bán hàng để nâng cao tính chuyên nghiệp hơn nhằm phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty.
8. Xây dựng lại các biện pháp quản lý hàng tồn kho nhằm hạn chế hàng hóa quá hạn sử dụng hoặc lỗi thời dẫn đến phải thanh lý hủy bỏ gây thiệt hại đến tài sản Công ty.
9. Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ nhằm kiểm soát, quản lý các khoản chi tiêu trong toàn Công ty nhằm hạn chế phát sinh các chi phí không cần thiết để tăng hiệu quả SXKD.
10. Thường xuyên chú trọng công tác quản lý sản xuất để kiểm soát chặt chẽ về tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm.
11. Sắp xếp cơ cấu lại các phòng ban chức năng cho phù hợp với tình hình hoạt động Công ty để mang tính chuyên môn cao hơn nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng nhân viên, tăng năng suất lao động và tăng thu nhập cho người lao động.
12. Thực hiện và điều chỉnh chính sách nhân sự, tiền lương cho phù hợp và hỗ trợ cho người lao động kịp thời trong thời gian không có việc làm nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động đạt mức sống tối thiểu trở lên để giữ chân người lao động tiếp tục làm việc với Công ty.

### **III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

#### ***I. Kết quả sản xuất - kinh doanh:***

##### ***1.1 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:***

Các chỉ tiêu đã được thực hiện như sau

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% Tăng trưởng	
					2022/2021	TH/KH
1	Giá trị tổng sản lượng	161.816.038	183.836.400	217.582.422	34,46%	18,36%
2	Tổng doanh thu	414.641.967	550.000.000	587.390.223	41,66%	6,80%
	Doanh thu SX chính	414.641.967		587.390.223		
	Doanh thu KD khác		-			
3	Nộp ngân sách	25.585.901	30.909.000	31.429.823	22,84%	1,69%
4	Thu nhập doanh nghiệp					
	Lợi nhuận trước thuế	62.105.545	60.000.000	50.337.527	-18,95%	-16,10%
	Lợi nhuận sau thuế	49.583.636	48.000.000	40.046.140	-19,24%	-16,57%
5	Ưu đãi thuế					
6	Tổng lao động b/q (người)	155	165	146	-5,81%	-11,52%
7	Lương thực hiện b/q (tháng)	11.096	15.278	18.438	66,17%	20,68%
8	Trích khấu hao cơ bản	14.375.287	11.737.233	11.664.375	-18,86%	-0,62%
9	Đầu tư mua sắm TSCĐ	-		1.828.972		
	Trong đó: Đầu tư TSCĐ dở dang	-	-	-		

### 1.2 Hiệu quả kinh tế - tài chính:

Hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất – kinh doanh năm 2022

STT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản trên sổ sách	1000 đ	330.930.226	358.503.421	
2	Vốn góp của cổ đông	1000 đ	230.398.500	230.398.500	
3	Nguồn vốn chủ sở hữu (CSH)	1000 đ	278.065.560	274.335.986	
4	Mức tăng tích lũy vốn CSH	%	3,60%	-1,30%	
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	14,98%	8,57%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%	11,96%	6,82%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	14,98%	11,17%	
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản	%	18,77%	14,04%	
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	17,83%	14,60%	
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn góp	%	21,52%	17,38%	



**2. Tình hình tài chính Công ty:**

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2022 tính đến hết ngày 31.12.2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính và Kiểm toán phía Nam (AASCS) ngày 21/02/2022 và trên cơ sở tạm tính nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành, tình hình tài chính Công ty được ghi nhận như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện 2022
1	Tổng giá trị tài sản trên sổ sách	1000 đ	330.930.226		358.503.421
2	Nguồn vốn chủ sở hữu (CSH)	1000 đ	278.065.560		274.335.986
3	Vốn đầu tư chủ sở hữu	1000 đ	230.398.500		230.398.500
4	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	15,97%	Tối đa 40 %	23,48%
5	Nợ phải thu trên Tổng Tài sản	%	17,68%	Tối đa 30 %	23,00%
6	Nguồn vốn CSH trên Tổng nguồn vốn	%	84,03%	Tối thiểu 60 %	76,52%
7	Tăng trưởng tích lũy vốn CSH	%	3,60%	Tối thiểu 5 %	-1,30%
8	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	5,12	2,50	3,66
9	Hạn mức vay vốn lưu động thường xuyên	1000 đ	1.200.000	-	

**3. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT):**

Trong năm 2022, HDQT đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường khác để triệu tập tổ chức ĐHCĐ thường niên 2022.

HDQT đã thực hiện công việc quản lý chung của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả và đúng theo quy định của pháp luật. Các hoạt động của HDQT diễn ra đều tuân thủ đúng theo quy định của Điều lệ về chức năng – nhiệm vụ của HDQT.

**A. Các nghị quyết và quyết định của HDQT trong năm 2022, Trong đó:**

- Có 08 nghị quyết bao gồm:
  1. Thông qua kết quả SXKD quý 4 năm 2021
  2. Chốt danh sách tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2022 và tạm ứng cổ tức đợt 3.2021
  3. Bổ nhiệm các chức danh HDQT và Ban Điều hành Công ty
  4. Tạm ứng cổ tức đợt 1.2022
  5. Thông qua kết quả SXKD quý 2 năm 2022
  6. Cơ cấu tổ chức lại các phòng ban chức năng và quản trị nội bộ Công ty
  7. Thông qua kết quả SXKD quý 3 năm 2022
  8. Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022



**- Có 08 quyết định bao gồm:**

1. Điều chỉnh đơn giá tiền lương
2. Cho cán bộ quản lý nghỉ việc
3. Thông qua danh sách tham gia ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026
4. Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán Trưởng và Trưởng các phòng ban khác
5. Thành lập và bổ nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT
6. Ban hành quy chế kiểm toán nội bộ
7. Thành lập và bổ nhiệm Ban kiểm toán nội bộ và thù lao của Ban kiểm toán nội bộ
8. Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ

**B. Báo cáo tình hình triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu ADP tại sở giao chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE):**

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai các thủ tục việc chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch tại sàn chứng khoán UPCOM sang đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu tại Sở giao chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nhưng hồ sơ vẫn chưa hoàn chỉnh theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE). Trong năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để sớm thực hiện việc **niêm yết cổ phiếu ADP tại sở giao chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)**

**IV. CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ THÁCH THỨC TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY:**

Cùng với các hoạt động và kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại và khó khăn thách thức mà Công ty đang gặp phải trong năm 2022 như sau:

- Thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế, chính trị. Kinh tế thế giới phục hồi sau đại dịch COVID-19 làm cho nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng cao trong khi nguồn cung bị đứt gãy khiến giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng mạnh. Bên cạnh đó, cuộc chiến giữa Nga và Ukraina càng đẩy giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao và thế giới có nguy cơ phải đối diện với một cuộc khủng hoảng toàn cầu.
- Ngành công nghiệp sơn đối mặt với nhiều thách thức toàn cầu từ biến động giá dầu mỏ, cuộc chiến thuế quan Mỹ – Trung chưa có hồi kết, lạm phát đang ở mức cao đã làm ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các nhà sản xuất, phân phối sản phẩm. Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Sơn và mực in Việt Nam cho thấy, Việt Nam có khoảng hơn 600 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sơn, trong đó, các Công ty sơn nước ngoài chiếm giữ tới 65% thị phần, tập trung chủ yếu ở phân khúc sơn cao cấp.

**V. KẾT LUẬN:**

Thông qua nội dung báo cáo tình hình hoạt động và các kết quả thực hiện năm 2022, đồng thời điềm lại các kết quả thực hiện được, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá rằng:



Năm 2022, tình hình kinh tế trong nước tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng nay đã có dấu hiệu khởi sắc trở lại sau thời gian dài giãn cách xã hội để chống dịch. Theo đó, doanh thu thuần năm 2022 của Công ty đạt 587,39 tỷ đồng tăng 41,66% so với năm 2021. Tuy nhiên, do suy giảm kinh tế toàn cầu, đứt gãy chuỗi cung ứng, lãi suất tiền vay ngân hàng tăng, chênh lệch tỷ giá giữa đồng nội tệ và đồng ngoại tệ tăng cao trong thời gian vừa qua, dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh làm cho lợi nhuận thuần chỉ đạt 50,34 tỷ đồng giảm 18,95% so với năm 2021.

Với những chính sách, giải pháp hợp lý Công ty đã linh hoạt nắm bắt, tận dụng nhiều biện pháp để tiết giảm chi phí hạ giá thành sản xuất, tăng doanh số bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy vậy kết quả SXKD thực hiện vẫn chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn nhưng qua đó cũng đã thể hiện được sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra trong một năm đầy biến động và khó khăn.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá rằng với những gì đã làm, chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2022.

Thay mặt cho HĐQT tôi chân thành cảm ơn quý cổ đông, cán bộ công nhân viên Công ty, các đối tác và mọi người đã quan tâm, hỗ trợ chúng tôi hoàn thành công việc trong năm vừa qua.

Trân trọng kính chào.

PM Hội Đồng Quản Trị  
Chu Tịch  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
SƠN  
Á ĐÔNG  
QUẬN TÂY CHÍ MINH  
NGUYỄN THỊ NHUNG

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0302066222**

*Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 08 năm 2000*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 08 tháng 05 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A DONG PAINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ADP

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 028 38552689 - 028 39802198

Fax: 028 38555092

Email: [info@adongpaint.com.vn](mailto:info@adongpaint.com.vn)

Website: [adongpaint.com.vn](http://adongpaint.com.vn)

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 230.398.500.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng.*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 23.039.850

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 01/05/1941

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087141000026

Ngày cấp: 24/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Y7 Hồng Lĩnh, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: Y7 Hồng Lĩnh, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam





**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC  
HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

## MỤC LỤC

### **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

### **CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, Trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

### **CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

### **CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.**

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

### **CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

### **CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, Thương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị



Điều 31. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty. Thư ký Công ty

### **CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý điều hành

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

### **CHƯƠNG IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy Ban Kiểm toán

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của Ủy Ban kiểm toán

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán

Điều 39. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

### **CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

### **CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

### **CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

### **CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

### **CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

Điều 47. Năm tài chính

Điều 48. Chế độ kế toán.

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 50. Báo cáo thường niên.

### **CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY.**

Điều 51. Kiểm toán.

### **CHƯƠNG XVI. DẤU CỦA CÔNG TY**

Điều 52. Dấu của Công ty

### **CHƯƠNG XVII. GIẢI THẺ CÔNG TY.**

Điều 53. Giải thẻ Công ty

Điều 54. Gia hạn hoạt động

Điều 55. Thanh lý

### **CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.**

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

### **CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 57. Điều lệ Công ty.

### **CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 58. Ngày hiệu lực.

## PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Điều lệ này được bổ sung và sửa đổi và được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 22 Tháng 04 năm 2023

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông (dưới đây gọi tắt là Công ty), được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản luật hướng dẫn thi hành. Bao gồm các Chương, Điều, khoản như sau:

## CHƯƠNG I

### ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - g) *Người điều hành doanh nghiệp*: Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê chuẩn
  - h) *Người quản lý doanh nghiệp*: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám Đốc.
  - i) *Người có mối quan hệ gia đình*: Được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
  - j) *Người có liên quan* là cá nhân. Tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - k) *Cổ đông* là cá nhân. Tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;
  - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;
  - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
  - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.



Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông được sửa đổi lần thứ 14

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản pháp luật khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## CHƯƠNG II

### TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH; THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, Trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**
- Tên tiếng Anh : **A DONG PAINT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **ADP**

2. Công ty là Công ty cổ phần đại chúng có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

a) Trụ sở đăng ký của Công ty:

b) Địa chỉ : 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh

c) Điện thoại : (84) 028.38552689

d) Fax : (84) 028.38555092

e) Email : [info@adongpaint.com.vn](mailto:info@adongpaint.com.vn)

f) Website : [www.adongpaint.com.vn](http://www.adongpaint.com.vn)

g) Logo :



3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội Đồng quản trị Công ty hoặc người khác do Hội đồng quản trị chỉ định.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.



4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế, Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

### CHƯƠNG III

#### MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
  - a) Sản xuất, gia công, thiết kế và cung ứng sản phẩm, thiết bị và các dịch vụ kỹ thuật trong các lĩnh vực : công nghiệp sơn, xây dựng và tàu biển.
  - b) Kinh doanh thương mại bao gồm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán (sỉ và lẻ) trao đổi hàng hóa trên thị trường trong và ngoài nước các sản phẩm sơn các loại, nguyên liệu, dịch vụ và thiết bị công nghiệp sơn, xây dựng và tàu biển.
  - c) Xây dựng và kinh doanh địa ốc.
  - d) Đầu tư trực tiếp và gián tiếp bằng các cách hình thức thích hợp vào sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm, nguyên liệu dịch vụ, thiết bị ngành sơn và các ngành nghề khác.
  - e) Đầu tư tài chính.
  - f) Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
  - a) Sử dụng nguồn vốn, lao động, công nghệ tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra lợi nhuận, gia tăng lợi tức cho các cổ đông và tích lũy để phát triển Công ty.
  - b) Nỗ lực hoạt động mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng cao, chi phí hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh để Công ty tiến tới phát triển bền vững, góp phần đem lại lợi ích kinh tế cho xã hội, đóng góp vào ngân sách nhà nước, tạo việc làm cho người lao động đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

##### Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan và phải được đại hội đồng cổ đông thông qua

### CHƯƠNG IV

#### VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

##### Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **230.398.500.000 VND**

*(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng Việt Nam).*

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **23.039.850 cổ phần** *(Hai mươi ba triệu không trăm ba mươi chín ngàn tám trăm năm mươi cổ phần)* với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.



3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Tất cả các cổ phần phát hành của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại điều 12; điều 13 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
9. Cổ đông sáng lập: Công ty không có cổ đông sáng lập.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu, người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.



**Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán. Tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**CHƯƠNG V**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

**Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty tổ chức và hoạt động theo mô hình được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
3. Tổng Giám đốc.

**CHƯƠNG VI**

**CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - e) Xem xét, Tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;



Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông được sửa đổi lần thứ 14

- f) Xem xét; Tra cứu; Trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
  - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này,
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Xem xét; Tra cứu; Trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác. Trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
  - c) Yêu cầu Ủy Ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ; Tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông. Tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
  - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này,
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử,



### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua,
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân; Tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, Thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, Đại Hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự



hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản. Trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Theo yêu cầu của Ủy Ban kiểm toán;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
  - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập giữ chức chủ tịch Ủy Ban kiểm toán thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp
  - c) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự. Thủ tục triệu tập. Tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
  - d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty
  - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
  - d) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
  - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
  - f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;



- h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - i) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - j) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao. Thường và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
  - l) Phê duyệt/sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
  - m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - n) Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán
  - o) Chia, Tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - p) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho cá nhân. Tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân. Tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền. Tên cá nhân, đại diện theo pháp luật, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền thời hạn ủy quyền chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.



### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số cổ đông/đại diện cổ đông như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng cổ đông/đại diện cổ đông yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g) Các công việc khác phục vụ đại hội,
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sản giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày



Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông được sửa đổi lần thứ 14

trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
  - c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
  - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
  - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử. Trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó, Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội



dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa, số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký, ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại diện cổ đông và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
    - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa. Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
    - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
    - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp;
    - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
  3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
  4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
    - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
    - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
    - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
  5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
  6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
  7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
    - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;



- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây;
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia. Thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐCP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn đến hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Công ty.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, cụ thể là:
  - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
  - b) Định hướng phát triển Công ty;
  - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
  - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Tổ chức lại giải thể Công ty
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
  - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.



5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
  - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
  - i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - j) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham



dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu **10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và



Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông được sửa đổi lần thứ 14

Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
  - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
  - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
  5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ



đồng quy định cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường kinh doanh, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
  - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành quy chế kiểm toán nội bộ và quy chế về công bố thông tin của Công ty;
  - q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
  - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành.



**Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc cùng các chức danh quản lý khác trong Công ty
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn



khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp họp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01



giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển sản xuất kinh doanh, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong các tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các bản cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;
  - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
  - g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - ì) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## **CHƯƠNG VIII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý điều hành chịu trách nhiệm trước



Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của điều lệ Công ty
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả tiền lương và tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định
4. Tiền lương của người điều hành Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên,

#### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành.
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
  - g) Tuyển dụng lao động;
  - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị



## **CHƯƠNG IX**

### **ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán**

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị

#### **Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của Ủy Ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và các thành viên khác thuộc Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán là năm năm (05 năm) và cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật, am hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
  - c) Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

#### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán**

Ủy Ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Có quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán
2. Giám sát và chỉ đạo trực tiếp ban kiểm toán nội bộ của Công ty
3. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính được kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán
4. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết
5. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và các rủi ro, đề xuất Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động Công ty
6. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
7. Tham mưu cho Hội đồng quản trị xây dựng, sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua

#### **Điều 39. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán**

1. Ủy Ban kiểm toán tổ chức cuộc họp định kỳ tối thiểu 03 tháng/1 lần và họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh nằm ngoài phạm vi chương trình, kế hoạch công tác của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán hoặc các thành viên Ủy ban kiểm toán. Biên bản họp được lập chi tiết rõ ràng và được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp



Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông được sửa đổi lần thứ 14

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản do Điều lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có (01) một phiếu biểu quyết, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

**Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
  - a) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên của Ủy ban kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
  - b) Tổng kết cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán
  - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty
  - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50 % trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
  - a) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
  - b) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
  - c) Các nội dung khác

**CHƯƠNG X**

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

**Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cố gắng vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật



chúng khoản về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
  - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
  - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
  - c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **CHƯƠNG XI**

#### **QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

##### **Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của



mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 44. Công nhân viên và Công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 45. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Việc trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:
  - a) Trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo quy định của pháp luật tối đa không quá 10% lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm tài chính của Công ty
  - b) Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành và các quỹ khác theo quy định của pháp luật phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh và nhu cầu đầu tư, phát triển Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu,
3. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức các kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù



hợp với khả năng sinh lời của Công ty trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XIV

### TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

#### Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định



Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông được sửa đổi lần thứ 14

pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 50 Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XV KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 51. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chi định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty

### **CHƯƠNG XVI DẤU CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 52. Dấu của Công ty**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **CHƯƠNG XVII GIẢI THỂ CÔNG TY**

#### **Điều 53. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn (nếu có);
  - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 54. Gia hạn hoạt động**



1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

#### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;
  - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c) Nợ thuế;
  - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

### **CHƯƠNG XVIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
  - a) Cổ đông với Công ty;
  - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, Trù trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch Ủy ban kiểm toán chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.



**CHƯƠNG XIX  
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

**Điều 57. Điều lệ Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**CHƯƠNG XX  
NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 20 chương; 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Sơn Á Đông nhất trí thông qua việc sửa đổi và bổ sung vào ngày 22 tháng 04 năm 2023, tại Văn phòng Nhà Máy Sơn Á Đông địa chỉ: Khu Công nghiệp Hải Sơn, Ấp Bình Tiến 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành tám (06) bản chính có giá trị như nhau và được lưu giữ tại Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
- 5.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

Thành viên Hội đồng quản trị  
(Họ, tên, chữ ký)

Ông Lê Đình Quang .....

Ông Võ Hồng Hà .....

Ông Trần Bửu Trí .....

Bà Võ Thị Bích Ngọc .....

Bà Nguyễn Thị Minh Sáu .....

Ông Tống Trường Thịnh .....



Nguyễn Thị Nhung

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG****Báo cáo tài chính****Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021**



## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 31

05011  
CÔNG  
TNH  
CH VỤ  
CHINH  
À KIỂM  
PHIA  
- T.P

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ chín mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 06/08/2021 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Mô hình hoạt động

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

#### Hội đồng quản trị

Ông	Nguyễn Tài Tháo	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Nhung	Phó Chủ tịch
Bà	Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông	Lê Đình Quang	Thành viên
Ông	Cao Trí Đức	Thành viên
Ông	Trần Bửu Trí	Thành viên
Ông	Phan Ngọc Thuận	Thành viên





## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Ban Tổng Giám đốc

Bà	Nguyễn Thị Nhung	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Hữu Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Võ Thị Bích Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Cao Trí Đức	Phó Tổng Giám đốc

### Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Cần	Trưởng ban
Bà	Phạm Thị Như Ý	Thành viên
Ông	Trần Bá Kiệt	Thành viên

### Đại diện pháp luật

Bà	Nguyễn Thị Nhung
----	------------------

### Kế toán trưởng

Ông	Lê Đình Quang
-----	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

## V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021.

Duyệt, ngày 15 tháng 03 năm 2022

TM. Hội đồng quản trị  
Ghi lịch



Nguyễn Tài Thảo

Duyệt, ngày 15 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Nguyễn Thị Nhung".

Nguyễn Thị Nhung





Số **111** /BCKT/TC/2022/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG, được lập ngày 01/03/2022, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 15... tháng 03 năm 2022.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Kiểm toán viên



Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0424-2018-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>270.709.561.430</b>	<b>253.754.042.535</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>10.563.257.221</b>	<b>15.889.981.404</b>
Tiền	111		10.563.257.221	15.889.981.404
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		130.000.000.000	100.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.521.066.983</b>	<b>50.002.910.694</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	57.382.059.571	49.243.705.139
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.374.516.667	759.205.555
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(235.509.255)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>71.587.688.460</b>	<b>87.291.954.738</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	71.587.688.460	87.291.954.738
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.548.766</b>	<b>569.195.699</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	37.548.766	569.195.699
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>60.220.665.055</b>	<b>76.003.526.489</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.220.665.055</b>	<b>74.656.525.709</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	42.762.052.905	56.712.952.110
- Nguyên giá	222		141.179.203.005	158.029.682.388



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.417.150.100)	(101.316.730.278)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	17.458.612.150	17.943.573.599
- Nguyên giá	228		24.248.072.436	24.248.072.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.789.460.286)	(6.304.498.837)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>61.050.000</b>
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	61.050.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>1.285.950.780</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4	-	1.285.950.780
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>330.930.226.485</b>	<b>329.757.569.024</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>52.864.665.516</b>	<b>61.339.876.493</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.864.665.516</b>	<b>61.339.876.493</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	36.611.225.958	35.700.362.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		98.293.121	281.013.794
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	10.261.982.089	6.984.672.183
Phải trả người lao động	314		5.406.362.137	9.767.479.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	435.759.804	635.306.372
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	-	7.920.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.042.407	51.042.407

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.15</b>	<b>278.065.560.969</b>	<b>268.417.692.531</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>278.065.560.969</b>	<b>268.417.692.531</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.398.500.000	153.599.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.398.500.000	153.599.140.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	58.139.651.327
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.667.060.969	56.678.901.204
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		22.659.278.531	9.000.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.007.782.438	47.678.901.204
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>330.930.226.485</b>	<b>329.757.569.024</b>

Người lập biểu



Lê Đình Quang

Kế toán trưởng



Lê Đình Quang

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SƠN  
Á ĐÔNG  
QUẬN 8, TP. HỒ CHÍ MINH



Nguyễn Thị Nhung



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	416.354.104.341	573.795.286.977
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.712.137.235	1.456.499.555
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>414.641.967.106</b>	<b>572.338.787.422</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	322.981.713.037	429.756.171.038
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>91.660.254.069</b>	<b>142.582.616.384</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.156.553.503	5.046.765.038
Chi phí tài chính	22	VI.5	23.424.500	1.017.230.937
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.424.500	927.248.188
Chi phí bán hàng	25	VI.8	17.988.693.626	25.568.118.969
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	17.517.041.268	22.847.611.757
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>62.287.648.178</b>	<b>98.196.419.759</b>
Thu nhập khác	31	VI.6	249.787	580.494
Chi phí khác	32	VI.7	182.352.417	90.814.033
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(182.102.630)</b>	<b>(90.233.539)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>62.105.545.548</b>	<b>98.106.186.220</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	12.521.909.110	19.707.457.016
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>49.583.636.438</b>	<b>78.398.729.204</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.575	5.104
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	2.575	5.104

Người lập biểu



Lê Đình Quang

Kế toán trưởng



Lê Đình Quang

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Thị Nhung

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		441.069.220.301	648.675.609.087
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(276.983.875.586)	(411.126.630.409)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.404.391.699)	(34.829.843.140)
Tiền lãi vay đã trả	04		(23.424.500)	(927.248.188)
Thuế TNDN đã nộp	05		(9.807.457.016)	(18.544.228.519)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.539.126.199	2.936.754.433
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(91.298.083.110)	(137.727.535.045)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.091.114.589</b>	<b>48.456.878.219</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(211.564.000)	(2.863.963.796)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.654.240.628	3.897.744.147
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.442.676.628</b>	<b>1.033.780.351</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31			-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
Tiền thu từ đi vay	33		550.000.000	14.236.958.400
Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.470.000.000)	(19.166.958.400)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.940.515.400)	(38.059.140.380)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(45.860.515.400)</b>	<b>(42.989.140.380)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.326.724.183)</b>	<b>6.501.518.190</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>15.889.981.404</b>	<b>9.388.463.214</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>10.563.257.221</b>	<b>15.889.981.404</b>

Người lập biểu



Lê Đình Quang

Kế toán trưởng



Lê Đình Quang

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN  
Á ĐÔNG

Nguyễn Thị Nhung



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ chín mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 06/08/2021 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Mô hình hoạt động

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh

**b. Phương tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08 năm
- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị văn phòng	06-07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06-08 năm
- Tài sản vô hình	03-05 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	50 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

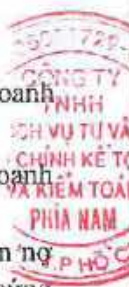
Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

#### b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

**c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

**b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	544.149.724	162.164.369
+ Tiền mặt (VND)	544.149.724	162.164.369
- Tiền gửi ngân hàng	10.019.107.497	15.727.817.035
+ Tiền gửi (VND)	10.019.107.497	15.727.817.035
Ngân hàng Công Thương Việt Nam CN.6	8.363.400.539	15.677.814.980
Ngân hàng Sacombank CN. Bình Tây	1.655.706.958	50.002.055
<b>Cộng</b>	<b>10.563.257.221</b>	<b>15.889.981.404</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	130.000.000.000	130.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam CN.6	27.000.000.000	27.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000
Ngân hàng Sacombank CN. Bình Tây	103.000.000.000	103.000.000.000	64.000.000.000	64.000.000.000
	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công Ty CP Tôn Mạ VNSTEEL Thăng Long	11.888.833.593	8.426.077.248
- Công Ty TNHH Phú Huỳnh	1.703.059.813	591.990.036
- Công Ty Tôn Phương Nam	36.797.889.087	32.813.535.590
- Công Ty Cổ Phần Thép TVP	-	42.752.600
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	2.594.359.067	3.036.491.376
- Đối tượng khác	4.397.918.011	4.332.858.289
<b>Cộng</b>	<b>57.382.059.571</b>	<b>49.243.705.139</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa	-	194.242.394
- Chi phí bảo hiểm	37.548.766	40.619.965
- Chi phí quảng cáo	-	334.333.340
<b>Cộng</b>	<b>37.548.766</b>	<b>569.195.699</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Chi phí đi dời MMTB	-	1.285.950.780
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.285.950.780</b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	60.000.000	-	21.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.294.516.667	-	738.205.555	-
+ <i>Lãi tiền gửi tiết kiệm</i>	<i>1.288.516.667</i>	-	<i>722.205.555</i>	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>6.000.000</i>	-	<i>16.000.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>1.374.516.667</b>	<b>-</b>	<b>759.205.555</b>	<b>-</b>

**6 . NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	235.509.255	-	-	-
<i>Chi tiết:</i>				
Công Ty TNHH SX TM Và DV Vương Thái Bình	70.739.255	-	-	-
Công Ty TNHH Thanh Bình	48.677.000	-	-	-
Công Ty CP Sản Phẩm Thép Nam Phát	36.200.000	-	-	-
Công Ty CP TM DV&SX Lâm Hiệp Hưng	79.893.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>235.509.255</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	40.374.889.733	-	60.910.195.028	-
- Chi phí SXKD dở dang	2.730.256.588	-	-	-
- Thành phẩm	28.482.542.139	-	26.381.759.710	-
<b>Cộng</b>	<b>71.587.688.460</b>	<b>-</b>	<b>87.291.954.738</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN****Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm TSCĐ	-	61.050.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>61.050.000</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	66.370.926.176	71.613.661.642	10.356.166.895	2.867.357.400	6.821.570.275	158.029.682.388
Số tăng trong năm	-	-	-	64.989.000	-	64.989.000
- Mua trong năm	-	-	-	64.989.000	-	64.989.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	16.104.626.686	763.182.606	47.659.091	-	16.915.468.383
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	16.104.626.686	763.182.606	47.659.091	-	16.915.468.383
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	66.370.926.176	55.509.034.956	9.592.984.289	2.884.687.309	6.821.570.275	141.179.203.005
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	26.069.220.478	59.831.840.622	7.944.238.622	1.619.555.323	5.851.875.233	101.316.730.278
Số tăng trong năm	5.739.216.169	6.405.958.601	743.471.909	1.001.680.488	-	13.890.327.167
- Khấu hao trong năm	5.739.216.169	6.405.958.601	743.471.909	1.001.680.488	-	13.890.327.167
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	15.979.065.648	763.182.606	47.659.091	-	16.789.907.345
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	15.979.065.648	763.182.606	47.659.091	-	16.789.907.345
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	31.808.436.647	50.258.733.575	7.924.527.925	2.573.576.720	5.851.875.233	98.417.150.100
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	40.301.705.698	11.781.821.020	2.411.928.273	1.247.802.077	969.695.042	56.712.952.110
Tại ngày cuối năm	34.562.489.529	5.250.301.381	1.668.456.364	311.110.589	969.695.042	42.762.052.905

#### Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

50.889.114.647



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.304.498.837	-	-	-	-	6.304.498.837
Số tăng trong năm	484.961.449	-	-	-	-	484.961.449
- Khấu hao trong năm	484.961.449	-	-	-	-	484.961.449
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.789.460.286	-	-	-	-	6.789.460.286
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	17.943.573.599	-	-	-	-	17.943.573.599
Tại ngày cuối năm	17.458.612.150	-	-	-	-	17.458.612.150





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Ngắn hạn

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay cá nhân:	-	-	550.000.000	8.470.000.000	7.920.000.000	7.920.000.000
Đặng Thị Lê Hà	-	-	550.000.000	1.300.000.000	750.000.000	750.000.000
Nguyễn Thị Cẩm Lệ	-	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Ngô Thị Ngọc	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Đối tượng khác	-	-	-	3.170.000.000	3.170.000.000	3.170.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	<b>550.000.000</b>	<b>8.470.000.000</b>	<b>7.920.000.000</b>	<b>7.920.000.000</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công Ty Arkema Coating Resin	9.827.191.680	9.827.191.680	6.844.921.600	6.844.921.600
- Công Ty TNHH Nordor A/S	3.421.791.300	3.421.791.300	4.005.776.500	4.005.776.500
- Công Ty CP Hc Ma Ha	774.262.500	774.262.500	1.746.404.000	1.746.404.000
DNTN TM DV Bình Phú	762.409.907	762.409.907	842.481.420	842.481.420
- Công Ty Nam Đan	41.580.000	41.580.000	1.276.000.000	1.276.000.000
- CN Công Ty Đầu Tư PTTT Hoá Chất (HN)	1.619.930.257	1.619.930.257	879.730.720	879.730.720
- Công Ty Phu Gia Tâm Nhìn Afcona	1.408.584.936	1.408.584.936	1.800.711.000	1.800.711.000
- Aditya Birla Chemicals.LTD	1.507.492.800	1.507.492.800	-	-
- Brenntag Pte LTD	4.103.055.000	4.103.055.000	2.551.450.000	2.551.450.000
- Đối tượng khác	13.144.927.578	13.144.927.578	15.752.887.000	15.752.887.000
<b>Cộng</b>	<b>36.611.225.958</b>	<b>36.611.225.958</b>	<b>35.700.362.240</b>	<b>35.700.362.240</b>

### 13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	913.396.053	41.635.410.454	41.226.598.094	1.322.208.413
+ <i>Thực nộp bằng tiền</i>	913.396.053	12.737.254.065	12.328.441.705	1.322.208.413
+ <i>Dược khấu trừ</i>	-	28.898.156.389	28.898.156.389	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.307.876.016	12.521.909.110	9.807.457.016	8.022.328.110
Thuế thu nhập cá nhân	763.400.114	2.945.311.585	2.791.266.133	917.445.566
Thuế đất, thuế nhà đất	-	505.373.818	505.373.818	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.984.672.183</b>	<b>57.612.004.967</b>	<b>54.334.695.061</b>	<b>10.261.982.089</b>

Quyết toán thuế của Công Ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- KPCĐ	435.759.804	427.175.204
- BHXH, BHYT, BHTN	-	3.031.168
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	205.100.000
+ <i>Tổng Công Ty Hoá Chất VN</i>	-	205.100.000
<b>Cộng</b>	<b>435.759.804</b>	<b>635.306.372</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	153.599.140.000	-	-	-	50.472.548.052	25.883.051.675	229.954.739.727
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	78.398.729.204	78.398.729.204
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	7.667.103.275	(7.667.103.275)	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(9.215.948.400)	(9.215.948.400)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(30.719.828.000)	(30.719.828.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước (Số dư đầu năm nay)</b>	<b>153.599.140.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>58.139.651.327</b>	<b>56.678.901.204</b>	<b>268.417.692.531</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	49.583.636.438	49.583.636.438
- Tăng vốn trong năm nay	76.799.360.000	-	-	-	-	-	76.799.360.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(58.139.651.327)	(34.019.622.673)	(92.159.274.000)
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	-	-	-	-	(18.659.708.673)	(18.659.708.673)
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	(58.139.651.327)	-	(58.139.651.327)
+ <i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	-	-	-	-	-	(15.359.914.000)	(15.359.914.000)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(24.575.854.000)	(24.575.854.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>230.398.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>47.667.060.969</b>	<b>278.065.560.969</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Nhung	37.006.690.000	32.351.130.000
- Vốn góp của Ông Trần Hữu Trí	26.165.680.000	17.443.790.000
- Vốn góp của Ông Lê Đình Quang	21.240.000.000	14.160.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	145.986.130.000	89.644.220.000
<b>Cộng</b>	<b>230.398.500.000</b>	<b>153.599.140.000</b>

**15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Vốn góp đầu năm	153.599.140.000	153.599.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	76.799.360.000	
+ Vốn góp giảm trong năm	-	
+ Vốn góp cuối năm	230.398.500.000	153.599.140.000
- Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế	(58.595.476.673)	(39.935.776.400)

**15.4. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.039.850	15.359.914
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.039.850	15.359.914
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	15.359.914
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.039.850	15.359.914
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	15.359.914
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**15.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	58.139.651.327
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****Doanh thu**

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu bán thành phẩm

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
32.000.000	961.851.500
416.322.104.341	572.833.435.477
<b>416.354.104.341</b>	<b>573.795.286.977</b>

**2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
1.085.873.355	976.635.225
626.263.880	479.864.330
<b>1.712.137.235</b>	<b>1.456.499.555</b>

**3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn hàng hóa đã bán
- Giá vốn thành phẩm đã bán

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
24.000.000	1.096.554.500
322.957.713.037	428.659.616.538
<b>322.981.713.037</b>	<b>429.756.171.038</b>

**4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
5.220.551.740	4.124.966.369
936.001.763	921.798.669
<b>6.156.553.503</b>	<b>5.046.765.038</b>

**5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
23.424.500	927.248.188
-	70.716.471
-	19.266.278
<b>23.424.500</b>	<b>1.017.230.937</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

- Điều chỉnh công nợ
- Các khoản khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
249.787	580.494
<b>249.787</b>	<b>580.494</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản bị phạt
- Các khoản khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
-	90.598.861
182.352.417	215.172
<b>182.352.417</b>	<b>90.814.033</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****8.1. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí bán hàng khác

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	929.330.562	913.735.631
	9.055.322.729	11.831.659.591
	700.673.530	840.808.236
	6.097.451.513	10.062.928.259
	1.205.915.292	1.918.987.252
<b>Cộng</b>	<b>17.988.693.626</b>	<b>25.568.118.969</b>

**8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí QLDN khác

**Cộng**

	2.424.137.333	2.505.457.357
	9.581.806.573	13.995.604.533
	468.931.304	488.440.836
	1.562.612.408	1.741.085.585
	3.479.553.650	4.117.023.446
<b>Cộng</b>	<b>17.517.041.268</b>	<b>22.847.611.757</b>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	317.013.151.357	420.887.997.504
	33.322.663.199	43.539.599.110
	14.375.288.616	14.891.318.784
	14.874.381.223	18.075.016.725
	6.406.246.414	6.546.898.947
<b>Cộng</b>	<b>385.991.730.809</b>	<b>503.940.831.070</b>

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	12.521.909.110	19.707.457.016
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.521.909.110</b>	<b>19.707.457.016</b>

*Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN
  - + Các khoản điều chỉnh tăng
- Tổng thu nhập chịu thuế
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
  - + Thuế TNDN theo thuế suất thông thường

	Năm nay	Năm trước
	62.105.545.548	98.106.186.220
	504.000.000	431.098.861
	504.000.000	431.098.861
	-	90.598.861
	504.000.000	340.500.000
	62.609.545.548	98.537.285.081
	12.521.909.110	19.707.457.016
	12.521.909.110	19.707.457.016



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	49.583.636.438	78.398.729.204
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.252.484	15.359.914
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>2.575</b>	<b>5.104</b>

### 12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	49.583.636.438	78.398.729.204
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.252.484	15.359.914
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.575</b>	<b>5.104</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

	Năm nay
	550.000.000

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

	Năm nay
	(8.470.000.000)

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3. Thông tin về các bên liên quan

#### 3.1. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Nhung	Thù lao, lương, thưởng	1.035.987.688	921.130.102
Trần Bửu Trí	Thù lao, lương, thưởng	883.396.723	790.999.432
Lê Đình Quang	Thù lao, lương, thưởng	878.644.525	743.752.219
Cao Trí Đức	Thù lao, lương, thưởng	933.464.450	710.133.657
Võ Thị Bích Ngọc	Thù lao, lương, thưởng	900.669.939	754.255.504

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

- Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh sản phẩm sơn. Ngoài các nguồn doanh thu này, Công ty không có doanh thu từ hoạt động khác do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

- Bên cạnh đó khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

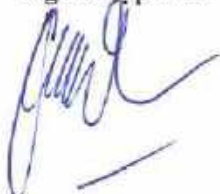
### 5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Lê Đình Quang

Kế toán trưởng



Lê Đình Quang

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Nhung





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

**Báo cáo tài chính**  
**Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022**

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30





## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 18/05/2022 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Mô hình hoạt động

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

#### Hội đồng quản trị

Bà	Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch
Ông	Trần Bửu Trí	Thành viên
Ông	Lê Đình Quang	Thành viên
Ông	Võ Hồng Hà	Thành viên
Bà	Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên độc lập
Ông	Tổng Trưởng Thịnh	Thành viên độc lập

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****Ban Giám đốc**

Bà Dương Thị Thuý Hương  
 Ông Lê Đình Quang  
 Ông Võ Hồng Hà

Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc

**Ủy Ban Kiểm toán**

Bà Nguyễn Thị Minh Sáu  
 Bà Tống Trường Thịnh

Chủ tịch  
 Thành viên

**Đại diện pháp luật**

Ông Võ Hồng Hà

**Kế toán trưởng**

Ông Huỳnh Thanh Tâm

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

**V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**VII. CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022.

Duyệt, ngày 21 tháng 02 năm 2023

TM. Hội đồng quản trị  
Chủ tịch



Nguyễn Thị Nhung

Duyệt, ngày 21 tháng 02 năm 2023

TM. Ban Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang



501720  
CÔNG TY  
TNHH  
CH VỤ TƯ  
VẤN  
CHÍNH KẾ  
KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 14 /BCKT/TC/2023/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG, được lập ngày 06/02/2023, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên



Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0424-2023-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>307.980.659.379</b>	<b>270.709.561.430</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>10.745.023.537</b>	<b>10.563.257.221</b>
Tiền	111		10.745.023.537	10.563.257.221
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		140.000.000.000	130.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>82.359.824.196</b>	<b>58.521.066.983</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.290.997.823	57.382.059.571
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.102.396.830	1.374.516.667
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(33.570.457)	(235.509.255)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>74.331.708.089</b>	<b>71.587.688.460</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	74.331.708.089	71.587.688.460
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>544.103.557</b>	<b>37.548.766</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	536.956.275	37.548.766
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	7.147.282	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.522.762.053</b>	<b>60.220.665.055</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>50.385.262.053</b>	<b>60.220.665.055</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33.411.611.351	42.762.052.905
- Nguyên giá	222		139.530.721.565	141.179.203.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.119.110.214)	(98.417.150.100)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.973.650.702	17.458.612.150
- Nguyên giá	228		24.248.072.436	24.248.072.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.274.421.734)	(6.789.460.286)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>137.500.000</b>	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	137.500.000	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>358.503.421.432</b>	<b>330.930.226.485</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>84.167.434.784</b>	<b>52.864.665.516</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>84.167.434.784</b>	<b>52.864.665.516</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	60.649.977.759	36.611.225.958
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.949.209	98.293.121
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.354.899.737	10.261.982.089
Phải trả người lao động	314		15.005.280.498	5.406.362.137
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.045.285.174	435.759.804
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.042.407	51.042.407
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.14</b>	<b>274.335.986.648</b>	<b>278.065.560.969</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>274.335.986.648</b>	<b>278.065.560.969</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.235.180.969	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.702.305.679	47.667.060.969
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.000.000.000	22.659.278.531
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.702.305.679	25.007.782.438
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>358.503.421.432</b>	<b>330.930.226.485</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	589.119.603.059	416.354.104.341
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.729.378.123	1.712.137.235
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>587.390.224.936</b>	<b>414.641.967.106</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	498.238.820.034	322.981.713.037
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>89.151.404.902</b>	<b>91.660.254.069</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.586.920.050	6.156.553.503
Chi phí tài chính	22	VI.5	564.945.490	23.424.500
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.490.000	23.424.500
Chi phí bán hàng	25	VI.8	22.949.104.554	17.988.693.626
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	23.816.505.625	17.517.041.268
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>50.407.769.283</b>	<b>62.287.648.178</b>
Thu nhập khác	31	VI.6	10.529.059	249.787
Chi phí khác	32	VI.7	80.771.118	182.352.417
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(70.242.059)</b>	<b>(182.102.630)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>50.337.527.224</b>	<b>62.105.545.548</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	10.291.386.545	12.521.909.110
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>40.046.140.679</b>	<b>49.583.636.438</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.738	2.575
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.738	2.575

Người lập biểu



Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		613.747.416.549	441.069.220.301
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(454.239.661.861)	(276.983.875.586)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.905.711.428)	(29.404.391.699)
Tiền lãi vay đã trả	04		(17.490.000)	(23.424.500)
Thuế TNDN đã nộp	05		(13.498.137.343)	(9.807.457.016)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.729.237.631	2.539.126.199
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(85.760.909.596)	(91.298.083.110)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>38.054.743.952</b>	<b>36.091.114.589</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.658.972.727)	(211.564.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.373.318.391	4.654.240.628
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.714.345.664</b>	<b>4.442.676.628</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		3.000.000.000	550.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)	(8.470.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.587.323.300)	(37.940.515.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(41.587.323.300)</b>	<b>(45.860.515.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>181.766.316</b>	<b>(5.326.724.183)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>10.563.257.221</b>	<b>15.889.981.404</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>10.745.023.537</b>	<b>10.563.257.221</b>

Người lập biểu

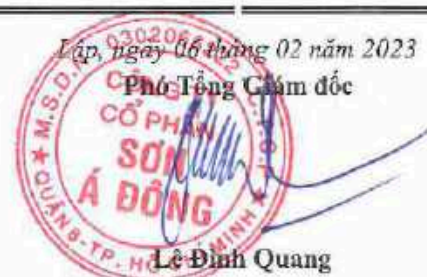


Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 18/05/2022 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND  
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Mô hình hoạt động

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

## 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh

**b. Phương tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi phí nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08 năm
- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị văn phòng	06-07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06-08 năm
- Tài sản vô hình	03-05 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	50 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

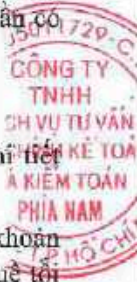
Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

**b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

### c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

## 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

### a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### 10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

102  
ÔN  
3 P  
30  
H  
501172  
CÔNG T  
TNHH  
DỊCH VỤ TƯ  
CHÍNH KẾ  
VÀ KIỂM TO  
PHÍA NAM  
T.P.HỒ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	314.058.045	544.149.724
+ Tiền mặt (VND)	314.058.045	544.149.724
- Tiền gửi ngân hàng	10.430.965.492	10.019.107.497
+ Tiền gửi (VND)	10.430.965.492	10.019.107.497
Tiền gửi Vietinbank - CN 6	10.033.893.389	8.363.400.539
Tiền gửi Sacombank - CN Bình Tây	397.072.103	1.655.706.958
<b>Cộng</b>	<b>10.745.023.537</b>	<b>10.563.257.221</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	140.000.000.000	140.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam CN.6	-	-	27.000.000.000	27.000.000.000
Ngân hàng Sacombank CN. Bình Tây	140.000.000.000	140.000.000.000	103.000.000.000	103.000.000.000
	<b>140.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>

**3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công Ty CP Tôn Mạ VNSTEEL Thăng Long	15.122.381.658	11.888.833.593
- Công Ty TNHH Phú Huỳnh	774.821.793	1.703.059.813
- Công Ty Tôn Phương Nam	60.367.604.990	36.797.889.087
- Công ty TNHH GREIF Việt Nam	691.815.564	290.836.282
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	1.328.035.233	2.594.359.067
- Đối tượng khác	2.006.338.585	4.107.081.729
<b>Cộng</b>	<b>80.290.997.823</b>	<b>57.382.059.571</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm tài sản	37.253.393	-
- Chi phí quảng cáo	183.333.334	-
- Chi phí sửa chữa	277.702.879	37.548.766
- Chi phí khác	38.666.669	-
- Chi phí di dời MMTB		
<b>Cộng</b>	<b>536.956.275</b>	<b>37.548.766</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Chi phí di dời MMTB	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	10.000.000	-	60.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	20.000.000	-
- Phải thu khác	2.092.396.830	-	1.294.516.667	-
+ BHYT, BHXH, BHYTN	1.364.200	-	-	-
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm	2.030.498.630	-	1.288.516.667	-
+ Các đối tượng khác	60.534.000	-	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.102.396.830</b>	<b>-</b>	<b>1.374.516.667</b>	<b>-</b>

**6 . NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	33.570.457	-	235.509.255	-
<i>Chi tiết:</i>				
Công Ty TNHH SX TM Và DV Vương Thái Bình	-	-	70.739.255	-
Công Ty TNHH Thanh Bình	-	-	48.677.000	-
Công Ty CP Sản Phẩm Thép Nam	-	-	36.200.000	-
Công Ty CP TM DV&SX Lâm Hiệp Hưng	-	-	79.893.000	-
Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	16.620.000	-	-	-
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	12.950.457	-	-	-
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh Điện Sơn Hải Thịnh	4.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.570.457</b>	<b>-</b>	<b>235.509.255</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	43.780.119.139	-	40.374.889.733	-
- Chi phí SXKD dở dang	85.727.572	-	2.730.256.588	-
- Thành phẩm	30.465.861.378	-	28.482.542.139	-
<b>Cộng</b>	<b>74.331.708.089</b>	<b>-</b>	<b>71.587.688.460</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm TSCĐ	137.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>137.500.000</b>	<b>-</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### 9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	66.370.926.176	55.509.034.956	9.592.984.289	2.884.687.309	6.821.570.275	141.179.203.005
Số tăng trong năm	-	-	1.213.972.727	-	615.000.000	1.828.972.727
- Mua trong năm	-	-	1.213.972.727	-	615.000.000	1.828.972.727
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	2.142.847.965	-	38.763.000	1.295.843.202	3.477.454.167
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.142.847.965	-	38.763.000	1.295.843.202	3.477.454.167
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	66.370.926.176	53.366.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	6.140.727.073	139.530.721.565
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	31.808.436.647	50.258.733.575	7.924.527.925	2.573.576.720	5.851.875.233	98.417.150.100
Số tăng trong năm	5.681.505.128	4.335.304.052	558.503.990	347.388.500	733.619.459	11.656.321.129
- Khấu hao trong năm	5.681.505.128	4.335.304.052	558.503.990	347.388.500	256.712.611	11.179.414.281
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	476.906.848	476.906.848
Số giảm trong năm	-	2.142.847.965	-	515.669.848	1.295.843.202	3.954.361.015
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.142.847.965	-	38.763.000	1.295.843.202	3.477.454.167
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	476.906.848	-	476.906.848
Số dư cuối năm	37.489.941.775	52.451.189.662	8.483.031.915	2.405.295.372	5.289.651.490	106.119.110.214
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	34.562.489.529	5.250.301.381	1.668.456.364	311.110.589	969.695.042	42.762.052.905
Tại ngày cuối năm	28.880.984.401	914.997.329	2.323.925.101	440.628.937	851.075.583	33.411.611.351

#### Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

59.590.710.512



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.789.460.286	-	-	-	-	6.789.460.286
Số tăng trong năm	484.961.448	-	-	-	-	484.961.448
- Khấu hao trong năm	484.961.448	-	-	-	-	484.961.448
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.274.421.734	-	-	-	-	7.274.421.734
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	17.458.612.150	-	-	-	-	17.458.612.150
Tại ngày cuối năm	16.973.650.702	-	-	-	-	16.973.650.702

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công Ty Arkema Coating Resin	17.035.024.160	17.035.024.160	9.827.191.680	9.827.191.680
- Công Ty TNHH Nordor A/S	4.204.569.600	4.204.569.600	3.421.791.300	3.421.791.300
- Công Ty CP Hc Ma Ha	2.837.850.069	2.837.850.069	774.262.500	774.262.500
- DNTN TM DV Bình Phú	3.931.692.848	3.931.692.848	762.409.907	762.409.907
- Công Ty Nam Đan	343.200.000	343.200.000	41.580.000	41.580.000
- CN Công Ty Đầu Tư PTTT Hoá Chất (HN)	2.327.195.200	2.327.195.200	1.619.930.257	1.619.930.257
- Công Ty Phụ Gia Tầm Nhìn Afcona	3.391.710.025	3.391.710.025	1.408.584.936	1.408.584.936
- Aditya Birla Chemicals.LTD	-	-	1.507.492.800	1.507.492.800
- Brenntag Pte LTD	-	-	4.103.055.000	4.103.055.000
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	1.328.035.233	1.328.035.233	-	-
- Đối tượng khác	25.250.700.624	25.250.700.624	13.144.927.578	13.144.927.578
<b>Cộng</b>	<b>60.649.977.759</b>	<b>60.649.977.759</b>	<b>36.611.225.958</b>	<b>36.611.225.958</b>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>12.1. Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.322.208.413	58.739.022.492	57.521.908.480	2.539.322.425
+ <i>Thực nộp bằng tiền</i>	1.322.208.413	11.484.847.183	10.267.733.171	2.539.322.425
+ <i>Được khấu trừ</i>	-	47.254.175.309	47.254.175.309	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	15.791.330.988	15.791.330.988	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.022.328.110	10.291.386.545	13.498.137.343	4.815.577.312
Thuế thu nhập cá nhân	917.445.566	2.831.863.010	3.749.308.576	-
Thuế đất, thuế nhà đất	-	511.138.368	511.138.368	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.261.982.089</b>	<b>88.168.741.403</b>	<b>91.075.823.755</b>	<b>7.354.899.737</b>
<b>12.2. Thuế và các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	7.147.282	7.147.282
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.147.282</b>	<b>7.147.282</b>

Quyết toán thuế của Công Ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
- KPCĐ		733.232.824		435.759.804
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		312.052.350		-
+ <i>Đối tượng khác</i>		312.052.350		-
<b>Cộng</b>		<b>1.045.285.174</b>		<b>435.759.804</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	153.599.140.000	-	-	-	58.139.651.327	56.678.901.204	268.417.692.531
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	49.583.636.438	49.583.636.438
- Tăng vốn trong năm trước	76.799.360.000	-	-	-	-	-	76.799.360.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(58.139.651.327)	(34.019.622.673)	(92.159.274.000)
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(18.659.708.673)	(18.659.708.673)
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(58.139.651.327)	-	(58.139.651.327)
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(15.359.914.000)	(15.359.914.000)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(24.575.854.000)	(24.575.854.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước (Số dư đầu năm nay)</b>	<b>230.398.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>47.667.060.969</b>	<b>278.065.560.969</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	40.046.140.679	40.046.140.679
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	7.235.180.969	(7.235.180.969)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.431.880.000)	(18.431.880.000)
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(18.431.880.000)	(18.431.880.000)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(25.343.835.000)	(25.343.835.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>230.398.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.235.180.969</b>	<b>36.702.305.679</b>	<b>274.335.986.648</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Nhung	37.006.690.000	37.006.690.000
- Vốn góp của Ông Trần Bửu Trí	26.165.680.000	26.165.680.000
- Vốn góp của Ông Lê Đình Quang	21.240.000.000	21.240.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	145.986.130.000	145.986.130.000
<b>Cộng</b>	<b>230.398.500.000</b>	<b>230.398.500.000</b>

**14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Vốn góp đầu năm	230.398.500.000	153.599.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	76.799.360.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	230.398.500.000	230.398.500.000
- Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế	(43.775.715.000)	(24.575.854.000)

**14.4. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.039.850	23.039.850
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**14.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7.235.180.969	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****Doanh thu**

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu bán thành phẩm

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
77.610.000	32.000.000
589.041.993.059	416.322.104.341
<b>589.119.603.059</b>	<b>416.354.104.341</b>

**2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
1.729.378.123	1.085.873.355
-	626.263.880
<b>1.729.378.123</b>	<b>1.712.137.235</b>

**3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn hàng hóa đã bán
- Giá vốn thành phẩm đã bán

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
66.822.283	24.000.000
498.171.997.751	322.957.713.037
<b>498.238.820.034</b>	<b>322.981.713.037</b>

**4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
8.586.920.050	5.220.551.740
-	936.001.763
<b>8.586.920.050</b>	<b>6.156.553.503</b>

**5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Chi phí tài chính khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
17.490.000	23.424.500
547.455.490	-
<b>564.945.490</b>	<b>23.424.500</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

- Các khoản khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
10.529.059	249.787
<b>10.529.059</b>	<b>249.787</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
80.771.118	182.352.417
<b>80.771.118</b>	<b>182.352.417</b>

**8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****8.1. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Năm nay	Năm trước
357.134.817	929.330.562
11.150.445.857	9.055.322.729
925.938.698	700.673.530
8.069.324.620	6.097.451.513

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

- Các khoản chi phí bán hàng khác	2.446.260.562	1.205.915.292
<b>Cộng</b>	<b>22.949.104.554</b>	<b>17.988.693.626</b>

**8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	811.138.420	2.424.137.333
- Chi phí công cụ, dụng cụ	461.837.453	-
- Chi phí nhân công	13.835.642.458	9.581.806.573
- Chi phí khấu hao	1.024.091.835	468.931.304
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.214.887.294	1.562.612.408
- Thuế, phí, lệ phí	80.557.416	-
- Các khoản chi phí QLDN khác	5.388.350.749	3.479.553.650
<b>Cộng</b>	<b>23.816.505.625</b>	<b>17.517.041.268</b>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	491.739.736.751	317.013.151.357
- Chi phí nhân công	44.861.528.065	33.322.663.199
- Chi phí khấu hao TSCĐ	11.664.375.729	14.375.288.616
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.746.115.267	14.874.381.223
- Chi phí bằng tiền khác	19.362.219.246	6.406.246.414
<b>Cộng</b>	<b>576.373.975.058</b>	<b>385.991.730.809</b>

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.215.158.312	12.521.909.110
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	76.228.233	-
<b>Cộng</b>	<b>10.291.386.545</b>	<b>12.521.909.110</b>

*Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.337.527.224	62.105.545.548
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	738.264.334	504.000.000
+ Các khoản điều chỉnh tăng	738.264.334	504.000.000
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế, chi phí dự phòng</i>	<i>114.264.334</i>	<i>-</i>
<i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	<i>624.000.000</i>	<i>504.000.000</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	51.075.791.558	62.609.545.548
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	10.291.386.545	12.521.909.110
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	10.215.158.312	12.521.909.110
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	76.228.233	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

**11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	40.046.140.679	49.583.636.438
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	19.252.484
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.738</b>	<b>2.575</b>

**12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	40.046.140.679	49.583.636.438
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	19.252.484
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.738</b>	<b>2.575</b>

**VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

- 1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
- 2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có

**3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.000.000.000

**4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ**

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(3.000.000.000)

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- 3 . Thông tin về các bên liên quan

**3.1. Giao dịch với bên có liên quan**

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Nhung	Thù lao, lương, thưởng	416.173.439	1.035.987.688
Trần Bửu Trí	Thù lao, lương, thưởng	330.025.199	883.396.723
Lê Đình Quang	Thù lao, lương, thưởng	816.343.767	878.644.525
Cao Trí Đức	Thù lao, lương, thưởng	-	933.464.450
Võ Hồng Hà	Thù lao, lương, thưởng	722.174.972	-
Võ Thị Bích Ngọc	Thù lao, lương, thưởng	330.576.140	900.669.939

**4 . Thông tin về Báo cáo bộ phận**

- Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh sản phẩm sơn. Ngoài các nguồn doanh thu này, Công ty không có doanh thu từ hoạt động khác do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

- Bên cạnh đó khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### 5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm

Lập ngày 06 tháng 02 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang





**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

**1387 Bến Bình Đông , Phường 15, Quận 8, Tp.HCM**

**Mã số doanh nghiệp : 0302066222**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ 1 NĂM 2023**

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2023 của Công ty từ 01/01/2023 đến 31/03/2023.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ chín mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 06/08/2021 do số Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp.HCM.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Mô hình hoạt động

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiến II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/03/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/03/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

#### Hội đồng quản trị

Ông	Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch
Bà	Trần Bửu Trí	Thành viên
Ông	Lê Đình Quang	Thành viên
Ông	Võ Hồng Hà	Thành viên
Bà	Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên độc lập
Ông	Tổng Quốc Thịnh	Thành viên độc lập

#### Ban Tổng Giám Đốc

Bà	Dương Thị Thùy Hương	Tổng Giám Đốc
Ông	Lê Đình Quang	Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Võ Hồng Hà	Phó Tổng Giám Đốc





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>284.182.706.603</b>	<b>307.980.659.379</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.734.349.694</b>	<b>10.745.023.537</b>
Tiền	111	V.1	12.734.349.694	10.745.023.537
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>129.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		129.000.000.000	140.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.197.481.265</b>	<b>82.359.824.196</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	56.151.808.540	80.290.997.823
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.079.243.182	2.102.396.830
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(33.570.457)	(33.570.457)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>84.338.108.204</b>	<b>74.331.708.089</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	84.338.108.204	74.331.708.089
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>912.767.440</b>	<b>544.103.557</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	912.767.440	536.956.275
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	7.147.282
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>47.515.907.437</b>	<b>50.522.762.053</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.378.407.437</b>	<b>50.385.262.053</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	30.525.997.097	33.411.611.351
- Nguyên giá	222		139.530.721.565	139.530.721.565





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.004.724.468)	(106.119.110.214)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.852.410.340	16.973.650.702
- Nguyên giá	228		24.248.072.436	24.248.072.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.395.662.096)	(7.274.421.734)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>137.500.000</b>	<b>137.500.000</b>
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	137.500.000	137.500.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>331.698.614.040</b>	<b>358.503.421.432</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.923.336.755</b>	<b>84.167.434.784</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.923.336.755</b>	<b>84.167.434.784</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	47.163.007.498	60.649.977.759
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.383.241	60.949.209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	3.248.881.056	7.354.899.737
Phải trả người lao động	314		10.719.985.852	15.005.280.498
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	672.036.701	1.045.285.174
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.042.407	51.042.407

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>269.775.277.285</b>	<b>274.335.986.648</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>269.775.277.285</b>	<b>274.335.986.648</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.15	230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	7.235.180.969	7.235.180.969
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.15	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	32.141.596.316	36.702.305.679
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.878.341.979	36.702.305.679
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.263.254.337	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>331.698.614.040</b>	<b>358.503.421.432</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm

Lập ngày 18 tháng 04 năm 2023

Phó Tổng Giám Đốc



Lê Đình Quang



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	109.008.042.924	147.841.762.892
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	616.481.731	496.562.768
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>108.391.561.193</b>	<b>147.345.200.124</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	89.630.655.663	126.407.983.088
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>18.760.905.530</b>	<b>20.937.217.036</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.046.302.925	494.271.203
Chi phí tài chính	22	VI.5		
- Trong đó: chi phí lãi vay	23			
Chi phí bán hàng	25	VI.8	3.919.128.287	5.562.612.761
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	4.309.083.177	4.873.809.321
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>11.578.996.991</b>	<b>10.995.066.157</b>
Thu nhập khác	31	VI.6	70.930	8.250.418
Chi phí khác	32	VI.7		240
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>70.930</b>	<b>8.250.178</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.579.067.921</b>	<b>11.003.316.335</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.315.813.584	2.200.663.267
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>9.263.254.337</b>	<b>8.802.653.068</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	402	382
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	402	382

Người lập biểu

Nguyễn Thực Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2023	Quý 1/2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		141.401.933.855	133.463.191.251
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(109.033.551.734)	(84.146.949.798)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.187.604.236)	(8.161.169.271)
Tiền lãi vay đã trả	04			
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp đã nộp	05		(4.891.386.545)	(8.021.909.110)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.131.520.606	1.639.234.067
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.601.413.406)	(27.192.120.019)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.819.498.540</b>	<b>7.580.277.120</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		562.934.063	234.340.951
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>562.934.063</b>	<b>234.340.951</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33			
Tiền trả nợ gốc vay	34			
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
Cổ tức, lãi vay, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.393.106.446)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(13.393.106.446)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.989.326.157</b>	<b>7.814.618.071</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.745.023.537	10.563.257.221
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>12.734.349.694</b>	<b>18.377.875.292</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 Năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ chín mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 06/08/2021 do số Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000  
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 : 230.398.500.000

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp.HCM.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Mô hình hoạt động

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiến II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2023

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

## 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 Năm 2023

### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh

### b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động. Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08 năm
- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị văn phòng	06-07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06-08 năm
- Tài sản vô hình	03-05 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	50 năm

## 5. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 Năm 2023

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 Năm 2023

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

### b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

### c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

## 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

### a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 Năm 2023

### b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

## 10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại,



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2023

### 11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2023

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

Đơn vị tính: VND

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tiền mặt	514.652.742	314.058.045
+ Tiền mặt (VND)	514.652.742	314.058.045
+ Tiền gửi (VND)	12.219.696.952	10.430.965.492
<i>Ngân hàng Công Thương Việt Nam CN 6</i>	<i>11.125.036.525</i>	<i>10.033.893.389</i>
<i>Ngân hàng Sacombank-CN Bình Tây</i>	<i>1.094.660.427</i>	<i>397.072.103</i>
<b>Cộng</b>	<b>12.734.349.694</b>	<b>10.745.023.537</b>

#### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
+ Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng )		
<i>Ngân hàng Công Thương Việt Nam CN 6</i>		
<i>Ngân hàng Sacombank-CN Bình Tây</i>		
<b>Cộng</b>	<b>129.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>
	<b>129.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>

#### 3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Tôn Mã VNSTEEL Thăng Long	15.644.148.156	15.122.381.658
- Công ty TNHH Phú Huỳnh	771.758.672	774.821.793
- Công ty Liên doanh Tôn Phương Nam	30.456.481.660	60.367.604.990
- Công ty TNHH GREIF Việt Nam	993.512.916	691.815.564
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	1.907.182.433	1.328.035.233
- Đối tượng khác	6.378.724.703	2.006.338.585
<b>Cộng</b>	<b>56.151.808.540</b>	<b>80.290.997.823</b>
	<b>56.151.808.540</b>	<b>80.290.997.823</b>

#### 4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí làm bảng hiệu Công ty	72.255.272	123.594.548
- Bảo hiểm Chống cháy nổ Tài sản	366.147.785	37.253.393
- Chi phí quảng cáo	128.333.338	183.333.334
- Chi phí S/c xe Nâng hàng	45.483.332	113.708.333
- Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc	167.921.446	
- Chi phí lắp đặt Camera	35.959.600	40.400.000
- Phần mềm quản lý	96.666.667	38.666.667
<b>Cộng</b>	<b>912.767.440</b>	<b>536.956.275</b>
	<b>912.767.440</b>	<b>536.956.275</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Quý I Năm 2023

#### 5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	69.000.000	-	10.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ		-		-
+ Ngân hàng Công Thương CN 6		-	-	-
- Phải thu khác	1.010.243.182	-	2.092.396.830	-
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm Sacombank	973.095.891	-	2.030.498.630	-
+ Bảo hiểm xã hội nộp thừa	18.147.291	-	1.364.200	-
+ Tiền vận chuyển đưa rước CB,CNV		-	47.034.000	-
+ Các đối tượng khác	19.000.000	-	13.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.079.243.182</b>	<b>-</b>	<b>2.102.396.830</b>	<b>-</b>

#### 6 . NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	33.570.457	-	33.570.457	-
<i>Chi tiết:</i>				
Công Ty TNHH SX TM Và DV Phát Phúc	16.620.000	-	16.620.000	-
Công Ty TNHH SX TM Và DV Đại Hùng	12.950.457	-	12.950.457	-
Công Ty TNHH Sơn Tinh điện Hải Thịnh	4.000.000	-	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>33.570.457</b>	<b>-</b>	<b>33.570.457</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý 1 Năm 2023**

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	50.363.339.036	-	43.780.119.139	-
- Chi phí SXKD dở dang	83.376.830	-	85.727.572	-
- Thành phẩm	33.891.392.338	-	30.465.861.378	-
<b>Cộng</b>	<b>84.338.108.204</b>	<b>-</b>	<b>74.331.708.089</b>	<b>-</b>

**8. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

**Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Mua sắm TSCĐ	137.500.000	137.500.000
<b>Cộng</b>	<b>137.500.000</b>	<b>137.500.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Quý 1 Năm 2023

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	66.370.926.176	53.366.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	6.140.727.073	139.530.721.565
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	66.370.926.176	53.366.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	6.140.727.073	139.530.721.565
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	37.489.941.775	52.451.189.662	8.483.031.915	2.405.295.372	5.289.651.490	106.119.110.214
Số tăng trong năm	1.903.230.215	253.111.107	175.743.011	86.847.125	466.682.796	2.885.614.254
- Khấu hao trong năm	1.903.230.215	253.111.107	175.743.011	86.847.125	466.682.796	2.885.614.254
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	39.393.171.990	52.704.300.769	8.658.774.926	2.492.142.497	5.756.334.286	109.004.724.468
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	28.880.984.401	914.997.329	2.323.925.101	440.628.937	851.075.583	33.411.611.351
Tại ngày cuối năm	26.977.754.186	661.886.222	2.148.182.090	353.781.812	384.392.787	30.525.997.097

**Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 60.358.244.919 đồng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Quý 1 Năm 2023

**10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	7.274.421.734	-	-	-	-	7.274.421.734
Số tăng trong năm	121.240.362	-	-	-	-	121.240.362
- Khấu hao trong năm	121.240.362	-	-	-	-	121.240.362
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.395.662.096	-	-	-	-	7.395.662.096
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	16.973.650.702	-	-	-	-	16.973.650.702
Tại ngày cuối năm	16.852.410.340	-	-	-	-	16.852.410.340



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2023

### 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Arkema Coating Resin	17.193.160.000	17.193.160.000	17.035.024.160	17.035.024.160
Công ty TNHH Nordor A/S	3.211.658.100	3.211.658.100	4.204.569.600	4.204.569.600
Công ty CP Hc Ma Ha	966.320.850	966.320.850	2.837.850.069	2.837.850.069
DNTN TM DV Bình Phú	904.583.570	904.583.570	3.931.692.848	3.931.692.848
Công ty TNHH Nam Đan	1.861.200.000	1.861.200.000	1.210.299.200	1.210.299.200
Công ty CP Sam Chem Quả Cầu	1.885.138.300	1.885.138.300	933.363.200	933.363.200
CN Công ty Đầu Tư PTTT Hoà Chất (HN)	919.801.080	919.801.080	2.327.195.200	2.327.195.200
Công ty Phụ Gia Tầm Nhìn Afcona	1.545.907.358	1.545.907.358	3.391.710.025	3.391.710.025
Công ty TNHH TM DV Gia My	697.022.480	697.022.480	1.058.930.510	1.058.930.510
Công ty TNHH Việt Ân Thái Bình	611.600.000	611.600.000	2.424.140.000	2.424.140.000
Công ty TNHH Brenntag VN	1.413.169.340	1.413.169.340	4.580.950.842	4.580.950.842
Đối tượng khác	15.953.446.420	15.953.446.420	16.714.252.105	16.714.252.105
<b>Cộng</b>	<b>47.163.007.498</b>	<b>47.163.007.498</b>	<b>60.649.977.759</b>	<b>60.649.977.759</b>

### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.539.322.425	10.839.156.120	13.026.586.150	351.892.395
+ Thực nộp bằng tiền	2.539.322.425	1.065.415.217	3.252.845.247	351.892.395
+ Được khấu trừ	-	9.773.740.903	9.773.740.903	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.815.577.312	2.315.813.584	4.891.386.545	2.240.004.351
Thuế thu nhập cá nhân	-	709.098.218	52.113.908	656.984.310
Tiền thuế đất	-	13.000.000	13.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.354.899.737</b>	<b>13.881.067.922</b>	<b>17.987.086.603</b>	<b>3.248.881.056</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Ngắn hạn</b>		
- KPCĐ	672.036.701	733.232.824
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	312.052.350
+ Các đối tượng khác	-	312.052.350
<b>Cộng</b>	<b>672.036.701</b>	<b>1.045.285.174</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Quý 1 Năm 2023

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>230.398.500.000</b>	-	-	-	-	-	47.667.060.969	278.065.560.969
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	40.046.140.679	40.046.140.679
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	7.235.180.969	-	(7.235.180.969)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(18.431.880.000)	(18.431.880.000)
- Tạm cổ tức	-	-	-	-	-	-	(25.343.835.000)	(25.343.835.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>230.398.500.000</b>	-	-	-	<b>7.235.180.969</b>	-	<b>36.702.305.679</b>	<b>274.335.986.648</b>
<b>(Số dư đầu năm nay)</b>	<b>230.398.500.000</b>	-	-	-	<b>7.235.180.969</b>	-	<b>36.702.305.679</b>	<b>274.335.986.648</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	9.263.254.337	9.263.254.337
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	13.823.963.700	13.823.963.700
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>230.398.500.000</b>	-	-	-	<b>7.235.180.969</b>	-	<b>32.141.596.316</b>	<b>269.775.277.285</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2023

### 15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Nhung	37.006.690.000	37.006.690.000
- Vốn góp của Ông Trần Bửu Tri	26.165.680.000	26.165.680.000
- Vốn góp của Ông Lê Đình Quang	21.240.000.000	21.240.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	145.986.130.000	145.986.130.000
<b>Cộng</b>	<b>230.398.500.000</b>	<b>230.398.500.000</b>

### 15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Vốn góp đầu kỳ	230.398.500.000	230.398.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	230.398.500.000	230.398.500.000

### 15.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.039.850	23.039.850
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

### 15.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Quỹ đầu tư phát triển	7.235.180.969	7.235.180.969
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2023

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

#### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	10.000.000	147.841.762.892
- Doanh thu bán thành phẩm	108.998.042.924	
<b>Cộng</b>	<b>109.008.042.924</b>	<b>147.841.762.892</b>

#### 2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
- Giảm giá hàng bán	616.481.731	496.562.768
- Hàng bán bị trả lại	-	
<b>Cộng</b>	<b>616.481.731</b>	<b>496.562.768</b>

#### 3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
- Giá vốn hàng hóa đã bán	9.000.000	
- Giá vốn thành phẩm đã bán	89.621.655.663	126.407.983.088
<b>Cộng</b>	<b>89.630.655.663</b>	<b>126.407.983.088</b>

#### 4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	562.934.063	234.340.951
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	483.368.862	259.930.252
<b>Cộng</b>	<b>1.046.302.925</b>	<b>494.271.203</b>

#### 5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
- Lãi tiền vay	-	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### 6. THU NHẬP KHÁC

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Các khoản khác	70.930	8.250.418
<b>Cộng</b>	<b>70.930</b>	<b>8.250.418</b>

#### 7. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Quý 1 Năm 2023

- Các khoản khác		240
<b>Cộng</b>	-	<b>240</b>

#### 8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
<b>8.1. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.412.882	80.076.036
- Chi phí nhân công	1.547.880.492	2.983.573.173
- Chi phí khấu hao TSCĐ	260.784.255	210.202.059
- Chi phí dịch vụ vận chuyển	1.404.565.395	1.603.596.610
- Chi phí dịch vụ quảng cáo	57.499.999	244.407.407
- Chi phí bằng tiền khác	538.985.264	440.757.476
<b>Cộng</b>	<b>3.919.128.287</b>	<b>5.562.612.761</b>

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
<b>8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nguyên, vật liệu	141.816.985	206.397.883
- Chi phí công cụ, dụng cụ	423.747.237	21.879.486
- Chi phí nhân công	2.520.428.309	3.566.162.022
- Chi phí khấu hao	122.110.209	122.110.209
- Thuế, phí, lệ phí	82.483.991	48.575.309
- Chi phí tài liệu, VPP	106.000.656	209.650.032
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	748.677.631	318.149.241
- Các khoản chi phí QLDN khác	163.818.159	380.885.139
<b>Cộng</b>	<b>4.309.083.177</b>	<b>4.873.809.321</b>

#### 9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.598.509.547	126.594.926.396
- Chi phí nhân công	7.520.285.378	8.463.770.781
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.006.854.616	3.181.962.859
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.560.786.085	1.413.687.851
- Chi phí bằng tiền khác	3.851.118.216	7.411.884.797
<b>Cộng</b>	<b>109.537.553.842</b>	<b>147.066.232.684</b>

#### 10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 1 Năm 2023	Quý 1 Năm 2022
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.315.813.584	2.200.663.267
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 1 Năm 2023

<b>Cộng</b>	<b>2.315.813.584</b>	<b>2.200.663.267</b>
-------------	----------------------	----------------------

*Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

	<b>Quý 1 Năm 2023</b>	<b>Quý 1 Năm 2022</b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.579.067.921	11.003.316.335
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.315.813.584	2.200.663.267
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	2.315.813.584	2.200.663.267
- Thuế TNDN phải nộp	2.315.813.584	2.200.663.267

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Quý 1 Năm 2023</b>	<b>Quý 1 Năm 2022</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	9.263.254.337	8.802.653.068
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	23.039.850
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>402</b>	<b>382</b>

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Quý 1 Năm 2023</b>	<b>Quý 1 Năm 2022</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	9.263.254.337	8.802.653.068
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	23.039.850
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>402</b>	<b>382</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Quý 1 Năm 2023

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

-

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

Quý 1 Năm 2023

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2023

### 3. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

#### 3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### *a. Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức

##### *b. Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

##### *c. Rủi ro về giá*

##### Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

##### Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Quý 1 Năm 2023

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

### 3.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng.

#### b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 3.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	47.163.007.498	-	-	47.163.007.498
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	672.036.701	-	-	672.036.701
<b>Số đầu kỳ</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	60.649.977.759	-	-	60.649.977.759
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.045.285.174	-	-	1.045.285.174



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 Năm 2023

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.734.349.694	10.745.023.537	12.734.349.694	10.745.023.537
Phải thu khách hàng	56.151.808.540	80.290.997.823	56.151.808.540	80.290.997.823
Trả trước cho người bán	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.079.243.182	2.102.396.830	1.079.243.182	2.102.396.830
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	47.163.007.498	60.649.977.759	47.163.007.498	60.649.977.759
Người mua trả tiền trước	68.383.241	60.949.209	68.383.241	60.949.209
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	10.719.985.852	15.005.280.498	10.719.985.852	15.005.280.498
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	672.036.701	1.045.285.174	672.036.701	1.045.285.174

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 5. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

#### 6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm



Lê Đình Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN Á ĐÔNG**

Số: 12./...CV-ADP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày .. tháng .. năm 2023

V/v giới thiệu văn bản pháp luật có liên quan

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông (ADP) báo cáo Quý Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) các văn bản pháp luật có liên quan, như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 do Chính phủ ban hành về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư 57/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác;
- Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết;
- Quyết định số 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/03/2018 của Tổng Giám đốc SGDCKTPHCM về việc ban hành quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Một số quy định theo pháp luật khác.

Rất mong Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sẽ xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HSX của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- SGDCK TP.HCM;
- Lưu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG  
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**NGUYỄN THỊ NHUNG**